

PHẦN MỘT

LỊCH SỬ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

CHƯƠNG I

SỰ RA ĐỜI CỦA TRƯỜNG CÔNG CHÁNH ĐÔNG DƯƠNG (THÁNG 06, 1902)

Vào hạ bán Thế kỷ 19, người Pháp đã muốn xâm chiếm Việt nam để bành trướng thế lực ở Á Châu. Bấy giờ các cường quốc Tây Phương rất phát triển về Kinh tế và Kỹ nghệ nên đua nhau đi chiếm thuộc địa trên khắp thế giới làm thị trường tiêu thụ hàng hóa của họ.

Lấy cơ các vua Việt Nam tàn sát các Giáo sĩ truyền giáo, năm 1858 liên quân Pháp - I Pha Nho do tướng Rigault de Genouilly chỉ huy đã tấn công Đà Nẵng, mở đầu cho mộing xâm lăng của Tây Phương nói chung và Pháp nói riêng (Việt Nam Kháng Pháp Sử của Hà Mai Phương, trang 07). Sau nhiều năm chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam, nhờ võ khí tối tân lúc bấy giờ so với võ khí thô sơ của quân dân Việt Nam, quân Pháp lần lượt chiếm các tỉnh và thành phố của Việt Nam. Năm 1867 Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông rồi ba tỉnh miền Tây Nam kỳ. Đến năm 1883, Hòa ước Quý Mùi (còn gọi là Hòa ước Harmand) đã để cho người Pháp chính thức đô hộ toàn cõi Trung và Bắc kỳ, và cũng là Hòa ước đầu tiên đánh dấu sự mất chủ quyền trên toàn lãnh thổ còn lại của nhà Nguyễn (Việt Nam Kháng Pháp Sử, trang 33). Song song với việc đánh chiếm Việt Nam, Người Pháp cũng tìm cách xâm chiếm và đô hộ hai nước láng giềng Ai Lao

và Cao Miên. Đường lối cai trị của Pháp được gọi là chính sách thực dân, nhằm biến cả nước Việt Nam và hai nước Ai Lao, Cao Miên trở thành thuộc địa của Pháp, và trực trị bởi sự hiện diện của các Công sứ, Trú sứ Pháp tại các tỉnh. Riêng tại Nam kỳ các Quận trưởng trở lên đều là người Pháp. Với chính sách chia để trị, họ biến Việt nam, một quốc gia thống nhất trở nên ba quốc gia riêng biệt: đó là nước Nam kỳ (Cochinchine) nước Trung kỳ (Annam) và nước Bắc kỳ (Tonkin). Mỗi nước có những chế độ cai trị, luật pháp riêng, và người từ Kỳ này sang Kỳ khác phải có giấy Thông hành như đi qua một Quốc gia xa lạ (Việt Nam Kháng Pháp Sử, trang 345 - 346). Pháp gom cả năm nước Ai Lao, Cao Miên, Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ thành Liên Bang Đông Dương, do một vị cai trị đứng đầu gọi là Toàn Quyền Đông Dương (Gouverneur Général de l'Indochine). Nhằm phục vụ cho quân sự và thương mại, người Pháp trước hết phải lo sửa sang và mở mang thêm đường sá cho tiện sự giao thông, (VN sử lược Trần Trọng Kim, tập 2 trang 36).

Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương (Inspection Générale des Travaux Publics de l' Indochine) và các Sở Công Chánh địa phương (Services des

Travaux Publics) được thành lập rất sớm, vào năm 1898 (Arrêté du 9 Septembre 1898 portant organisation du Service des Travaux Publics - Ghi tại phần tham chiếu của Nghị Định 22 tháng 02 năm 1902).

Lúc ban đầu các Cơ quan Công Chánh địa phương đã phải tuyển dụng người bản xứ, huấn luyện tại chỗ trong lúc làm việc những điều hiểu biết cơ bản như biết tính toán, vẽ hay đồ lại những bản đồ, bản vẽ để giúp các chuyên viên người Pháp. Sau đó, người Pháp nghĩ đến việc huấn luyện và đào tạo chuyên viên trung cấp để giúp họ.

Nghị Định ngày 22 tháng 02 năm 1902 ấn định việc thành lập ngạch Cán sự chuyên môn bản xứ ngành Công Chánh (Arrêté du 22 Février 1902 portant la création d'un Cadre d' Agents Techniques indigènes des Travaux Publics).

Đến tháng 06 năm 1902, để áp dụng Nghị định nói trên, trường đào tạo nhân viên chuyên môn người bản xứ cho ngành Công Chánh mới được thành lập (Nghị định ngày 06 tháng 06 năm 1902 và Phúc trình số 131-N ngày 19 tháng 07 năm 1912 của Chánh sở Công tác Chính trị). Trường được mở tại Hà Nội, và có 2 trường Dự Bị (Ecoles Préparatoires) được mở ra tại Hải Phòng và Hà Nội để dạy các nhân viên sau giờ làm việc, chuẩn bị thi vào trường chính nói trên. Phúc trình số 131-N ngày 19 tháng 07 năm 1912 cho biết tên trường lúc bấy giờ là "Ecole des Secrétaires et Agents Techniques des Travaux Publics" (Trường Thứ Ký và Cán Sự Chuyên Môn Công Chánh).

Theo các Nghị Định nói trên, Trường được mở ra cho mọi người dân bản xứ từ 18 đến 25 tuổi, nhưng trên thực tế, các sinh viên theo học là nhân viên nhà nước, nhất là nhân viên các sở Công chánh. Lý do, muốn được nhận vào học trường Thứ ký và Cán sự Chuyên môn Công Chánh này, các sinh viên phải qua một kỳ thi tuyển vào ngạch Thứ ký hạng 5 theo các bài thi ghi kèm theo Nghị định. Để đủ khả năng thi vào trường nói

trên, các nhân viên đang làm việc phải theo học hai trường Dự Bị (Ecoles Préparatoires) ở Hải Phòng và Hà Nội sau giờ làm việc của Công sở, do các "Conducteurs" (Tạm dịch là nhân viên hướng dẫn, một ngạch Pháp cao hơn cán sự và kém hơn kỹ sư), và các "Commis" (Tham sự) ngành Công Chánh huấn luyện.

Điều 1 của Nghị định ngày 22 tháng 02 năm 1902 nói đến việc Thành lập "Ngạch Cán sự Chuyên môn Bản xứ ngành Công chánh (CSCMCC) để giúp việc tại văn phòng, kiểm soát các công trường, các công tác, hay khảo sát tại thực địa, gồm có Cán sự Chuyên môn bậc 1 và Cán sự Chuyên môn bậc 2, và được tuyển dụng bằng một kỳ thi tuyển.

Kỳ thi tuyển gồm có:

*** LẦN THI TUYỂN THỨ NHẤT:**

Gọi là **THI TUYỂN VÀO CÔNG SỞ**

(Examen d'admission dans le service)

Các thí sinh trúng tuyển kỳ thi này, được bổ dụng "THỨ KÝ HẠNG 5". Sau một năm học và tập sự, nếu có khả năng cũng như hạnh kiểm tốt, họ phải qua một kỳ thi khác gọi là "Thi Hoàn Tất Tập Sự" (Examen de fin de stage).

*** KỲ THI LẦN THỨ HAI** còn gọi là thi "Hoàn Tất Tập Sự".

Các môn thi gồm có ngoài các môn thông thường chính như tiếng Pháp, Lượng giác, Hình học diễn họa (Géométrie descriptive), Cơ học (Mécanique), Vẽ tỷ lệ (Dessin graphique), các thí sinh còn phải thi các bài chuyên môn về ngành Công Chánh như: Tenue des bureaux d' Ingénieur; Comptabilité des Travaux Publics (T.P); Lever de plan; Nivellement; Cubature; Mètre d'ouvrages d'art courants. Tạm dịch là giữ gìn sổ sách văn phòng Kỹ sư; Kế toán Công chánh; Đo vẽ bình diện; Cao độ; Tính khối đất đào và đắp; Tính các công trình thông dụng).

Các Sinh viên thi đỗ kỳ này, được bổ

dụng ngạch “THƯ KÝ HẠNG 3”, và sau đó được dự “KỲ THI THỨ BA” để vào ngạch Cán sự Chuyên Môn Công Chánh bậc 2. Những ai thi hỏng sẽ trở lại ngạch Thư ký hạng 3 như cũ.

* **KỲ THI LẦN THỨ BA:** để nhập ngạch CSCMCC (Examen pour le grade d'Agent Technique):

Những bài thi chuyên môn chính cho kỳ thi này gồm có:

Dessin graphique; Lever de plan, Nivellement, Cubature de Terrassement, Pratique des travaux et du service, Routes, Canaux, irrigations et dessèchements, ports et phares, Chemins de fer, droit administratif concernant les T.P. (tạm dịch là: Vẽ tỷ lệ, Đo vẽ bình diện và cao độ, Tính khối đất đào và đắp, Thực hành công tác và công việc sở, Đường, Sông đào, dẫn thủy và thoát thủy, Thương hải cảng và đèn hiệu, Hỏa xa, Luật hành chánh liên quan đến ngành Công chánh).

Những bài thi trên đây được trình bày để cho thấy khả năng của người chuyên viên ngạch CSCMCC lúc bấy giờ, vào năm 1902, lúc đó nền Hán học vẫn còn tồn tại ở nước ta.

Hai trường Dự Bị Hải Phòng và Hà Nội huấn luyện cho các nhân viên sau giờ làm việc để họ có đủ khả năng dự kỳ thi tuyển thứ nhất vào trường Thư ký và Cán sự Công Chánh Hà Nội. Trường này huấn luyện cho các nhân viên đã nhập ngạch thư ký hạng 5 thực tập trong một năm để thi vào ngạch thư ký hạng 3 và sau đó đủ điều kiện để thi vào ngạch Cán sự Chuyên môn Công Chánh (CSCMCC).

Một điều đáng ghi ra đây, nhà trường lúc bấy giờ trực thuộc Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương (Nha TTTCCĐD) (Inspection Générale des Travaux Publics de l'Indochine) chứ không trực thuộc Nha Học Chánh Đông Dương. Các Giáo sư giảng dạy đều là các Kỹ sư Thanh Tra, “Conducteurs”, và Tham sự (Commis) ngành Công Chánh đang làm việc tại nha TTTCCĐD và các Sở Công Chánh Hà Nội và Hải Phòng đảm nhận.

Vị Giám đốc đầu tiên là Kỹ Sư SÉGAS. Ông ta giữ nhiệm vụ Giám đốc Trường cho đến khi Trường được cải tổ vào năm 1913. Ông giao lại nhiệm vụ Giám đốc Trường cho Kỹ Sư PAUL BERGUE vào năm 1915.

CHƯƠNG II

CẢI TỔ TRƯỜNG CÔNG CHÁNH NĂM 1913

Vào năm 1906 để lấy lòng các phong trào chống đối, như:

* Đông Du do cụ Phan Bội Châu cổ vũ

* Duy Tân do cụ Phan Chu Trinh đề xướng

và để chặn đứng các thanh niên Việt Nam hưởng ứng phong trào Đông Du, trốn ra nước ngoài du học tại Nhật Bản, Toàn Quyền Đông Dương Paul Beau đã phải ký Nghị định mở trường Đại Học Đông Dương (Nghị định ngày 16 tháng 5 năm 1906), nhưng không hoạt động được và phải đóng cửa sau đó vì thiếu Sinh viên theo học (Việt Nam Kháng Pháp Sử, trang 66).

Trong lúc đó Trường Công Chánh, nhờ đã có từ trước, và sinh viên theo học phần đông là nhân viên đang làm việc tại các Sở Công Chánh (lúc bấy giờ người dân gọi là Sở Lục Lộ hay Sở Trường Tiền), nên vẫn tiếp tục hoạt động, không có gì thay đổi.

Xin mở ngoặc nơi đây để có đôi giòng về nền giáo dục của nước ta lúc bấy giờ hầu các bạn trẻ được biết, và từ đó suy ra vì sao không có Sinh viên vào học Trường Đại Học được mở ra vào năm 1907 tại Hà Nội.

Như chúng ta đều biết, tiếng nước ta là tiếng Việt, có từ trước khi mở nước và dựng nước. Nhưng chữ viết lại mượn chữ viết của Trung Hoa, được gọi là “chữ Hán”. Các Văn tự giao dịch, Văn Thơ đều viết bằng Hán tự.

Đời vua Trần Nhân Tôn, cuối thế kỷ

13, Ông Hàn Thuyên dùng chữ Hán cải biến ra chữ “Nôm”, coi như “Việt ngữ” đầu tiên của Dân tộc ta. Kể từ đó người nước ta bắt đầu học chữ Nôm và làm Thơ Văn bằng chữ Nôm. Nhưng thời bấy giờ lối dùng chữ Nôm chưa được thông dụng lắm. Đến cuối đời nhà Trần, Hồ Quý Ly mới có sáng kiến dùng chữ Nôm trong mọi giao dịch. Ông là người đầu tiên dịch Kinh Thư từ chữ Hán ra Việt ngữ (chữ Nôm) và dùng chữ Nôm để thảo các sắc, chiếu của vua, bỏ hẳn lệ dùng chữ Hán như các triều đại trước đó. Nhưng sau khi Hồ Quý Ly thất thế, thì tư tưởng chán hưng chữ Việt bằng lối dùng chữ Nôm của nhà Hồ cũng bị mai một theo. Mãi đến thế kỷ 18, khi Nguyễn Huệ lên ngôi (vua Quang Trung) thì Ngài dùng chữ Nôm để dịch các sách giáo khoa của Trung Hoa dùng trong việc giáo dục và thi cử. Nhưng vận nước không may, Ngài qua đời lúc còn trẻ tuổi, và việc dùng chữ Nôm coi như Việt ngữ bị bãi bỏ. Ôi ! Nước ta đã không có cái may dùng chữ của nước ta, mặc dầu đó là chữ Hán được biến cải, rồi Việt ngữ (chữ Nôm) cũng chết theo các vị vua đã có sáng kiến đem áp dụng cho chữ nước ta.

Khi nhà Nguyễn thay thế Tây Sơn, thì chữ Hán lại giữ ngôi vị độc tôn, mãi cho đến thế kỷ thứ 20, chữ Hán mới chịu nhường ngôi vị cho chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Nói về nguồn gốc chữ “Quốc ngữ” mà chúng ta hiện đang dùng, thì ai cũng đều biết, nên

chúng tôi xin miễn kể lại nơi đây.

Khi Pháp chiếm được nước ta, và vì họ chiếm được 6 tỉnh Nam kỳ trước các nơi khác, nên năm 1865 họ đã chính thức bãi bỏ nền Hán học cũ ở Nam kỳ, thay thế bằng chương trình giáo dục Pháp Việt.

Nền Hán học chính thức bị bãi bỏ ở Bắc kỳ vào năm 1915 và Trung kỳ vào năm 1918. Từ các năm trên trở về trước, các kỳ thi Hương, thi Hội theo lối Hán học vẫn còn tồn tại.

Năm 1908, chương trình giáo dục chuyển tiếp được thiết lập: Trung và Tiểu học gồm 3 cấp:

* **BẬC ẤU HỌC:** ở Làng Xã, thi bằng tuyển sinh.

* **BẬC TIỂU HỌC:** ở Phủ, Huyện, thi bằng khóa sinh.

* **BẬC TRUNG HỌC:** ở Tỉnh, thi bằng thí sinh (để thi Hương).

Từ năm 1908 cho đến khi nền Hán học bị bãi bỏ hẳn, các kỳ thi Hương và Hội Đình được cải tổ, có thi thêm các môn Toán pháp, Pháp văn và Chính trị luật pháp bảo hộ.

Tháng 12 năm 1917 nhà nước bảo hộ thiết lập chương trình giáo dục Pháp Việt. Trung và Tiểu học gồm 3 bậc học với 12 năm:

* **BẬC TIỂU HỌC:** 5 năm

* **BẬC CAO ĐẲNG TIỂU HỌC:** 4 năm

* **BẬC TRUNG HỌC:** 3 năm

Nhưng đến thời Toàn Quyền Merlin (1923 - 1925) nền giáo dục lại được cải tổ nữa: Trung và Tiểu học gồm 4 bậc học với 13 niên khóa:

* **BẬC SƠ HỌC:** 3 năm (thi bằng sơ học yếu lược)

* **BẬC TIỂU HỌC:** 3 năm (thi bằng Tiểu học tốt nghiệp)

* **BẬC CAO ĐẲNG TIỂU HỌC:** 4 năm (thi bằng Cao đẳng tiểu học)

* **BẬC TRUNG HỌC:** 3 năm (thi Tú tài I và II bản xứ)

Toàn Quyền Merlin nổi tiếng là Toàn Quyền thực dân ở Phi Châu, từng bị nhà cách mạng Phạm Hồng Thái ám sát hụt tại Quảng Châu năm 1924. Merlin còn có tiếng thẳng tay đàn áp phong trào trí thức tân học chống Pháp (theo Việt Nam Kháng Pháp Sử, trang 39).

Nhìn các chương trình học nói trên, chúng ta thấy mãi đến năm 1915 nền Hán học mới chính thức bị bãi bỏ ở Bắc kỳ, và Trung kỳ ba năm sau đó. Vì vậy các Cụ chúng ta vào các năm trước 1915 đang còn chuộng nền Hán học, có thể nói rất ít người chịu bỏ Hán học qua học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp để có đủ tiếng Pháp và có kiến thức khoa học vào học Đại Học.

Về ngành Công Chánh, vì nhờ lối tuyển dụng các nhân viên người bản xứ đang làm việc cho các công sở, đương nhiên những vị này phải biết chữ Quốc ngữ và có ít vốn liếng tiếng Pháp. Nhưng khả năng của các cụ chưa đủ để thi vào ngạch Cán sự Chuyên môn người bản xứ ngành Công Chánh. Các Cụ được đào tạo lần lượt qua thư ký hạng 5 rồi thư ký hạng 3, khi đó mới có đủ khả năng thi vào ngạch Cán sự Công Chánh. Vì vậy mà lúc khởi thủy trường đào tạo Cán sự Chuyên môn ngành Công Chánh được gọi là “Trường Thư ký và Cán sự Chuyên môn người bản xứ ngành Công Chánh” (Ecole des Secrétaires et des Agents Techniques indigènes des Travaux Publics).

Công tâm mà nói, các bậc Ái Hữu lão thành của chúng ta, lúc xa xưa đã có óc khoa học, thích Công chánh, một ngành mới lạ, và đã có rất nhiều quyết tâm học hỏi mới giữ cho ngôi trường không phải đóng cửa vì thiếu sinh viên theo học như tình trạng trường Đại Học Đông Dương vừa mở ra (năm 1906) rồi phải đóng cửa.

Tuy nhiên do việc bãi bỏ Đại Học Đông Dương nói trên, đến năm 1912, Trường “Thư ký và Cán sự Chuyên môn bản xứ ngành

Công chánh Đông Dương cũng bị ảnh hưởng phần nào.

Viên Toàn Quyền Pháp ở Đông Dương lúc bấy giờ là Albert Sarraut đã chỉ thị cho các Nha Sở trực thuộc như Nha Tài chánh, Tổng Nha Thanh Tra Công Chánh, Sở Công Tác Chính Trị v.v... nghiên cứu hoặc đóng cửa trường, hoặc cải tổ lại chương trình học để việc đào tạo nhân viên được hữu hiệu hơn.

Do các Phúc trình số 131-N ngày 19 tháng 07 năm 1912 của Chánh sở Công tác Chính trị và số 222 ngày 29 tháng 01 năm 1913 của Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương, trường được giữ lại, và việc thi tuyển sinh viên vào học cũng như chương trình học được cải tổ.

Việc cải tổ được ghi trong Nghị định số 1015 ngày 15 tháng 04 năm 1913 và trong Quy định điều hành soạn ngày 29 tháng 01 năm 1913 về việc áp dụng Nghị định này.

Theo các Văn kiện này, nhà trường được gọi là: "École Des Travaux Publics" (TRƯỜNG CÔNG CHÁNH), trụ sở tại Hà Nội, có mục đích đào tạo người bản xứ ngạch Cán sự Chuyên môn Công chánh. Trường vẫn đặt trực thuộc Nha TTCCĐĐ, không trực thuộc Nha Học Chánh (Điều 11, NĐ số 1015 ngày 15 tháng 04 năm 1913).

* **ĐIỀU KIỆN NHẬP HỌC:** Được nhập học miễn thi cho những người dân các nước thuộc Pháp, hay dân có quốc tịch Pháp, hay dân lai Pháp có cha là người Pháp, tuổi tối thiểu là 17 và tối đa là 20, phải có Văn bằng Cao đẳng Tiểu học bản xứ (như bằng tốt nghiệp Trung học đệ nhất cấp sau này) hay các văn bằng, chứng chỉ tương đương. Những ai không có các văn bằng nói trên phải qua một kỳ thi tuyển và số trúng tuyển không được quá 1/3 tổng số thí sinh được nhận.

Ngoài các điều kiện trên, thí sinh phải làm giấy cam kết, khi tốt nghiệp, phải phục vụ cho các Sở Công Chánh tối thiểu

là 6 năm và phải được chấp nhận của các viên chức Hành chánh địa phương. Số sinh viên được nhận vào học cho mỗi năm được ấn định bởi Toàn Quyền Đông Dương. Các kỳ thi tuyển được mở ra cùng lúc tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nam Vang và Vạn Tượng. Thi tuyển gồm có 2 phần:

Thi Viết và Thi Vấn Đáp

Về thi viết, các thí sinh phải làm các bài sau với hệ số điểm:

Môn Thi	Hệ Số
- Viết chữ (Ecriture)	3
- Tiếng Pháp (Langue Francaise)	8
- Tiếng bản xứ (Việt, Miên, Lào và chữ Hán)	1
- Toán số học (Problèmes Arithmétiques)	5
- Hình học: tính diện tích và thể tích	5
- Vẽ (Dessin Linéaire)	3

Thi Vấn Đáp gồm có:

- Tiếng Pháp - Tiếng bản xứ - Số học và Hình học.

- Nếu thí sinh nguyên là công chức các Sở Công Chánh, được tính thêm điểm làm việc ở Công sở.

* **THỜI GIAN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỌC:** Thời gian học là 2 năm, từ 01 tháng 10 cho đến 15 tháng 07 năm sau. Giữa 2 năm học, các sinh viên được chỉ định đi làm việc tại các Sở Công Chánh.

Việc điều hành và kiểm soát nhà trường do Tổng Nha TTCC Đông Dương đảm trách. Giữa các giờ học, sinh viên phải theo giờ ôn tập (études) và làm bài tại trường (Séances d'études et de rédaction des devoirs).

Chương trình học không khác mấy chương trình thi nhập ngạch CSCMCC nói ở phần năm 1902.

Các sinh viên trúng tuyển vào học

năm thứ nhất được bổ dụng kể từ ngày nhập học ngạch thư ký hạng 5. Riêng các sinh viên nguyên là thư ký hay họa viên các sở Công Chánh được giữ nguyên ngạch trật và lương bổng.

Hết năm thứ nhất, các sinh viên phải qua kỳ thi lên lớp, và phải đủ điểm trung bình từ 11 trở lên.

Khi theo học năm thứ hai, sinh viên được bổ dụng ngạch thư ký hạng 4. Riêng sinh viên nguyên là nhân viên các sở Công Chánh nếu có ngạch trật và lương bổng cao hơn thư ký hạng 4, sẽ được giữ nguyên ngạch trật và lương bổng.

Nếu sinh viên nào khi thi lên lớp có điểm trung bình dưới 11 sẽ bị sa thải, riêng sinh viên các sở Công chánh sẽ được trở lại làm việc tại sở Công chánh. Nếu vì lý do đau ốm hay bất khả kháng, sinh viên bị đánh hỏng khi thi lên lớp có thể được ở lại lớp đệ nhất nếu được Nha TTCCDD chấp thuận.

Niên khóa bắt đầu từ 01 tháng 10 và chấm dứt vào ngày 14 tháng 07 năm sau. Giữa hai năm học các sinh viên được giao phó công việc thuần túy về ôn tập những môn đã học theo thời khóa biểu ấn định bởi Tổng Thanh Tra Trưởng Công Chánh. Đôi khi trong thời gian giữa 15 tháng 07 đến 30 tháng 09, các sinh viên năm thứ nhất được chỉ định đến tập việc tại các sở Công chánh theo giờ giấc của các nhân viên của sở.

Hết năm thứ hai, các sinh viên phải dự tranh kỳ thi ra trường để nhập ngạch Cán sự Chuyên môn cùng với các thí sinh không phải là học sinh của trường. Người sinh viên của Trường được lợi điểm hơn người ngoài nhờ vào điểm chuyên cần và thời gian học ở trường.

Những sinh viên dự thi, có điểm trung bình từ 13 trở lên và đã đủ 21 tuổi, đã thi hành quân dịch, được chấm đỗ và được tuyển dụng vào ngạch Cán sự Chuyên môn bậc 1 hạng 4 (Agents Techniques du 1^{er} degré et de 4^{ème} classe), tùy theo thứ hạng đỗ và nhu cầu của các sở Công Chánh. Những ai chưa được tuyển dụng vào ngạch Cán sự Chuyên môn bậc 1 sẽ được tuyển dụng vào ngạch Cán sự Chuyên môn bậc 2 (Agents Techniques du 2^{ème} degré). Ngoài ra, quy chế còn dự trù việc bổ dụng cho các sinh viên chỉ đỗ phần 1 nói trên.

Quy chế còn dự trù, những sinh viên nguyên là Công chức các sở Công chánh, nếu thi rớt ngạch Cán sự Chuyên môn, được tái bổ với ngạch trật trước khi họ vào học trường Công Chánh. Đối với những sinh viên chỉ thi đỗ phần 1, với điểm trung bình ít nhất là 11 được bổ dụng vào các sở Công Chánh với ngạch thư ký hạng 4, và những ai có điểm trung bình dưới 11 khi thi ra, được bổ dụng thư ký hạng 5 trong các sở Công Chánh.

Với các trình bày trên đây, việc cải tổ trường Công Chánh lúc bấy giờ nhằm đào tạo Cán sự Chuyên môn Công Chánh đối với ai thi đỗ ra trường và ngạch Thư ký Công Chánh đối với ai không thi đỗ kỳ thi ra trường.

Với cải tổ này tên trường là “Ecole des Travaux Publics (Trường Công Chánh), không phải “Ecole des Secrétaires et Agents techniques des T.P” như lúc trường mới mở, và sinh viên thi thẳng vào năm thứ nhất trường Công chánh được bổ dụng thư ký hạng 5 và sau một năm học sẽ thi lên năm thứ 2 và được bổ dụng Thư ký hạng 4 (Điều 8 của Nghị định số 1015 ngày 15 - 04 - 1913).

CHƯƠNG III

CẢI TỔ TRƯỜNG CÔNG CHÁNH NĂM 1918

Việc cải tổ trường Công Chánh, một mặt vì nhu cầu cho chương trình phát triển hệ thống giao thông trên toàn cõi Đông Dương, mặt khác việc cải tổ được thực hiện theo chiều hướng chính trị của chế độ thực dân Pháp lúc bấy giờ.

Vào đầu thế kỷ 20, hai nhà cách mạng Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu khởi xướng phong trào Duy Tân và phong trào Đông Du:

PHONG TRÀO DUY TÂN: Do cụ Phan Chu Trinh lãnh đạo vào năm 1906. Chủ trương duy tân của cụ là nâng cao dân trí, tranh đấu chống thực dân bằng đường lối ôn hòa: đòi Pháp phải khai hóa thực sự cho người Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG ĐÔNG DU: Tới đầu thế kỷ 20, mọi cuộc vận động võ trang chống Pháp đều thất bại, các sĩ phu ái quốc muốn chuyển hướng phong trào tranh đấu, trước hết nâng cao dân trí, học hỏi sự tiến bộ của nước ngoài, hầu tranh thủ nền độc lập trong tay thực dân Pháp. Năm 1905, cụ Phan Bội Châu sang Nhật, sau đó cụ cổ động Đông Du. Số du học sinh Việt Nam ở Nhật vào năm 1908 lên tới gần 200 người. Tháng 10 năm 1907, Pháp nhượng cho Nhật nhiều quyền lợi kinh tế ở Đông Dương để đổi lấy sự trục xuất các du học sinh Việt Nam. Bởi vậy đầu năm 1908, du học sinh Việt nam bị

trục xuất về nước. Nhưng phần lớn trốn sang Trung Hoa và Xiêm (Thái Lan) tiếp tục cách mạng chống Pháp.

Như đã nói trên đây, để lấy lòng phong trào Đông Du và Duy Tân, năm 1906 Toàn Quyền Paul Beau thành lập trường Đại Học Đông Dương Hà Nội. Việc thành lập trường Đại Học còn có mục đích ngăn cản Sinh viên (Thanh niên) Việt Nam trốn ra ngoại quốc du học theo tiếng gọi của phong trào Đông Du. Nhưng vì không có sinh viên theo học nên trường Đại Học đã phải đóng cửa sau đó.

Đến năm 1917, cũng trong mục đích nói trên, Toàn quyền Đông Dương lúc bấy giờ là Albert Sarraut lại tái lập trường Đại Học Đông Dương ở Hà Nội (Việt Nam Kháng Pháp Sử, trang 66 và các tài liệu như “Règlement général de l’Enseignement Supérieur du 25 - 12 - 1918 en application de l’Arrêté du 21 - 12 - 1917”, và các văn kiện sửa đổi sau đó, “Arrêté du 9 Novembre 1921 modifiant le Règlement Général de l’Enseignement Supérieur”).

Theo Nghị định trên đây và các Quy định điều hành, trường Đại Học được mở ra cho các lớp Cao Đẳng (Cours Supérieurs) gồm có:

- Trường Thuốc và Dược (Ecole de Médecine et de Pharmacie)
- Trường Thú Y (Ecole Vétérinaire)
- Trường Luật và Hành Chánh (Ecole

de Droit et d' Administration)

- Trường Sư Phạm (Ecole de Pédagogie)
- Trường Nông Lâm
- Trường Công Chánh.

Xin nói riêng về Trường Công Chánh:

Điều khoản 110 của Quy định điều hành ghi rằng: “Trường Công Chánh đào tạo các Cán sự Chuyên môn cho các sở Công chánh, Địa chánh và trắc đạc địa hình (topographie). Đến năm 1921, Nghị định ngày 09 - 11 - 1921 thay đổi một vài khoản của Quy định điều hành 1918, Trường Công Chánh mở thêm cho ngành Địa dư và Kiến trúc. Thời gian học là 2 năm. Trong các văn kiện trên đây còn ghi rõ điều kiện được vào học, thể thức thi và các môn thi, chế độ ăn ở của sinh viên v.v... (Xin xem thêm ở các Nghị định và Quy định điều hành đã dẫn).

Như chúng ta thấy, thực dân Pháp không có thực tâm khai hóa dân các nước Đông Dương do họ bảo hộ. Một mặt họ sợ sinh viên ra nước ngoài học hỏi sẽ được nâng cao dân trí, không có lợi cho đường lối cai trị của họ. Trong nước họ chỉ đào tạo sinh viên ngang ngạch Trung cấp... vừa đủ hiểu biết để giúp họ mà thôi.

Ngành Công Chánh lúc bấy giờ cũng như các ngành khác chỉ đào tạo nhân viên chuyên môn trung cấp phụ giúp các nhân viên người Pháp, như tốt nghiệp trường Thuốc (trường Y) được gọi là Y sĩ Đông Dương (Médecin Indochinois), tốt nghiệp trường Thú Y thì được gọi là Thú Y sĩ... Tốt nghiệp Trường Công Chánh được gọi là Cán sự Chuyên môn Công chánh và người dân lúc bấy giờ gọi họ là ông Tham Lục lộ hay Tham Trường Tiền. Có thể người sinh viên lúc bấy giờ biết ý đồ của người Pháp, nhưng không còn cách nào khác để học lên thêm nên đành phải theo học các trường Cao Đẳng trên đây để chờ vận hội mới vậy.

Về ngành Công Chánh, cũng như trước đây, những ai có văn bằng Cao đẳng tiểu học hay tương đương được nhận vào học miễn

thi. Chỉ những ai không có văn bằng trên, phải qua một kỳ thi tuyển. Sau hai năm học, sinh viên dự kỳ thi tốt nghiệp ra Cán sự Chuyên môn Công chánh tập sự và sau hai năm làm việc mới được thi lên Cán sự Công chánh hạng tư.

LỚP ĐÀO TẠO CÔNG TRÌNH SƯ

(Cours de formation des Agents Voyers): Dựa theo việc cải tổ nền giáo dục nói trên, một lớp Cao đẳng Công chánh (Cours Supérieur des Travaux Publics) được thành lập vào năm 1922 gọi là lớp CÔNG TRÌNH SƯ, có trình độ cao hơn Cán sự Chuyên môn Công chánh gần như chương trình đào tạo Kỹ sư.

Nghị định ngày 18 tháng 02 năm 1922 thành lập ngạch Công Trình Sư ngành Công chánh (Arrêté du 18 Février 1922 Création du Cadre d' Agent Voyer du Service des Travaux Publics). Lớp đào tạo Công Trình Sư này được dạy tại Trường có tên là Trường Khoa học Thực hành với lớp Cao đẳng Công chánh. (Arrêté du 30 Octobre 1922 portant organisation de l' Ecole des Sciences Appliquées avec le Cours Supérieur des Travaux Publics). Theo các Nghị định trên, các Công Trình Sư được tuyển bằng một kỳ thi dành cho các Cán sự Công chánh Đông Dương với các điều kiện:

- Các Cán sự tốt nghiệp năm thứ hai lớp Trung đẳng và đã làm việc 8 năm từ ngày ra trường cho các sở Công Chánh nhà nước.
- Hoặc chỉ 4 năm công vụ dành cho các Cán sự Công chánh đĩ từ hạng thứ 10 trở lên khi thi ra trường.
- Hoặc cho các Cán sự Công Chánh có điểm trung bình từ 13 trở lên khi thi ra trường

Thời gian học là một năm. Trong khi học các sinh viên vẫn được lãnh lương bổng trong ngạch trật hiện có.

Các sinh viên thi đỗ được cấp văn bằng “Diplôme d'Etudes Supérieures (Ecole des Sciences Appliquées - Section du Cours

Supérieur des Travaux Publics)” và được bổ dụng vào ngạch “Agent Voyer Stagiaire” (Ngạch Công Trình Sư tập sự : xin xem Văn bằng tốt nghiệp của cụ Khúc Đản tốt nghiệp khóa tháng 06, ngày 16 năm 1926 kèm theo trong Kỷ Yếu).

Sau 4 năm tập sự sẽ được dự kỳ thi lên Công Trình Sư thực thụ (Agent Voyer titulaire) theo các Nghị định ngày 12 tháng 11 năm 1923 và ngày 23 tháng 07 năm 1924. Nghị định còn cho biết, ngoài các Cán Sự Công Chánh đủ điều kiện được tuyển vào học lớp Công Trình Sư, nếu các sinh viên gốc người Đông Dương, Pháp lai ở Đông Dương, có chứng chỉ tốt nghiệp trường Quốc gia Mỹ nghệ Pháp, hay một trường ở Pháp được công nhận bởi chính phủ, cũng được dự thi ngạch nói trên.

Nghị định ngày 18 - 02 - 1922 qui định chương trình thi để nhập ngạch Công Trình Sư (CTS) Đông Dương như sau:

Rapport sur une affaire de service (Phúc trình về một công việc).

- Avant métré d'un ouvrage d'art (Sơ tính một công trình).
- Cubature de terrasse (Tính khối lượng đất đào và đắp).
- Dessin (Vẽ).
- Croquis coté à main levée (Vẽ phác họa với tỷ lệ).
- Lever de plan (Đo đạc mặt bằng).
- Nivellement (Đo đạc thăng bằng).
- Tenue de carnet de nivellement (Ghi sổ đo đạc thăng bằng).
- Étude sur le terrain et rédaction de projet (Khảo sát địa hình và lập phúc trình).
- Matériaux et procédés de construction (Vật liệu và phương pháp xây cất).
- Route (Đường bộ).
- Ouvrage d'art (Công trình xây dựng).
- Bâtiment (Dinh thự).
- Hydraulique fluviale et agricole (Thủy học về sông ngòi và nông

ngiệp).

- Travaux maritimes (Công tác hàng hải).
- Chemin de fer (Hỏa xa).
- Notion pratique sur la Résistance des matériaux (Khái niệm thực hành về sức chịu của vật liệu).
- Notion pratique sur l'électricité (Khái niệm thực hành Điện).
- Notion pratique sur le béton armé (Khái niệm thực hành về Bê tông cốt sắt).
- Notion pratique sur l'automobile (Khái niệm thực hành về xe ô tô).

Nghị định ngày 12 tháng 11 năm 1923 ấn định Qui Chế ngạch Công Trình Sư Đông Dương (Statut des Agents Voyers Indochinois) được tóm tắt như dưới đây:

ĐẲNG TRẬT của Ngạch **CÔNG TRÌNH SƯ** (CTS) như dưới đây:

Đẳng Trật (Hiérarchie)	Thời gian tối thiểu để Thăng cấp
- Chánh CTS ngoại hạng	
- Chánh CTS hạng nhất	4 năm
- Chánh CTS hạng nhì	4
- CTS hạng nhất	3
- CTS hạng nhì	2
- CTS hạng ba	2
- CTS hạng tư	2
- Công Trình Sư (CTS) tập sự	4

- Theo điều I của Nghị định ngày 12 - 11 - 1923, các CTS có thể:

- Phụ tá các Kỹ sư Công chánh phụ trách các Ty, các công việc do vị Trưởng Ty giao phó, hay đảm trách một hạt Công chánh của Ty.

- Cũng có thể phụ trách một Ty Công chánh, hay phục vụ trong phòng Kỹ thuật của các Khu, Nha Công chánh và công tác đi khảo sát địa hình (Etudes sur le terrain).

Sau 4 năm tập sự, các CTS phải qua kỳ thi nhập ngạch CTS thực thụ, để lên ngạch CTS hạng tư (Nghị định ngày 23 tháng 07 năm 1924). Theo Nghị định này, các môn thi nhập ngạch CTS thực thụ như dưới đây:

- Rapport sur une affaire de service (administratif ou technique).
- Composition de mécanique appliquée et de Résistance des matériaux.
- Epreuve de géométrie descriptive cotée.
- Composition de béton armé.
- Composition d'hydraulique. Composition sur 3 sujets au choix du candidat:
 - Travaux maritimes
 - Chemin de fer
 - Électricité
 - Étude sur le terrain
 - Batiment
 - Hydraulique appliquée
- Avant projet au choix du candidat:
 - Batiment simple
 - Tracé de route, ou
 - Petit ouvrage d'art
- Avant métré au choix du candidat:
 - Batiment, ou Ouvrage d'art
- Opérations sur le terrain:
 - Lever de plan
 - Nivellement au niveau à bulle indépendante
 - Services rendus

Các điểm thi được tính từ 0 đến 20. Ngoài điểm phúc trình công tác đã thực hiện, thí sinh phải đủ tối thiểu 468 điểm, tương đương với điểm trung bình 13 mới được chấm đỗ. (xin xem thêm chi tiết ở Nghị định ngày 23 - 07 - 1924).

Nhìn chương trình học, và các môn thi cho ngạch Công Trình sư tập sự và thi vào ngạch CTS thực thụ và những công việc được giao phó cho các CTS đảm trách, thì các CTS xứng đáng là những Kỹ sư, nhưng vì óc thực dân, nên người Pháp lúc bấy giờ không muốn người dân thuộc địa mang ngạch

Kỹ sư như họ. Mãi đến khóa CTS năm 1943 - 1944, nhờ một vị Kỹ sư và là Giáo sư có óc bình đẳng (Kỹ sư Longeaux) đề nghị nâng khóa CTS này lên là khóa Kỹ sư Công chánh, đó là khóa có các AH Phạm Hữu Vĩnh, Tạ Huyền, Nguyễn Hữu Tuân theo học. (Xin xem thêm phần viết về khóa Kỹ sư này ở phần sau của Kỷ Yếu). Các Cụ Chu Văn Mậu, Hoàng Đạo Lương, Khúc Đản... đã theo học các lớp Công Trình Sư kể lại tóm tắt như sau về các khóa Công Trình Sư:

“Lớp đào tạo Công Trình Sư chỉ dành cho 4, 5 sinh viên đỗ đầu Cán sự theo học. Chương trình học là một năm thuộc hệ thống giáo dục gọi là “Trường Khoa học thực hành, lớp Cao đẳng Công chánh (Ecole des Sciences Appliquées, Cours Supérieur des Travaux Publics). Lớp học được dạy trong tòa nhà giữa đường phố Tràng Tiền (Rue Paul Bert). Nhà này là nơi cư trú cho các sinh viên trường Luật và Công chánh theo chế độ nội trú. Trong lúc đó Trường Công Chánh đặt ở tầng dưới tòa nhà 4 tầng, tục gọi là Tòa Án Hàng Tre (có lẽ xưa kia Tòa án đặt tại đó). Ông Kỹ sư Favier phó Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương là Giám đốc lớp Công Trình Sư này. Sau một năm theo học các sinh viên thi ra ngạch Công Trình sư, nhưng chưa được bổ thực thụ vào ngạch. Sau một thời gian khoảng 4 năm, các sinh viên đỗ Công Trình Sư phải dự kỳ thi nhập ngạch thực thụ Công Trình Sư. Nếu ai không đỗ phải trở lại ngạch Cán sự Công chánh”. (xin mở ngoặc, những lời kể lại của các cụ giống như các điều đã quy định trong các Nghị định ngày 12 tháng 11 năm 1923 và ngày 23 tháng 07 năm 1924).

Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1922 còn cho biết, Trường Khoa Học Thực Hành còn có các lớp:

Hóa học Công nghệ (Chimie industrielle), Điện, Hầm mỏ và Trắc đạc Địa chánh, nhưng chỉ trong dự trù, chưa được mở, chỉ duy nhất có lớp Cao đẳng Công chánh được mở ra mà thôi. Các Cụ Chu Văn Mậu,

Hoàng Đạo Lượng và Khúc Đản đã theo học trường Công chánh, khóa Cán sự Chuyên môn ngành Công chánh và Công Trình Sư trong các năm từ 1913 đến 1926. Xin ghi lại tóm tắt những điều các Cụ kể về khóa học và thời gian học của mình (theo bài viết của Cụ Chu Văn Mậu trong LTAHCC số 16 năm 1980 và của Cụ Hoàng Đạo Lượng trong LTAHCC số 71 năm 1998):

* **Cụ CHU VĂN MẬU:** Cụ theo học khóa 1913 - 1915 Trường Công Chánh Hà Nội, kể lại rằng: Thoạt kỳ thủy Sở Lục Lộ (tên gọi bình dân về Sở Công Chánh) có nhu cầu luyện vài người thư ký và họa viên sơ sơ một vài món toán để vẽ cầu cống bằng bút chì để cho họa đồ phóng lên giấy bóng đem đi chụp lên giấy có thuốc như là chụp, rửa hình vậy. Sau đó ông Ségas, một Kỹ sư có sáng kiến lập ra Trường Công Chánh. Lúc đầu Trường là cơ quan riêng của Sở Lục Lộ tức là không thuộc vào Nha Học Chính. Những ai có Văn bằng Cao đẳng Tiểu học gọi tắt “bằng Diplôm” được nhận vào học khỏi phải thi. Những ai không có bằng trên, phải qua một kỳ thi tuyển. Ai thi đỗ vào học lớp đệ nhất được bổ dụng thư ký hạng tư, sau một năm học phải thi lên năm thứ hai, được bổ dụng thư ký hạng 3. Sau hai năm học, các sinh viên phải dự kỳ thi tốt nghiệp Cán sự Chuyên môn bậc 1 (Agent technique du premier degré). Ít lâu sau có mở khóa thi Cán sự Chuyên môn bậc hai (Agent technique du 2ème degré). Một thời gian sau, Cụ không nhớ rõ năm nào, trường Đại Học Đông Dương được thành lập (Université Indochinoise) chỉ có các sinh viên có “Diplôm” hay Tú tài mới được vào học. Thoạt tiên trường Đại Học chỉ có các ngành Dược, Thuốc, Thú Y và Công Chánh, mãi về sau mới có trường Thương mại, Canh nông, Đặc điền. Thực dân Pháp không muốn cho người “bản xứ” (Indigène) ta giữ chức “Conducteur” hay “Ingénieur” như họ, nên chỉ cho ta chức “Agent technique” hay cao hơn là “Agent

Voyer”. Cụ Chu Văn Mậu qua đời cuối năm 1984, thọ 92 tuổi. Cụ là vị tiền bối được các Ái Hữu Lão Thành thường nhắc đến, coi như người đàn anh khả kính.

Cụ kể tiếp: Như trên đã nói, người Pháp không muốn người “bản xứ” mang danh hiệu “Kỹ sư” như họ, mà chỉ gọi là “Công Trình Sư” là ngạch cao nhất họ đặt ra, chớ tại Pháp không có ngạch đó. Mãi đến đệ nhị thế chiến họ mới thành lập “Ngạch Kỹ sư bản xứ ngạch Pháp” (Ingénieur local à titre Francais). Năm 1948, khi Cụ đã 56 tuổi, sắp đến tuổi hưu trí, cụ mới được dự thi ngạch Kỹ sư này và được bổ dụng vào ngạch Kỹ sư hạng hai.

* **Cụ HOÀNG ĐẠO LƯỢNG:** Cụ vào học Trường Công Chánh năm 1921 và ra trường năm 1924: - Hai năm 1921 - 1922 và 1922 - 1923, Cụ theo học khóa Cán sự Công chánh 2 năm). - Năm 1923 - 1924, cụ theo học khóa Công Trình sư. Theo Cụ kể lại, cũng giống như Cụ Chu Văn Mậu kể ở trên, những ai có Văn bằng Cao đẳng tiểu học được vào học lớp đệ nhất trường Công Chánh miễn thi, chỉ những ai không có Văn bằng nói trên phải qua một kỳ thi tuyển. Cụ trúng tuyển số 12, được học bổng để theo học, từ số 16 trở xuống, chỉ được học miễn phí, không được học bổng và gọi là bàng thính viên (Auditeur libre). Chương trình học là hai năm. Sau hai năm sinh viên thi tốt nghiệp. Nếu đỗ, được bổ ngạch Cán sự Chuyên môn. Năm 1922, lớp Cao đẳng Công chánh (Cours Supérieur des Travaux Publics) được mở ra. Chương trình học là chương trình huấn luyện Kỹ sư, nhưng bỏ bớt vài môn không quan trọng, những môn quan trọng vẫn giữ đủ, như tính sức chịu đựng của cầu, đài (Thủy tháp) v.v... mà chương trình Cán sự không có dạy. Thời gian học được rút ngắn lại, chỉ trong một niên khóa, nên việc học vất vả lắm, và chỉ những người đỗ cao khi thi tốt nghiệp Cán sự mới được nhận vào học và mới đủ sức để học. Đây là lớp Công Trình

Sư được mở đầu tiên và chỉ có 4 đến 5 người theo học mà thôi. Cụ Hoàng Đạo Lương sinh năm 1901 và qua đời vào năm 1996, thọ 95 tuổi.

* **Cụ KHÚC ĐẢN:** Cụ hiện là vị tiên bối cao niên nhất trong làng Công Chánh chúng ta. Năm nay cụ đã trên 96 tuổi. Khi chúng tôi đang viết đoạn này, Cụ còn khỏe mạnh và rất minh mẫn. Cụ đã đóng góp rất nhiều bài viết cho tập Kỷ Yếu, và nhờ Cụ một chứng nhân sống của lịch sử mà chúng ta biết được giai đoạn lịch sử trường Công Chánh và việc học hành, đời sống của các Cụ Ái Hữu trong các thập niên 10 và 20 của thế kỷ 20.

Nhưng khi viết về Cụ đến đây thì chúng tôi được báo tin Cụ vừa qua đời tại Paris, Pháp. Hưởng thọ 94 tuổi (Cụ sinh ngày 12 tháng 09 năm 1905, tạ thế tháng 03 năm 1999). Xin các Ái Hữu cùng chúng tôi để một phút tưởng nhớ đến Cụ cũng như quý Cụ, quý Ái Hữu đã quá vãng.

Xin đăng tóm tắt một số bài Cụ Khúc Đản viết cho tập Kỷ Yếu tại phần phụ bản. Ở đây chúng tôi xin tóm lược một vài đoạn Cụ kể lại trong các bài Cụ viết:

- “HỒI KÝ TRONG NHỮNG NĂM HỌC Ở TRƯỜNG CÔNG CHÁNH”.
- “TRƯỜNG CÔNG CHÁNH: MỘT KÝ ƯỚC VỀ TRƯỜNG CÔNG CHÁNH ĐỂ LẠI CHO HẬU THẾ”.
- “HỒI KÝ MỘT KHÓA HỌC”.
- “Và những điều Cụ nêu trong các bức thư gửi đến cho chúng tôi”.

Đọc những đoạn Cụ kể dưới đây và so sánh với những tài liệu tìm thấy ở Văn khố, Thư viện, chúng tỏ Cụ có một trí nhớ rất tốt với tuổi trên chín mươi. Cụ kể lại rằng: Trường Công Chánh lập ra năm 1904 tại Hà Nội (xin mở ngoặc, trong lúc tài liệu chính thức ở Văn khố cho biết Trường được chính thức thành lập vào tháng 02 năm 1902, không xa mấy về năm Cụ nhớ). Trường được gọi là “Ecole des Travaux Publics” (Trường

Công Chánh), mục đích để đào tạo nhân viên giúp các nhân viên Pháp. Từ lúc khởi thủy cho đến năm 1917, chỉ dạy những nhân viên biết cách sử dụng máy “Cercle” (loại máy đo góc độ và chiều dài), máy “Niveau” (máy thủy chuẩn) và máy trắc cự (tachéomètre) để lập họa đồ tỷ lệ khoảng 1 / 1000 để dùng ngay. Thời đó, những nơi đông đúc có người ở đã có họa đồ do sở Địa dư lập với tỷ lệ 1 / 100.000, lập gần xong.

Năm 1917, Toàn quyền Albert Sarraut lập ra 7 trường “Etudes Supérieures” trong đó có Trường Công Chánh để đào tạo những nhà chuyên môn cho 7 ngành: Luật, Y, Sư phạm, Canh nông, Thú y, Công chánh Kiến trúc và Thương mại. (Xin mở ngoặc: Không khác xa với tài liệu tìm thấy ở Văn khố).

Mỗi trường tuyển chừng 30 sinh viên trong những sinh viên đã tốt nghiệp bằng Thành chung, có học vấn như học sinh Trung học Đệ Nhất cấp Pháp. Với ngành Công chánh, sau hai năm học, sinh viên thi tốt nghiệp gọi là Cán sự Công chánh. Phần đông các người tốt nghiệp này xin đi làm việc.

Tổng Thanh Tra Công chánh Đông Dương (TTTCCĐD) muốn có những nhân viên có đủ khả năng về Khoa học, bèn lập ra ngạch “Agent Voyer” (Công Trình Sư), mở thêm một trường tuyển 5 sinh viên đầu đầu ở trường Công Chánh vào học một năm. Công Trình sư là một ngạch đặc biệt cao hơn ngạch tốt nghiệp 7 trường trên, mới ra làm việc sau khi tốt nghiệp, phải 4 năm tập sự, trong khi 7 trường trên chỉ cần 2 năm tập sự. Sau 4 năm tập sự, sinh viên phải thi vào chính ngạch. Các môn thi gồm có làm những hồ sơ thiết lập công tác (Projet d'exécution des Travaux) cho những Thị xã có một triệu dân, như hệ thống đường, cống, hệ thống nước uống, hệ thống điện v.v... Nhân viên đỗ thực thụ ra làm việc thay thế các Kỹ sư Pháp. Cụ còn cho biết lớp này dạy tại Thính đường (Amphithéâtre) đường Paul Bert Hà Nội được gọi là “Đại học Khoa học ứng dụng, trường Cao Đẳng Công Chánh”.

Các Giáo sư giảng dạy đều là các Chánh Kỹ sư làm việc tại các cơ quan chính phủ.

Trong một bức thư riêng, Cụ giải thích rằng, Kỹ sư Favier, phó TTCCĐD kiêm Giám đốc Trường Cao đẳng này, đặt thời gian tập sự 4 năm để khuyên các nhân viên đi làm việc, có tiền, phải học theo lối hàm thụ tại các trường bên Pháp như “Ecole Universelle”, “Ecole des Travaux Publics Eyrolles”. Chương trình học của lớp Công Trình sư gồm đủ các môn về Khoa học như sức chịu vật liệu, Bê tông cốt sắt, Thủy học, Điện, Công tác Hàng Hải, Dinh thự v.v... Các sinh viên tốt nghiệp CTS sẽ được bổ làm việc tại các phòng chuyên môn, tính toán phụ cho các Kỹ sư Pháp.

Sau 4 năm tập sự nếu không thi đỗ Công Trình Sư thực thụ thì phải trở lại ngạch Cán sự Công Chánh như cũ.

Khóa Cụ học có 5 người theo học, 4 người tốt nghiệp Công Trình Sư thực thụ, còn một Cụ không đỗ phải trở lại ngạch Cán sự Chuyên môn hạng 2.

Các Công Trình Sư thực thụ có thể được bổ dụng làm Trưởng ty Công chánh các Tỉnh thay thế các Kỹ sư Pháp.

Cụ Khúc Dẫn vào học Trường Công Chánh từ năm 1923 đến năm 1926, với khóa Cán sự 2 năm (1923 - 1925) và khóa Công Trình Sư một năm (1925 - 1926). Đặc biệt Cụ còn gửi cho Văn bằng tốt nghiệp khóa Cán Sự Công Chánh và Công Trình Sư (có kèm trong Kỹ yếu này) và Nghị định bổ dụng các Cụ theo học khóa Cán sự 1923 - 1925.

Theo các tài liệu tìm thấy, trong thời gian sau lần thành lập Trường Đại Học Đông

Dương 1917, các sinh viên theo học ngành Công chánh chỉ được cấp học bổng không phải được lãnh lương thư ký để theo học như trước.

Vị Giám đốc Trường trong thời gian này là Kỹ sư Paul Bergue. Ông bàn giao chức vụ Giám đốc Trường cho Kỹ sư Girand vào năm 1926. Ông này giữ chức vụ quyền Giám đốc trong thời gian ngắn, bàn giao lại cho Kỹ sư Connan, sau khi Trường được cải tổ vào năm 1925.

Đến năm 1924, lớp Công Trình Sư Công Chánh được cải tổ theo Nghị định ngày 20 tháng 10 năm 1924. Theo Nghị định này, điều kiện thi vào lớp Cao đẳng Công chánh như sau, (Art. 159):

- hoặc đã tốt nghiệp Trường Công Chánh,
- hoặc đã tốt nghiệp Văn bằng giáo dục Đệ Nhị cấp bản xứ (Brevet de l'Enseignement Secondaire local), tức bằng Tú tài bản xứ.
- hoặc tốt nghiệp bằng Tú tài Pháp (Baccalauréat de l'Enseignement Secondaire métropolitain).

Với tính cách giao thời (à titre transitoire) có thể miễn thi cho các sinh viên thi ra trường Công chánh với điểm trung bình từ 13 trở lên, hoặc những sinh viên có Tú tài II chương trình Pháp, ngành Toán.

Những thí sinh thi đỗ lớp Cao đẳng được cấp Văn bằng “Tốt nghiệp lớp Cao đẳng Công chánh”.

Năm 1928, Trường Khoa học ứng dụng (thực hành) được bãi bỏ, và lớp Cao đẳng Công chánh sát nhập vào Trường Công Chánh, (Nghị định ngày 18 tháng 06 năm 1928).

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE
LIBERTÉ — ÉGALITÉ — FRATERNITÉ

GOVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE

DIPLÔME D'ÉTUDES SUPÉRIEURES

Le Gouverneur Général de l'Indochine,

Vu les décrets du 20 octobre 1911,

Vu le Règlement Général de l'Enseignement Supérieur,

Vu le procès-verbal de l'examen subi par M. Khuc Dan à Hanoi, session du juin 1925,

par lequel la Commission d'examen atteste que le candidat Khuc Dan né le 11 septembre 1905 a été jugé digne d'obtenir le Diplôme d'Études Supérieures à Chông Canh Hdong

(École des Travaux publics) Section du Cadastre et des Travaux publics

Delivré à M. Khuc Dan le présent Diplôme d'Études Supérieures

pour servir et valoir ce que de droit.

Enregistré sous le n° 671
au Bureau de l'Enseignement
Supérieur de la Direction
de l'Instruction Publique.

Le Directeur
de l'École des
Travaux Publics

Le Directeur A. I.
de l'Instruction Publique.

Le Gouverneur Général de l'Indochine.

Par Délégation

LE COMMISSAIRE GÉNÉRAL

DE L'ENSEIGNEMENT SUPÉRIEUR ET DES ÉTUDES



(Signature du titulaire)

Signature

Fait à Hanoi, le 4 septembre 1925

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE
LIBERTÉ — ÉGALITÉ — FRATERNITÉ

GOVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE

DIPLÔME D'ÉTUDES SUPÉRIEURES

Le Gouverneur Général de l'Indochine,

Vu les décrets du 20 octobre 1911;

Vu le Règlement Général de l'Enseignement Supérieur,

Vu le procès-verbal de l'examen subi par M. KHUC - DAN à HANOI session du 16 Juin 1926

par lequel la Commission d'examen atteste que le candidat

KHUC - DAN

né le 12 Septembre 1905

a été jugé digne d'obtenir le Diplôme d'Etudes Supérieures

à HANOI

(Ecole des Sciences Appliquées Section du Cours Supérieur des Travaux Publics 1);

Délivre à M. KHUC - DAN le présent Diplôme d'Etudes Supérieures

pour servir et valoir ce que de droit.

Fait à Hanoi, le 13 Octobre 1926

Le Gouverneur Général de l'Indochine,

Par Délégué

Enregistré sous le n° 544
au Bureau de l'Enseignement
Supérieur de la Direction
de l'Instruction Publique.

Le Directeur
de l'Ecole des
Sciences Appliquées

Le Directeur
de l'Instruction Publique.

Signature du titulaire

M. H. H.



NOMINATIONS ET MUTATIONS DU PERSONNEL INDIGÈNE

NOMINATIONS - AFFECTATIONS

Par arrêté du Gouvernement général de l'Indochine le 11 Novembre 1925

A défaut de candidats pouvant être recruté au concours, sont nommés au grade d'Agent Technique stagiaire des travaux publics et affectés comme suit les candidats ci-dessous, désignés, reçus à l'examen de sortie de l'Ecole des Travaux Publics:

- | | |
|--|---|
| - Nguyen van Chien, Inspection générale des Travaux Publics | - Nguyen van Hoa, Circonscription territoriale de la Cochinchine |
| - Khuc Dan, - id - | - Nguyen luong Ngon, - id - |
| - Truong dang Khoa, Circonscription territoriale de la Cochinchine | - Luu thuy Dan, Circonscription territoriale du Cambodge |
| - Tran Tran, Inspection générale des Travaux Publics | - Pham thanh Xuoc, Circonscription des Etudes et Travaux de Chemins de fer du Sud-Annam |
| - Vo van Que, - id - | - Nguyen tien Tung, Circonscription territoriale du Cambodge |
| - Nguyen duy Ty, - id - | - Nguyen Hoang - id - |
| - Bui xuan Duc, - id - | - Tran tu An, - id - |
| - Le xuan Thanh, Circonscription territoriale de l'Annam | - Pham Huynh, Circonscription territoriale du Laos |
| - Trinh huy Cuong, Circonscription territoriale de la Cochinchine | - Nguyen van Tri, Circonscription territoriale du Cambodge |
| - Nguyen xuan Dan, Circonscription territoriale de l'Annam | - Truong van Thuong, - id - |
| - Dang ngoc Chuong,, Circonscription des Etudes et Travaux de Chemins de fer du Nord-Annam | - Vu ba Bang, Circonscription territoriale du Laos |
| - Doan Thong, Circonscription territoriale de la Cochinchine | - Nguyen trac Anh, - id - |
| - Ta dang Khoa, - id - | - Tran van Bang, Circonscription territoriale du Cambodge |
| - Nguyen Nghe, Circonscription des Etudes et Travaux de Chemins de fer du Sud-Annam | |
| - Tran tho Ham, Circonscription territoriale du Cambodge | |

Trên đây là NGHỊ ĐỊNH BỔ DỤNG
các CÁN SỰ CÔNG CHÁNH
tot nghiệp KHOA 1923 - 1925



DI ẢNH một AHCC thời thập niên 20:
Cố AH BUI XUÂN DỤC, khóa CSCC 1923-1925

CHƯƠNG IV

CẢI TỔ TRƯỜNG CÔNG CHÁNH NĂM 1925

Đến năm 1925, Trường Công Chánh lại được cải tổ theo Nghị định ngày 02 tháng 04 năm 1925. Theo Nghị định này, Trường Công Chánh được cải tổ với nhiệm vụ đào tạo các Cán sự Chuyên môn người bản xứ cho Sở Công Chánh, Sở Địa Chánh và Sở Địa Dư. (Arrêté du 2 Arril 1925 portant réorganisation de L'Ecole des Travaux Publics avec mission de former les Agents techniques indigènes pour le Service des T.P, le service du Cadastre et le Service Géographique).

Trong chương trình cải tổ năm 1913 trước đây, có hai điều đáng lưu ý:

1. Chương trình học chỉ có hai năm.
2. Chương trình chỉ chú trọng đào tạo Cán sự Chuyên môn cho ngành Công chánh, chưa có môn học Địa chánh (Cadastre). Tuy nhiên những môn học về đo đạc bình diện, độ cao (Levé de Plan et Nivellement) cũng giúp cho các sở Địa chánh và Địa dư, nên đã có một số Cán sự Chuyên môn Công chánh vào làm việc cho hai sở này.

Trong lần cải tổ 1925 này, các môn học Địa chánh và Địa dư được giảng dạy (Topographie Cadastre et Topographie du Service Géographique). Chương trình học của lần cải tổ này được nâng lên ba năm, thay vì 2 năm như trước đây.

1.- **TỔ CHỨC:** Trường Công Chánh

có nhiệm vụ đào tạo các Cán sự Chuyên môn người bản xứ cho các ngành Công chánh, Địa chánh và Địa dư. Để việc tổ chức và chương trình giảng dạy có hiệu quả, một Hội đồng được thành lập để nghiên cứu chương trình giảng dạy, gồm có:

- Giám đốc Nha Học Chánh: Chủ tịch
- Một Đại diện Nha TTTCCDD: Hội viên
- Giám đốc trường Công chánh “
- Chánh sở Địa chánh Bắc kỳ “
- Chánh sở Địa dư “
- Hai Giáo sư nhà Trường do

Giám đốc Học chánh chỉ định: Hội viên
Hội đồng bắt buộc mỗi năm họp một lần sau các kỳ thi lên lớp và thi ra trường. Như vậy chúng ta thấy nước bảo hộ chú trọng đến trường Công chánh, nhất là Chương trình giảng dạy, phải được hữu hiệu.

2.- **THI TUYỂN SINH VIÊN:** Số sinh viên được tuyển vào học mỗi năm do Toàn Quyền Đông Dương ấn định với đề nghị của Giám đốc Nha Học Chánh sau khi đã hội ý với Trưởng Thanh Tra Nha TTTCCDD, các Giám đốc các Sở Địa chánh và Địa dư.

Các Sinh viên nếu có Văn bằng Cao đẳng Tiểu học hoặc tương đương được nhận vào học năm thứ nhất không phải qua kỳ thi tuyển.

Nếu số Sinh viên có điều kiện trên không đủ số dự tuyển thì sẽ có kỳ thi tuyển

cho các Sinh viên không có Văn bằng vào học. Kỳ thi tuyển này được mở vào hạ bán tháng 8 hàng năm tại các nơi Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nam Vang (Không thấy nói đến Vạn Tượng). Số Sinh viên được tuyển trong diện này có thể lên đến 2/3 tổng số Sinh viên dự trừ tuyển vào học.

Những Sinh viên nếu có Văn bằng Tú tài bản xứ, hay Tú tài nhất của Pháp (ban C và D) được nhận vào học năm thứ hai.

3. CHƯƠNG TRÌNH HỌC: Để các AH được biết chương trình học 3 năm của lớp CSCC lúc bấy giờ, xin ghi phần “CHƯƠNG TRÌNH HỌC” của 3 năm này. Vì chương trình học tăng lên 3 năm nên có nhiều thay đổi đối với chương trình học 2 năm trước đây.

* **Năm thứ nhất:** Học về Lý thuyết, gồm các môn:

Francais, Logique, Algèbre, Géométrie, Trigonométrie, Physique, Chimie, Cosmographie, Géologie, Dessin pratique, Hygiène, Manipulations de Physique et Chimie (tạm dịch: Pháp văn, Luận lý, Đại số, Hình học, Lượng giác, Lý Hóa, Vũ trụ học, Địa chất, Vẽ thực hành, Y tế, Thực tập về Lý hóa).

* **Năm thứ hai:** Toán học bổ túc và các khái niệm kỹ thuật, gồm có các môn.

- Pháp văn
- Toán (Mathématiques)
- Cơ học
- Hình học diễn họa (Géométrie descriptive et coté)
- Vẽ, lý thuyết (Dessin théorique)
- Vẽ phác họa (Croquis)
- Vẽ thực hành (Dessin pratique)
- Tính khối lượng đất và các Công trình Công chánh (Cubature et Métré des Travaux Publics)
- Thực hành công tác (Pratique des travaux)

- Khái niệm về đường và cầu (Notions Routes et Ponts)
- Khái niệm về công thự (Notions Bâtiments Civils)
- Đo vẽ địa hình tổng quát (Topographie générale)
- Ngôn ngữ Á châu (Langues Asiatiques)
- Xử dụng các máy đo vẽ địa hình (Thực hành)
- Viếng Công trường và Cơ xưởng

* **Năm thứ ba:** chuyên về Kỹ thuật và chuyên ngành (Enseignement technique proprement dit, et l'étude des spécialités) gồm có:

- Ngoài các môn Pháp văn, Ngôn ngữ Á châu, Toán, có thêm môn LUÂN LÝ (Morale), và các môn chuyên môn như sau:
- Vẽ thực hành (Dessin pratique)
- Tính toán các công trình Công chánh (Métré Travaux Publics)
- Tính công thự (Métré bâtiments Civils)
- Khái niệm về Công chánh (Notions Travaux Publics)
- Khái niệm về Công thự (Notions Bâtiment civils)
- Khái niệm về Địa chánh (Notions Cadastre)
- Khái niệm về Địa dư (Notion Service géographique)
- Thực tập đo đạc địa hình dùng trong công chánh (Topographie Travaux Publics)
- Thực tập đo đạc địa hình dùng trong Địa chánh (Topographie Cadastre)
- Thực tập đo đạc địa hình dùng trong Địa dư (Topographie Service géographique)
- Viếng Công trường và Cơ xưởng (Visite de Chantiers et Ateliers)

Sau mỗi niên khóa, các Sinh viên phải thi lên lớp. Sau năm học thứ ba, các Sinh viên phải qua kỳ thi ra trường. Các kỳ thi gồm có thi Viết và thi Vấn đáp về các môn đã học trong năm.

- Sau năm thứ nhất, các Sinh viên có điểm thi trung bình 12 trở lên, được nhận lên học năm thứ hai. Nếu ai thi trượt, và có điểm trung bình ít nhất là 8, được phép dự thi lại vào khoảng tháng 9.
- Sau năm thứ hai, các Sinh viên có điểm thi trung bình từ 10 / 20 trở lên, được nhận vào học năm thứ ba. Những Sinh viên có điểm trung bình dưới 10, phải thôi học, không có kỳ thi thứ hai như trường hợp năm thứ nhất thi lên năm thứ hai.
- Sau năm học thứ ba, các Sinh viên phải qua kỳ thi ra trường. Điểm ra trường là điểm trung bình của hai kỳ thi năm thứ hai lên năm thứ ba và điểm kỳ thi ra trường sau năm thứ ba.

Những Sinh viên có điểm trung bình tổng quát từ 12 trở lên được cấp “Văn bằng Tốt nghiệp lớp Cao đẳng Trường Đại Học, khoa Công Chánh”(Diplôme Supérieur de l'Université avec mention Ecole des Travaux Publics).

Các Ái Hữu Lão Thành NGUYỄN MẠNH HOÀN, NGUYỄN VĂN MINH và TRẦN CÔNG THIÊN theo học các khóa 1929 - 1932 và 1930 - 1933 / 1934, tiêu biểu cho các Ái Hữu Lão Thành theo học trường Công Chánh trong thời gian cải tổ này, đã kể lại những kỷ niệm trong thời gian theo học.

Chúng tôi xin tóm tắt một vài đoạn để chúng ta được biết thêm về đời sống người Sinh viên “Lục lộ” lúc bấy giờ.

* **AH NGUYỄN MẠNH HOÀN** cho biết:

“Khóa học Đại học Công Chánh tôi theo học là ba năm, từ tháng 6 năm 1929 đến tháng 6 năm 1932.

- Năm đầu (1929 - 1930) được lên năm thứ hai phải qua một kỳ thi lên lớp và phải hội đủ điểm trung bình 12. Ai không đạt được điểm ấy sẽ được thi lần thứ hai, nếu đạt được điểm 12 thì được lên lớp, nếu không thì phải thôi học.
- Năm thứ hai (1930 - 1931): hết năm thứ hai vào tháng 06 năm 1930 phải thi lên

năm thứ ba và phải hội đủ điểm trung bình 10. Nếu kém hơn thì thôi học, không có thi lần hai như năm thứ nhất.

- Năm thứ ba (1931 - 1932): Kỳ thi ra trường vào tháng 6 năm 1932, ai hội đủ điểm trung bình 10 thì được cấp văn bằng Tốt nghiệp học trình Cao đẳng, trường Công Chánh Đông Dương (Diplôme d'Etudes Supérieures de l'Ecole ds Travaux Publics de L'Indochine) và được bổ nhiệm Cán sự Chuyên môn ngành Công Chánh hay Địa chánh tùy ý lựa chọn. Nếu không hội đủ 10, khi cần Tổng Nha Công Chánh Đông Dương sẽ tuyển vào ngạch Đốc công (Chef de Chantier).

Khóa tôi học gồm có 5 Sinh viên từ Nam kỳ, 5 Sinh viên từ Trung kỳ, 11 Sinh viên tại Bắc kỳ, không có Sinh viên Lào và Cao Miên.

Trong khóa này đặc biệt có một bạn là anh Hoàng Đình Cang, nguyên thư ký Công chánh, thi đỗ vào học, vẫn được giữ lương Thư ký và tự túc ăn ở, anh lại trúng tuyển kỳ thi “Phụ tá chuyên môn Công chánh”, một ngạch Pháp (Adjoint technique des Travaux Publics), khi học xong năm thứ hai, anh được bổ vào ngạch Cán sự Chuyên môn Công chánh, không phải học năm thứ ba nữa. Còn tất cả các Ái Hữu khác đều ở nội trú với trợ cấp thêm 8 đồng một tháng (Gọi là Interne avec allocation). Nơi nội trú là ngôi nhà tọa lạc tại Đại lộ Paul Bert (Gọi là Université Paul Bert). Nơi đây, ngoài Sinh viên Trường Công chánh còn có Sinh viên các trường Thương mại, Canh nông, Kiến trúc (xin mở ngoặc: Sinh viên các trường Luật, Sư phạm, Y khoa, Thú y, Mỹ thuật, Được thì ở nội trú tại “Université Indochinoise”).

Nhà nội trú Paul Bert có thánh đường (Amphithéâtre), tầng dưới là phòng học (Salle d'études). Sinh viên trong giờ học mà không có lớp, phải tự học ở phòng học, cho đến hết giờ mới được tự do về phòng ngủ. Sau cơm trưa được nghỉ đến 2 giờ 30 chiều phải đi học. Nếu không có lớp, Sinh viên

phải vào “phòng học” để học bài. Sau cơm tối được tự do từ 7 giờ đến 8 giờ, Sinh viên được phép ra ngoài đi dạo, hay mua đồ cần dùng, hay được người yêu đến đón trò chuyện, đến 8 giờ tối phải về phòng học và 10 giờ tối mới được về phòng ngủ, không được mở đèn.”

Ngoài giờ giấc, kỷ luật khi học, AH Nguyễn Mạnh Hoàn còn mô tả đời sống Sinh viên bấy giờ:

“Tôi nhận thấy Sinh viên Cao đẳng hồi ấy về việc học thì dễ hơn Sinh viên đời nay, nhưng về sự dãi ngộ rất đầy đủ thoải mái đầy danh vọng.

Về mùa đông giá lạnh các Sinh viên từ Nam kỳ, Ai lao, Cao Miên đều được Đại học cấp cho mỗi người một bộ quần áo “Complet” dạ (Laine) không quá 30 đồng. Sinh viên y phục chỉnh tề, mang cà vạt (Cravate) v.v...”

Ái Hữu còn mô tả nhiều nữa như ở nội trú có người làm công săn sóc, vắt màn, sửa soạn giường, lau chùi xe đạp và mỗi dịp hè được đi nghỉ mát ở Đồ Sơn v.v... (Xin xem tiếp bài viết của AH tại phần III).

Các Ái Hữu Nguyễn Mạnh Hoàn, Nguyễn Văn Minh cho biết Trường Công Chánh tạm ngưng thi tuyển Sinh viên vào học kể từ năm 1931 vì số Cán sự Chuyên môn Công chánh, Địa chánh và Địa dư đã tạm đủ cho nhu cầu. Ngoài ra cũng có thể có các lý do khác, như tình hình kinh tế bị khủng hoảng của thập niên 30 v.v...

Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân trong bài viết về Trường Công Chánh, các khóa 1938 - 1940, 1939 - 1942 v.v... cũng cho biết Trường Công Chánh đã tạm ngưng tuyển Sinh viên vào học từ năm 1931, mãi đến năm 1938 mới mở lại kỳ thi tuyển Sinh viên vào học lớp đào tạo Cán sự Công chánh và Địa chánh...

Trong thời gian từ năm 1926 đến năm 1934, Giám đốc trường là Kỹ sư Connan thay thế Kỹ sư Paul Bergue về hưu từ năm 1926.

Trong giai đoạn từ năm 1934 trở về trước đã có một số AH tốt nghiệp trường

Cao Đẳng Công Chánh, về sau có những thành tích xuất sắc hoặc có những hành động lưu danh hậu thế. Xin trích một vài đoạn trong bài “TUỞNG NHỚ ĐÀN ANH” của AH Trần Sĩ Huân (Trong LTCC số 72 tháng 06 năm 1998) và các tài liệu tìm thấy “Việt Nam Danh Nhân Tự Điển” của Nguyễn Huyền Anh. “Nửa Đời Hu” của tác giả Vương Hồng Sến.

Như chúng ta đã biết, khi thực dân Pháp đô hộ nước ta, mở trường đào tạo nhân viên chuyên môn nhằm có người phục dịch cho chế độ thuộc địa, một số thanh niên lúc bấy giờ, dù biết thâm ý của người Pháp, nhưng vẫn lợi dụng thời cơ để học hỏi, mở mang trí tuệ, phát triển khả năng hầu chuẩn bị cho một vận hội về sau.

Trong phạm vi khai hóa này, Trường Công Chánh đã được mở ra vào năm 1902 trước cả các trường Cao đẳng khác. Từ đó đến nay trải qua mấy thế hệ, Trường đã đào tạo hàng ngàn người chia nhau đi bốn phương trời đất nước.

Đa số làm những việc thông thường của người Công hoặc Tư chức. Họ làm đủ việc từ Văn phòng Kỹ thuật đến Công trường, dẫn thân vào các vùng rừng sâu nước độc để mở mang đường sá, cầu cống, lập đường hỏa xa, hải cảng, phi trường, xây đê đập cho việc dẫn thủy nhập điền v.v...

Có người sau khi tốt nghiệp đã tự rèn luyện để trở thành những chuyên viên ưu tú, nhà văn hóa hoặc chính trị gia, đem lại tiếng tăm cho nhà trường, làm gương cho các thế hệ thanh niên.

Trước hết về mặt Chính trị, xin kể đến ba nhà cách mạng Phó Đức Chính, Phan Văn Hùm và Nguyễn Văn Sâm.

* **PHÓ ĐỨC CHÍNH** (1907 - 1930): Ông người tỉnh Bắc Ninh, tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh năm 1927, được bổ dụng Tham tá (Cán sự Chuyên môn) tại Savannakhet bên Lào năm 1928. Ông tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD);

năm 1929 vì việc Đảng bị tiết lộ, ông bị bãi chức và bị bắt đưa về nước. Nhưng vì nhỏ tuổi nên được miễn nghị. Thực ra ông là một yếu nhân của VNQDD, lúc bấy giờ ông được cử giữ chức Trưởng ban Tổ chức Tổng Bộ Lâm Thời và hoạt động cho Đảng hết sức hăng hái.

Trong cuộc khởi nghĩa năm 1930, ông Phó Đức Chính được cất cử coi việc đánh mạn Yên Bái. Thất bại, ông cùng một số đồng chí thoát ra khỏi vòng vây, lại định hạ thành Sơn Tây. Nhưng vào chiều ngày 15 tháng 02 năm 1930 đương bàn soạn công việc tại Nam An thì bị vây bắt. Bị khép án tử hình, ông Phó Đức Chính lên đoạn đầu đài đền nợ nước cùng một lần với Đảng Trưởng Nguyễn Thái học và 11 đồng chí khác của VNQDD (ngày 17 tháng 06 năm 1930). Năm đó ông Phó Đức Chính mới ngoài 20 tuổi. Tương truyền khi chịu chết, ông đòi được đặt nằm ngửa để xem lưỡi máy chém xuống như thế nào ? Ông hô đủ bốn tiếng “VIỆT NAM VẠN TUẾ” thì đầu lìa khỏi xác.

* **PHAN VĂN HÙM** (1902 - 1945): Chiến sĩ cách mạng ở miền Nam vào khoảng tiền bán thế kỷ XX. Sinh quán tại làng Búng (Thủ Dầu Một, Nam phần), tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội năm 1922, sau đó ông qua Pháp học và đỗ Cử nhân Văn khoa trường Đại học Sorbonne. Ông Tham gia chính trị bên cạnh nhà ái quốc Nguyễn An Ninh. Bị bắt giam tại Khám lớn Sài Gòn (1928) ; Trong dịp này, ông viết thiên hồi ký : “Ngồi Tù Khám Lớn”.

Ra tù, ông sang Pháp một thời gian. Trở về nước năm 1933, ngoài thì giờ đi dạy học tư, ông thường viết sách, viết báo để tranh đấu dành quyền tự chủ cho đất nước.

Năm 1939, ông đắc cử vào Hội đồng Quản hạt Nam kỳ.

Vì làm bình bút cho tờ “La Lutte” một tờ báo chống Pháp, nên ông bị kêu án đày Côn đảo

Ngoài tờ “La Lutte” Phan Văn Hùm còn cộng tác với các báo “Phụ Nữ Tân Văn”, “Mai” và “Việt Thanh”.

Tác phẩm của Phan Văn Hùm gồm có: “Ngồi Tù Khám Lớn” (Bảo tồn, Sài Gòn, 1928); “Biện chứng pháp phổ thông” (Luận tụng); “Nỗi lòng Đồ Chiểu” (Vương Dương Minh), “Phật học”.

Năm 1945, Sau khi ở Côn đảo về, ông Phan Văn Hùm bị bọn khủng bố ám sát tại Phan Thiết (Sông Lòng Song).

Cũng như ông Nguyễn Văn Sâm được nói đến sau đây, hai ông Phan Văn Hùm và Phó Đức Chính là những “Nhân Vật Lịch Sử” đã tham dự vào các biến cố lịch sử, đã một thời dâng hiến trọn vẹn tuổi trẻ của mình cho đất nước và dân tộc. Thật đáng phục thay như lời thơ của cụ Phan Bội Châu:

Chết mà vì nước, chết vì dân
Chết đáng nam nhi, trả nợ trần.

Ông **NGUYỄN VĂN SÂM**: Theo bài viết kể lại của cố AH Hoàng Đạo Lương, lớp Công Trình Sư đầu tiên được mở vào năm 1922 và tốt nghiệp năm 1923 có bốn người theo học: Sâm, Hổ, Ánh và Đoàn Quỳ. Ông Nguyễn Văn Sâm mà tôi đề cập trong bài này, không biết có phải là ông Sâm tốt nghiệp khóa Công Trình Sư 1922 - 1923 này không?

Theo ông Vương Hồng Sển viết trong tập sách “Hơn Nửa Đời Hu” do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành năm 1995, trang 107, nói về ông Nguyễn Văn Sâm được tóm tắt như sau:

“Những người lớp trước tôi hay đồng chạn (đồng lứa) với tôi, nếu là dân cố cựu tỉnh Sóc ất còn nhớ anh Nguyễn Văn Sâm.

Xuất thân ở trường Công Chánh Hà Nội, đồng một lớp với những Châu Quang Phước, Nguyễn Văn Vui và vài ba ông tiền bối lỗi lạc. Tây đặc phong đạo lộ cán sự viên (Agent Voyer), kể về tài tuy có kém Kỹ sư kiểu lộ Pháp (Ingénieur des Ponts et Chaussées).

Nguyễn Văn Sâm lìa bỏ quan trường

trong lúc đường mây đang nhẹ bước, dần thân vào chính trị, viết bài Pháp văn tranh luận cho báo “La Tribune Indigène (Diễn đàn bản xứ)” của ông Nguyễn Phú Khai, và cho báo “Đuốc Nhà Nam” của Đảng Lập Hiến do ông Bùi Quang Chiêu làm lãnh tụ. Sâm sau ra tranh và đắc cử Hội Đồng Quản Hạt, để rồi vào ngồi tù vì tội làm thủ lãnh Hội Báo Chí, tiếp theo bị bắt lưu trú, tức giam lỏng tại Châu Thành Sóc Trăng... Sâm là người Tỉnh Sóc Trăng có tiếng học giỏi. Năm 1945, Sâm làm Khâm Sai chính phủ Trần Trọng Kim, quyền coi hết đất Nam kỳ, về sau bị ám sát trên xe buýt. Sự nghiệp của Sâm chỉ còn lại một tên cho con đường Sài Gòn và cây cầu Ba Cẳng trong Chợ Lớn”.

Đoạn viết về ông Nguyễn Văn Sâm trong Việt Nam Danh Nhân Tự Điển của Nguyễn Huyền Anh, (trang 336 và 337) được tóm tắt như sau:

“Ông là nhà chính trị và cũng là nhà viết báo hữu danh ở Nam phần vào khoảng tiền bán thế kỷ XX. Từng cộng tác với tờ “La Tribune Indigène”, làm chủ nhiệm báo “Đuốc Nhà Nam” và báo “Quần Chúng”, Chủ tịch “Hội Ký Giả Nam Việt”, ông chủ trương tranh thủ quyền tự do cho Đất Nước bằng phương tiện báo chí. Ông gửi lên nhà cầm quyền và Quốc Hội Pháp lúc bấy giờ bức thư tả rõ tình trạng báo chí nước ta dưới chế độ áp bức của thực dân.

Cuộc thế chiến thứ 2 xảy ra, ông bị lưu trú tại Sóc Trăng. Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời, biết ông là một nhân sĩ Quốc gia, rất có uy tín, mời ông sung chức Khâm Sai Đại Thần tại Nam Bộ.

Sau năm 1945, ông thành lập Đảng Dân Chủ Xã Hội, sau tham gia Mặt Trận Thống Nhất, ông chủ trương kết hợp người Quốc gia chân chính để tranh đấu cho nước nhà được Độc lập và Thống nhất. Công cuộc đang tiến hành, thì vào chiều ngày 10 tháng 10 năm 1947 Ông bị bọn khủng bố ám sát tại Chợ lớn.

VỀ VĂN HỌC, xin kể đến:

Ông **NGUYỄN HIẾN LÊ** (1912 - 1984) có biệt hiệu là Lộc Đình, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1912 tại Hà Nội, quê ở làng Phương Khê, phủ Quảng Oai, Sơn Tây, tốt nghiệp Cán Sự Công Chánh năm 1933, làm việc tại Sở Thủy Lợi Miền Nam Đông Dương ở Long Xuyên cho đến năm 1952 thì nghỉ việc ra ngoài dạy học, viết văn, mở nhà xuất bản sách. Ông đã soạn một số sách về toán hình học, ngoài ra ông còn thông cả Hán văn, Pháp văn và đã dịch rất nhiều sách thuộc loại “Học Làm Người”, Văn Học, Ngữ Pháp, Triết Học Trung Quốc Sử, Du ký, tất cả gần 120 tác phẩm. Từ một chuyên viên Công Chánh, ông Nguyễn Hiến Lê cũng là một nhân sĩ có khí phách, có nhiệt tâm đã trở thành một nhà văn học lớn của nước ta. Ông mất ngày 22 tháng 12 năm 1984 tại Sài Gòn.

Ngoài các nhân vật đặc biệt nói trên, nhìn chung, phần lớn những Ái Hữu tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh, đã đem những điều mình học hỏi được để truyền lại cho các thế hệ sau, đã đem hết khả năng và thiện chí của mình đóng góp cho việc xây dựng đất nước.

Ái Hữu Trần Sĩ Huân có nêu lên hai trường hợp đặc biệt khác được Ái Hữu viết trong bài “Tưởng Nhớ Đàn Anh” là các ông Trần Văn Mẹo và Trần Đăng Khoa:

Trong Nam, năm 1955, ông Mẹo được cử giữ chức vụ Bộ Trưởng Công Chánh kiêm nhiệm Bộ Kinh Tế. Ngoài Bắc, năm 1946, ông Khoa được cử giữ chức vụ Bộ Trưởng Công Chánh và năm 1955 Bộ Trưởng bộ Thủy Lợi. Cả hai ông cùng tuổi đều xuất thân từ Trường Công Chánh Hà Nội năm 1927 và cùng tốt nghiệp khóa Kỹ sư chuyên nghiệp đầu tiên ở Đông Dương năm 1943. Ở trong Nam, ông Mẹo đã từng là thành viên của Ủy ban Kinh tế trong phái đoàn Việt nam tham dự Hội nghị PAU ở Pháp năm 1948 - 1949

tranh đấu đòi Pháp trả lại đất Nam kỳ cho Việt nam, trước khi gia nhập khối Liên Hiệp Pháp; kết quả là Hiệp định Elysées ký kết ngày 08 tháng 03 năm 1949 giữa Tổng Thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại công nhận nền thống nhất của Việt nam.

Theo ông Khúc Đản, 96 tuổi, hiện còn sống ở Paris (xin mở ngoặc: phần này AH Trần Sĩ Huân viết vào năm 1998, khi đó cụ Khúc Đản đang còn sống tại Paris), bạn đồng khóa Kỹ sư với hai ông Mẹo và Khoa, thì hai Ông này có nhiều điểm tương đồng, nhất

là về cách cư xử tử tế với bạn bè, cách làm việc hăng say, tận tụy, tháo vát và lòng yêu nước chân thành. Chính nhờ vậy mà hai Ông Trần Văn Mẹo và Trần Đăng Khoa đã thành công trong sự nghiệp vẽ vang, cũng như các vị đàn anh khác như đã trình bày, nêu cao uy danh Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam muôn thuở”.

Trước khi qua giai đoạn 1938 trở về sau, xin trình bày theo đây Văn bằng Tốt nghiệp Trường Công Chánh lúc bấy giờ (của AH Nguyễn Văn Minh) và hình chụp khóa học năm 1930 - 1933 / 1931 - 1934:



Khoá Cán Sự Công Chánh 1930 - 1933 / 1934 và MẶT TIỀN TRƯỜNG CÔNG CHÁNH tại HÀ NỘI (Hình chụp năm 1932)

- Người đứng bên trái hàng đầu là Lão Ái Hữu Nguyễn Văn Minh, 89 tuổi, hiện ở tại San Diego, California với con, cháu.
- Người đứng thứ ba hàng đầu kể từ trái là Ái Hữu Lão Thành Trần Công Thiện, 89 tuổi, hiện ở tại Bakersfield, California cùng con và cháu.

DƯỚI ĐÂY LÀ DANH SÁCH 29 SINH VIÊN CỦA KHÓA NÀY:

- | | | |
|-----------------------|----------------------|----------------------------------|
| 1. Nguyễn Văn Chi | 11. Nguyễn Văn Minh | 21. Trần Văn Tỷ |
| 2. Nguyễn Đình Đức | 12. Lê Trọng Minh | 22. Nguyễn Văn Trình |
| 3. Lê Văn Diệt | 13. Phan Ngữ | 23. Nguyễn Trung |
| 4. Bùi Quý Đồng | 14. Huỳnh Văn Sanh | 24. Nguyễn Sĩ Tuệ dit Huệ |
| 5. Lý Henri | 15. Ngô Đức Tiêm | 25. Lê Văn Thông |
| 6. Nguyễn Tăng Huân | 16. Phan Đình Tiếp | 26. Lê Viễn Trí |
| 7. Nguyễn Xuân Khương | 17. Nguyễn Văn Thành | 27. Nghiêm Xuân Việt |
| 8. Nguyễn Văn Hợi | 18. Hồ Đăng Thi | 28. Delpech (SV người Pháp) |
| 9. Trương Thành Khán | 19. Trần Công Thiện | 29. Tacheo Tchang (SV người Hoa) |
| 10. Nguyễn Hiến Lê | 20. Trần Doãn Thự | |

RÉPUBLIQUE FRANÇAISE
LIBERTÉ — ÉGALITÉ — FRATERNITÉ

GOVERNEMENT GÉNÉRAL DE L'INDOCHINE

DIPLOME D'ÉTUDES SUPÉRIEURES

Le Gouverneur Général de l'Indochine,

Vu les décrets du 20 Octobre 1911.

Vu le Règlement Général de l'Enseignement Supérieur;

Vu le procès-verbal de l'examen subi par *M. Nguyen van Ninh* session du 21 Juin 1936
par lequel la Commission d'examen a été avisée qu'il a été jugé digne d'obtenir le Diplôme d'Études Supérieures

à *M. Lê Đình Tân*

(École des Travaux Publics) Section

Délivre à *M. Nguyen van Ninh* le présent Diplôme d'Études Supérieures

pour servir et valoir ce que de droit.

Enregistré sous le n° **2512**
au Bureau de l'Enseignement
Supérieur de la Direction
de l'Instruction Publique.

(Signature du titulaire)

Le Directeur
de l'École des
Travaux Publics



P. Le Gouverneur Général de l'Indochine, et p.d.
Le Directeur de l'Instruction
Publique en Indochine,

Fait à Hanoi, le 17 septembre 1936

CHƯƠNG V

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH HOẠT ĐỘNG LẠI NĂM 1938 : GIAI ĐOẠN 1938 - 1945

Trường Công Chánh đã tạm ngưng thu nhận Sinh viên vào học kể từ năm 1931. Đến năm 1938, vì nhu cầu nhân sự, Nha TTTCCDD tổ chức một lớp đào tạo Cán sự Công chánh và Địa chánh (theo bài viết kể lại của AH Nguyễn Hữu Tuân theo học khóa 1939 - 1942 ở phần III) và theo Nghị định ngày 15 tháng 08 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương (Arrêté du 15 Août 1938 création du Cours de Formation des Agents Techniques Indigènes des Travaux Publics). AH Nguyễn Hữu Tuân theo học khóa Cán sự Công chánh 1939 - 1942 và khóa Kỹ sư Công chánh 1943 - 1944, kể lại:

“Lầu 3 Nha TTTCCDD ở Hà Nội được dùng để đặt Văn phòng Trường và một lớp học có đủ chỗ cho 50 Sinh viên. Các lớp học khác được tổ chức tại Trường Đại Học Đông Dương ở Đại lộ Bobillot. Vườn Bách Thảo ở gần Hồ Tây và sân banh Clair ở bờ sông, ngay đằng sau Nha TTTCCDD, là những nơi để thực tập xử dụng các máy ngắm và đo đạc. Kỹ sư Paul Jarry, trưởng phòng Pháp chế Nha TTTCCDD kiêm nhiệm Giám đốc Trường cho đến tháng 03 năm 1945 khi Nhật đảo chánh Pháp. Văn phòng còn có một phụ tá kiêm thư ký do một Ái Hữu Công Chánh lớn tuổi (Cụ Chử) đảm nhận, một họa viên và một tùy phái. Các Giáo sư Trường được tuyển lựa từ các Giáo sư Thạc sĩ của Trường Đại Học Đông Dương và các Kỹ sư Pháp

làm việc ở Hà Nội và Hải Phòng. Mặt khác, dựa trên các Văn kiện tìm thấy, chúng tôi được biết:

“Theo Nghị định ngày 15 tháng 08 năm 1938 và Quy định Điều hành, các lớp học được tái hoạt động để đào tạo các Cán sự Chuyên môn người bản xứ cho các ngành Công chánh, Địa chánh và Địa dư (Arrêté du 15 Août 1938). Nhà Trường thuộc sự kiểm soát của Nha Học Chánh Đông Dương, với sự thỏa hiệp của các sở Địa chánh và Địa dư Đông Dương. Thời gian học là 3 năm, mỗi năm học gồm có 9 tháng học tại Hà Nội và 3 tháng đi tập sự tại các sở Công chánh hay Địa chánh.

Các lớp đào tạo Cán sự Chuyên môn trong lần cải tổ này chỉ nhận các Sinh viên qua kỳ thi tuyển. Có hai kỳ Thi tuyển:

* **KỲ THI TUYỂN THỨ NHẤT** dành cho các Sinh viên tuổi từ 17 đến 21, vào học năm thứ nhất. Có bằng Cao Đẳng Tiểu Học hay tương đương.

* **KỲ THI TUYỂN THỨ HAI** dành cho các Sinh viên từ 18 đến 25, có một trong các Văn bằng sau đây vào học năm thứ hai:

- Bằng Tú tài Pháp (Ban Toán)
- Văn bằng khả năng thuộc địa tương đương bằng Tú tài Pháp (Brevet de Capacité Coloniale Correspondant au

Baccalauréat Métropolitain Série Math).

- Văn bằng khả năng chương trình đệ nhị Pháp - Bản xứ (Brevet de capacité de l'Enseignement Secondaire Franco - Indigène).

Những thí sinh trúng tuyển một trong hai kỳ thi nói trên, kể từ năm thứ hai được gọi là “Học sinh Cán sự Chuyên môn” (Elève Agent Technique) và được chọn theo học hoặc ngành Công chánh, hoặc ngành Địa chánh, hoặc Địa dư.

Các Sinh viên được trợ cấp hàng tháng (Allocation mensuelle) cho cả ba năm học (vào năm 1938, trợ cấp học bổng hàng tháng là 25 đồng). Các Sinh viên theo học còn được đài thọ tiền chuyên chở từ nơi trú quán đến Trường ở Hà Nội và lượt trở về thăm nhà sau một năm học. Họ cũng được đài thọ tiền chuyên chở và lộ phí (Indemnité de route) khi đi tập sự sau mỗi năm học. Các Sinh viên phải làm cam kết phục vụ cho nhà nước tối thiểu 10 năm kể từ ngày tốt nghiệp Cán sự. Những Sinh viên khi tốt nghiệp có điểm trung bình từ 12 trở lên được chấm đỗ vào ngạch “Cán sự Công chánh tập sự”.

* **THI TUYỂN VÀO NĂM THỨ NHẤT** (1ère Année):

Gồm có:

- Phúc trình thăm một Công trường (làm đường, xây nhà cửa, cầu cống, đập nước) (Compte - rendue d'une visite de chantier)
- Toán Số học
- Toán đại số
- Vẽ phác họa (Croquis coté)

Ngoài ra, các thí sinh phải qua cuộc khảo sát thể chất (Examen physiologique) và thi thể dục (chạy bộ nhẩy dài, ném tạ, đi xe đạp đường trường v.v...).

* **THI TUYỂN VÀO NĂM THỨ HAI** (2ème Année) gồm có:

- Làm phúc trình đi xem một Công trường làm cầu, đập nước, công thợ, công

tác tráng nhựa v.v

- Đại số (làm hai bài toán)
- Lượng giác (làm hai bài toán)
- Lý hóa (một bài toán hay câu hỏi Vật lý và một câu Hóa học)
- Vẽ phác họa (Croquis Coté) bàn, ghế v.v...

Các thí sinh phải qua cuộc khảo sát thể chất (Examen physiologique) và kỳ thi thể dục như ở phần thi vào năm thứ nhất. (xin xem chi tiết ở Nghị định ngày 15 - 08 - 1938 và Qui định điều hành).

Thời gian học tất cả là 3 năm, mỗi năm học là 9 tháng tại trường ở Hà Nội và 3 tháng đi tập sự tại các Sở Công Chánh hay Địa Chánh.

* **THI LÊN LỚP VÀ THI RA TRƯỜNG:**

1. Thi lên lớp năm thứ hai: Sau một năm học, Sinh viên phải qua kỳ thi lên năm thứ hai. Các Sinh viên phải có điểm trung bình từ 10 / 20 mới được lên năm thứ hai.

2. Thi từ năm thứ hai lên năm thứ ba sau một năm học. Những Sinh viên được chấm đỗ để lên lớp năm thứ ba nếu có điểm trung bình 10 / 20 cho các môn Luận Pháp văn, Toán, Hình học diễn họa, và điểm trung bình 12 / 20 cho các môn học khác.

3. Thi Mãn Khóa (Examen de fin d'étude): gồm có:

Phần thi viết chung cho tất cả các sinh viên, và phần vấn đáp thì tùy sinh viên chọn.

- Hoặc Công chánh
- Hoặc Địa chánh
- Hoặc Địa dư

Những sinh viên đủ số điểm trung bình từ 12 trở lên được chấm đỗ và bổ dụng “Cán sự Chuyên môn tập sự”.

Điểm số trung bình 12 được tính như sau:

Tổng số điểm trung bình lớp Một thi lên lớp Hai cộng với lớp Hai lên lớp Ba, rồi cộng với điểm thi ra trường sau năm học lớp

Ba, điểm số thi cuối năm ở năm 3 được nhân với hệ số 1.5 (xin xem thêm chi tiết về Chương trình Học và Chương trình Thi ở Nghị định ngày 15 - 08 - 1938 ở tại phụ bản)

Các Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân, Mã Minh và Nguyễn Ngọc Tiếp cho biết. Trong thời gian Trường được mở lại từ năm 1938 đến năm 1945 có các khóa học sau đây:

- Khóa học 1938 - 1940: Khóa này chỉ học có hai năm vì các Sinh viên đều có Tú tài phần 2 ban Toán vào học. Có tất cả 14 Sinh viên theo học và tốt nghiệp (xin xem Nghị định bổ dụng kèm theo). Ái Hữu lão thành Phạm Hữu Vĩnh theo học khóa này còn cho biết thêm về các khóa học này như sau:

“ Năm 1938, Trường Công Chánh chưa được gọi là một Trường như hồi trước năm 1931. Đó là một lớp đào tạo Cán sự Công Chánh (Cours de formation des Agents Techniques des Travaux Publics). Học trò được tuyển qua một kỳ thi tổ chức tại Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Pnom Penh và Vientiane. Thí sinh phải có Tú tài Toán. Lớp đầu tiên 1938 - 1940 có 14 học viên. Lớp học thì mượn ở dãy nhà phía sau của trường Đại Học Luật.”

- Khóa học 1939 - 1942: Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân theo học khóa này và cho biết: “Có 46 Sinh viên theo học và thi tốt nghiệp lớp Cán sự. Năm thứ nhất lên năm thứ hai có 30 Sinh viên có Văn bằng Cao đẳng Tiểu học và bằng Tú tài II. Năm thứ hai có thêm 16 Sinh viên có bằng Tú tài hai (Toán) thi đỗ vào học, nâng tổng số Sinh viên theo học khóa này lên 46 người. (xin xem hình chụp các Sinh viên theo học khóa này kèm theo).

- Khóa 1941 - 1944 có khoảng 20 Sinh viên theo học, trong đó có 15 Sinh viên theo ngành Công chánh, 5 Sinh viên theo ngành Địa chánh. Ái Hữu Mã Minh theo học khóa này và cho

biết như trên.

- Khóa học 1943 đến tháng 03 năm 1945: nói về khóa học này, Ái Hữu Nguyễn Ngọc Tiếp kể lại cho biết, các Sinh viên đã gặp nhiều rủi ro và trở ngại. Thời gian 1943 về sau là lúc miền Bắc, nhất là thủ đô Hà Nội và các vùng phụ cận luôn luôn bị phi cơ Mỹ đột kích và dội bom các căn cứ quân Nhật Bản. Khóa học được tiếp tục với hai năm tương đối tạm được, mãi đến ngày 09 tháng 03 năm 1945 Nhật đảo chính Pháp, khóa học bị đình chỉ và các Sinh viên đều tản mác mỗi người một ngả. Đa số khóa sinh ở miền Trung và miền Nam đều trở về quê, một phần bằng đường bộ (xe hơi, xe đạp...) một ít anh em trở về bằng đường biển (ghe, thuyền). Vì khóa học tạm ngưng, các Sinh viên hoặc chuyển nghề hoặc tạm kiếm việc làm trực thuộc Công chánh. Mãi đến năm 1947 khi trường được tái lập tại Sài Gòn, các khóa sinh lần lượt được trở lại tiếp tục học.

Ghi chú: Vào năm 1943, một Nghị định của Toàn quyền Decoux, thay đổi một vài điều khoản của Nghị định 15 tháng 08 năm 1938. Các khóa học từ năm 1938 cho đến năm 1943, vẫn gồm ba lớp đệ nhất, đệ nhị và đệ tam để thi ra Cán sự Công chánh (hay Địa chánh). Đến năm 1944, Nghị định số 2.027-D ngày 08 tháng 08 năm 1944 mới có thay đổi đôi phần: Lớp Đệ nhất được đổi thành lớp Dự Bị (Cours préparatoire). Lớp đệ nhị được gọi là lớp Đệ nhất trung đẳng (Cours 1ère Année Secondaire). Lớp Đệ tam được gọi là lớp đệ nhị trung đẳng (Cours 2ème Année Secondaire). Sau đây là Nghị định bổ dụng 14 Cán sự Chuyên môn khóa 1938 - 1940, và các hình ảnh khóa học 1938 - 1942, các Ái Hữu theo học các khóa từ năm 1945 trở về trước cùng các chị chụp tại Sài Gòn năm 1985 và tại Hà Nội năm 1999.

LE GOUVERNEUR GENERAL DE L'INDOCHINE
Commandeur de la Légion d'Honneur,

Vu les décrets du 20 Octobre 1911 portant fixation des pouvoirs du Gouverneur Général et organisation financière et administrative de l'Indochine ;

Vu le décret du 29 août 1940 ;

Vu l'arrêté du 21 Septembre 1935 fixant le statut commun du personnel indochinois de l'Administration française ;

Vu l'arrêté du 27 Septembre 1924 fixant le statut des Agents technique des T.P. ;

Vu les décrets des 1, 9, 12 Septembre 1939 et 18 Novembre 1939 réglant la situation des fonctionnaires pendant la durée des hostilités ;

Vu la circulaire n° 4-P/1 du 3 Janvier 1940 relative à l'application des décrets ci-dessus ;

Vu les arrêtés des 10 Novembre 1938 et 9 Février 1939 fixant les nouvelles hiérarchies et soldes du personnel indochinois de divers services ;

Sur la proposition de l'Inspecteur Général des T.P. ;

A R R E T E :

ARTICLE 1er.- Sont nommés à titre précaire et révocable dans le cadre des Agents techniques des Travaux Publics avec le grade d'Agent technique stagiaire, les anciens élèves diplômés du Cours de formation des Agents techniques dont les noms suivent :

M.M. Pham-Huu-Vinh	N°1e	370
Bui van Cac	-	371
Nguyen Sanh Dan	-	372
Vu duc Than	-	373
Nguyen Nhat Quang	-	374
Tran Ngoc Lam	-	375
Nguyen van Chau	-	376
Pham van Ba	-	377
Nguyen dinh Hach	-	378
Nguyen van Thanh	-	379
Nguyen van Doan	-	380
Pham Ngoc Dao	-	381
Nguyen Ham Anh	-	382
Trinh xuan Dinh	-	383

ARTICLE 2.- L'affectation de ces agents sera fixée ultérieurement.

ARTICLE 3.- Le Secrétaire Général du Gouvernement Général et l'Inspecteur Général des Travaux Publics sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté .

Visé à la C.P.C.I. le 14-II-40
N° 12797

Hanoi, le 25 Novembre 1940

Par délégation :

Le Secrétaire Général du Gouvernement Général de l'Indochine

Signé: P. DELSALLE

Visé à la D.F. le 16-II-40 N° 5292
C.F. le 22-II-40 N° 21810

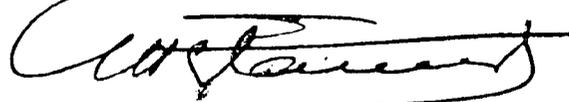
Pour Ampliation :

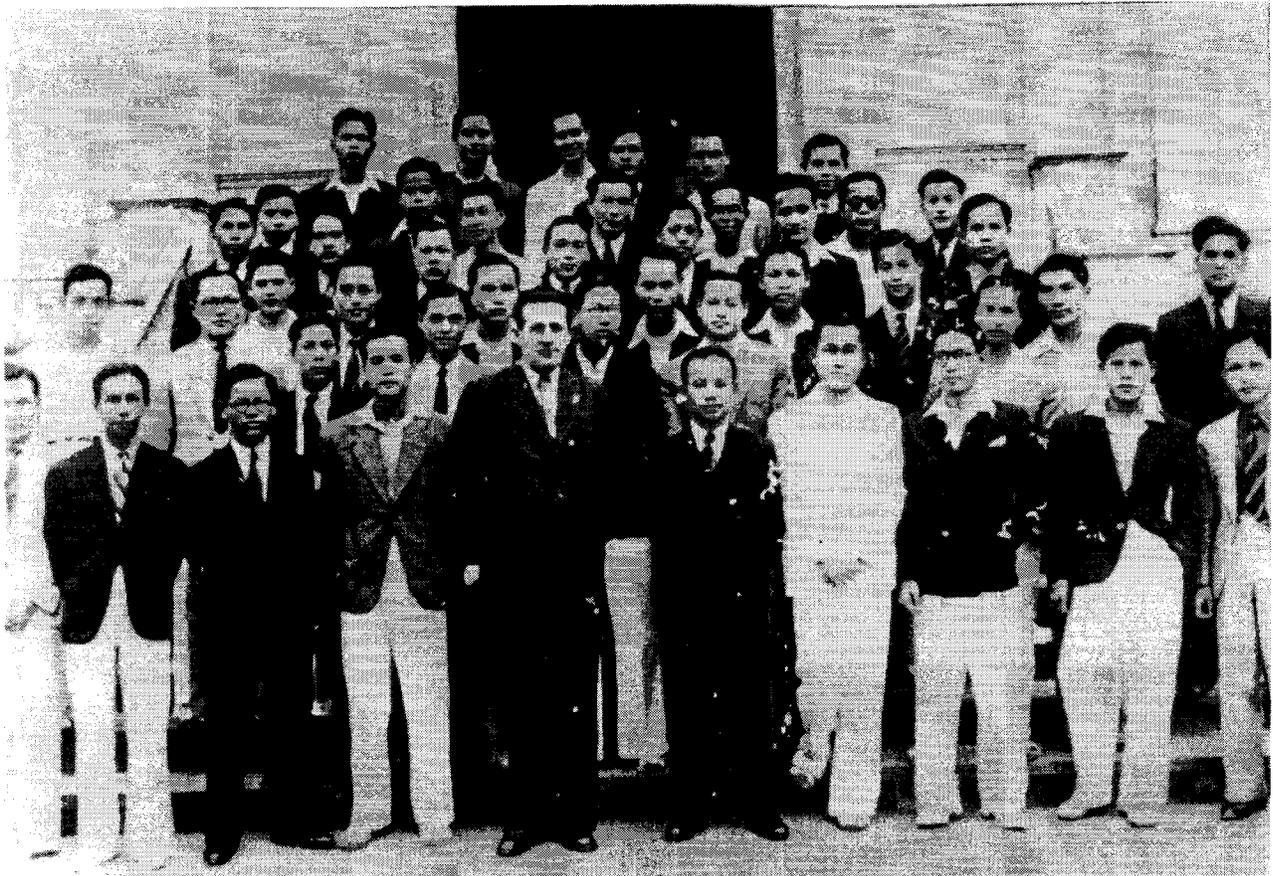
Le Chef du Bureau des Archives au Chef du Bureau du Personnel

Gouvernement Général, au Directeur Général des Travaux Publics

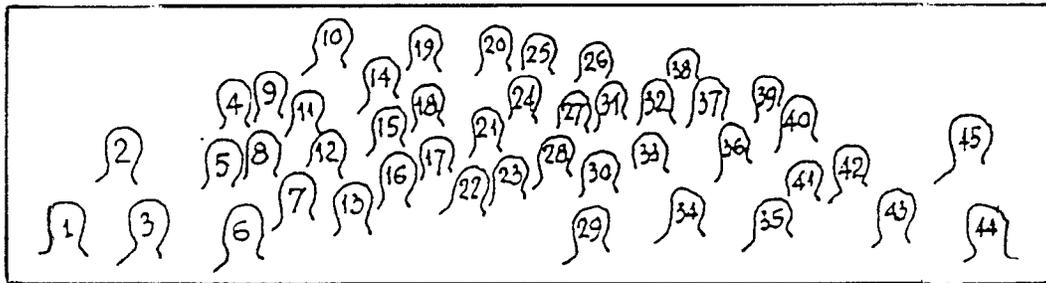
Signé : LAVAL

H. Lanuda





KHÓA CÁN SỰ CÔNG CHÁNH / ĐỊA CHÁNH 1939 - 1942
(Hình chụp ngày 04 - 03 - 1942, do AH Nguyễn Hữu Tuấn tặng)



- | | | |
|------------------------|-----------------------|------------------------|
| 1. PHẠM MINH CẢNH | 16. LÊ VĂN THÂN | 31. NGUYỄN KHẮC TỰ |
| 2. PHẠM VĂN TOẢN | 17. BÙI ĐỨC TIẾN | 32. TRẦN QUỐC KHUÊ |
| 3. PHẠM HUY QUÝ | 18. NGUYỄN VĂN NGỌC | 33. HOÀNG VĂN MAI |
| 4. ĐÀO HỮU LIÊU | 19. NGUYỄN XUÂN MÃN | 34. VƯƠNG ĐÌNH NỮ |
| 5. NGUYỄN VĂN THƯỜNG | 20. TRẦN LUÂN | 35. HOÀNG VIÊN |
| 6. ĐỖ VĂN CHU | 21. NGUYỄN XUÂN ĐÊ | 36. NGUYỄN ĐÌNH NĂM |
| 7. PHAN VĂN LÂM | 22. BAILLON (Giáo Sư) | 37. VĂN ĐÌNH KHƯƠNG |
| 8. NGUYỄN VĂN NHAN | 23. NGUYỄN ĐỨC BÁ | 38. NGUYỄN QUANG HƯƠNG |
| 9. NGUYỄN TRỌNG TÂM | 24. NGUYỄN KHẮC HIỂU | 39. LÊ ĐÌNH HÒE |
| 10. NGUYỄN XUÂN CHƯƠNG | 25. NGUYỄN TƯ TÙNG | 40. NGUYỄN QUANG DI |
| 11. NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH | 26. TRƯƠNG VĂN TUẤN | 41. CUNG ĐÌNH KHÁNH |
| 12. NGUYỄN NHƯ CƯƠNG | 27. PHÙNG NGỌC PHỤNG | 42. LÂM MỸ BẠCH TUYẾT |
| 13. ĐÌNH KHANG | 28. NGUYỄN HỮU TUẤN | 43. ĐỖ VĂN HỮU |
| 14. NGUYỄN ĐÌNH KHANG | 29. TẠ HUYẾN | 44. NGUYỄN VĂN NHƯ |
| 15. NGUYỄN HỮU NGUYỄN | 30. NGUYỄN KHẮC TỰ | 45. LÊ KHẮC |

ÁI HỮU CÁC KHÓA TỪ 1938 ĐẾN 1945

(Họp mặt tại Saigon năm 1986)

KHÓA 1939 - 1942:

Từ trái sang phải:
Hàng ngồi: Nguyễn Đình Năm, các Chị Phan Văn Lâm, Đỗ Văn Chư, Nguyễn Hữu Nguyên, Nguyễn Tư Tùng.

Hàng Đứng: Vĩnh Bằng, Nguyễn Khắc Tự, Phan Văn Lâm, con gái Anh Vĩnh Bằng, Đỗ Văn Chư, Bùi Đức Tiến, Nguyễn Hữu Nguyên, Nguyễn Xuân Đê, Nguyễn Tư Tùng.



KHÓA 1938 - 1940; 1939 - 1941; 1940 - 1943

Từ trái sang phải:
Hàng ngồi: Phạm Minh Cảnh, Vĩnh Bằng, Nguyễn Xuân Đê, Nguyễn Hữu Thu, Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Văn Nhữ,Tiệp, Hoàng Văn Mai.

Hàng đứng: Nguyễn Hữu Nguyên, Mã Minh Nguyễn Đình Năm, Võ Thới Trung, Nguyễn Tư Tùng, Đỗ Văn Chư, Nguyễn Văn Cừ.

KHÓA: 1938 - 1940; 1939 - 1942; 1940 - 1943

Từ trái sang phải:
Hàng ngồi:
Nguyễn Xuân Đê, Phạm Văn Diêu, Đỗ Hựu, Hoàng Văn Mai, Tiệp, Mã Minh.

Hàng đứng:
Nguyễn Văn Cừ, Phạm Minh Cảnh, Võ Thới Trung, Nguyễn Bá Đạm, Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Tư Tùng, Nguyễn Văn Nhữ, Nguyễn Văn Thương, Nguyễn Hữu Nguyên, Vĩnh Bằng.



ANH EM CÁN SỰ CÔNG CHÁNH ĐỒNG KHÓA 1939 - 1942

GẶP LẠI NHAU TẠI HÀ NỘI, HÈ 1999

(Ảnh do AH Nguyễn Hữu Tuân tặng)



Từ trái sang phải: Bùi Đức Tiến, Phạm Văn Toàn, Nguyễn Xuân Mẫn, Nguyễn Quang Hương, Nguyễn Hữu Tuân, Nguyễn Văn Nhạn, Nguyễn Trọng Tám.



Từ trái sang phải:

Hàng trước: A. Nguyễn Trọng Tám, Chị Vũ Đức Thận, Chị Phạm Văn Toàn, Chị Nguyễn Hữu Tuân, Chị Nguyễn Xuân Mẫn, A. Nguyễn Quang Hương.

Hàng sau (đứng): A. Phạm Văn Toàn, A. Bùi Đức Tiến, Chị Bùi Văn Các, A. Nguyễn Xuân Mẫn, A. Nguyễn Hữu Tuân, Chị Nguyễn Văn Nhạn, Chị Nguyễn Quang Hương, Chị Nguyễn Văn Ngọc, A. Nguyễn Văn Nhạn (A. Vũ Đức Thận và A. Bùi Văn Các thuộc khóa Kỹ Sư 1944 đã mất).

CHƯƠNG VI

KHÓA KỸ SƯ CÔNG CHÁNH ĐẦU TIÊN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH ĐÔNG DƯƠNG Ở HÀ NỘI

(Khóa học 1943 - 1944)

Năm 1943, một Nghị định được ban hành để mở lớp Cao Đẳng Công Chánh với nhiệm vụ đào tạo các Công Trình Sư (CTS) Đông Dương cho ngành Công Chánh: Nghị định ngày 10 tháng 05 năm 1943 (Arrêté du 10 mai 1943, organisation du Cours Supérieur des T.P. pour la formation des Agents Voyers). Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân kể lại về khóa 1943 - 1944 như sau:

“Đầu năm 1943, Nha TTTCCĐD lựa 5 Sinh viên đỗ đầu khóa Cán sự 1938 - 1940, và 3 Sinh viên đỗ đầu khóa Cán sự 1939 - 1942 về học lớp Công Trình Sư tại Hà Nội. Phó TTTCCĐD, Kỹ sư Longeaux, một Kỹ sư còn trẻ, có trí óc tự do bình đẳng và cũng là một Giáo sư ở Trường Cao Đẳng Công Chánh, xét lại chương trình học và đổi lại tên lớp là “LỚP ĐÀO TẠO KỸ SƯ CÔNG CHÁNH”. Đây là khóa đào tạo Kỹ Sư Công Chánh đầu tiên tại Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương. Chương trình học rất nặng, vì trong một năm học, các Sinh viên phải học cả hai chương trình Công chánh và Toán Đại Cương (Mathématiques Générales) một chứng chỉ của Cử Nhân Toán (xin xem thêm chi tiết ở bài viết của Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân ở phần III).

Trở lại Nghị định ngày 10 tháng 05 năm 1943 trong việc đào tạo Công Trình Sư áp dụng cho khóa học 1943 - 1944:

* **THI TUYỂN SINH VIÊN VÀO HỌC LỚP CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH:** Thi tuyển gồm có:

VÀO BAN 1 (1ère Division): Những Sinh viên trong diện Ban 1 này gồm những Sinh viên tốt nghiệp các hạng đầu khi thi tốt nghiệp Cán sự Chuyên môn Công chánh, có điểm trung bình từ 13 trở lên, được nhận vào học không phải qua kỳ thi tuyển.

VÀO BAN 2 (2ème Division): được tuyển từ những Sinh viên Đại Học có một Chứng chỉ Cử nhân Khoa học về Toán Đại Cương hay Vật Lý Đại Cương.

* **THỜI GIAN THEO HỌC:**

- 10 tháng cho các Sinh viên Ban 1: Trong thời gian này, ngoài các môn học về chuyên môn, các Cán sự Công chánh phải theo học chương trình Toán Đại Cương.

- 2 năm cho các Sinh viên Ban 2: Năm đầu các Sinh viên ban 2 này theo học các

môn chuyên môn của các lớp đào tạo Cán sự Chuyên môn. Năm thứ hai Sinh viên học chung các môn chuyên môn với các Sinh viên ban 1. Giữa hai năm học, Sinh viên phải đi tập sự trong ba tháng tại các Công sở do TTTCCĐD chỉ định.

Trong thời gian theo học lớp Cao Đẳng, các Sinh viên nguyên là Cán sự Công chánh (Ban 1) được hưởng lương Cán sự Chuyên môn tập sự. Các Sinh viên Ban 2 được hưởng trợ cấp học bổng như các Sinh viên theo học các lớp đào tạo Cán sự Chuyên môn. (về Chương trình học, thi ra trường, xin xem Nghị định ngày 10 - 05 - 1943 ở Phụ bản).

Sau đây xin theo dõi Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân kể tiếp:

“Chương trình Công chánh gồm có các môn Cầu Đường (Ponts et Routes), Thủy Lực (Hydraulique), Thủy Nông (Hydraulique agricole), Hỏa Xa, Hàng Hải, Sức chịu vật liệu, Kiến trúc, Luật hành chánh về kiến trúc v.v...

Giáo sư đều là người Pháp, tốt nghiệp ở các Trường Kỹ sư Cầu Cống (Ecole des Ponts et Chaussées) và Trường “Centrale” bên Pháp.

Sinh viên theo học gồm có 8 người Việt Nam (xin xem Nghị định bổ dụng đính kèm) và 2 Sinh viên người Pháp theo học theo lối bằng thính viên (auditeur libre), một đã có Chứng chỉ Toán Đại Cương (Math. Générales) và một đã có Chứng chỉ Toán Chuyên nghiệp (Math. Spéciales) nâng tổng số lên 10 người.

Đầu năm 1944, máy bay Hoa Kỳ B 24 thường đến thả bom nhiều nơi ở Đông Dương, nhất là dọc đường Hỏa xa xuyên Việt. Ở Hà Nội các Trường Tiểu học tạm đóng cửa, các Trường Trung học được di tản đi các tỉnh nhỏ. Riêng lớp đào tạo Kỹ sư Công chánh được dọn vào trường Lycée Yersin ở Đà Lạt trong mùa hè, và tới cuối tháng 09 năm đó (1944) các Sinh viên khóa Kỹ sư Công chánh

đầu tiên mới thi tốt nghiệp. Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân cho biết thêm, khi trường Cao Đẳng Công Chánh dọn lên Đà Lạt, có thêm Ái Hữu Nguyễn Xuân Hiếu thuộc khóa Cán Sự Công Chánh 1941 - 1944 (cùng khóa với Ái Hữu Mã Minh) theo học với tư cách dự thính viên. Trong các Ái Hữu tốt nghiệp khóa Kỹ sư Công chánh này, chúng tôi được biết các Ái Hữu Phạm Hữu Vĩnh (hiện ở Canada), Nguyễn Hữu Tuân, Tạ Huyền (ở Hoa Kỳ), và hai Ái Hữu Nguyễn Sanh Dạn, Nguyễn Nhật Quang hiện còn ở trong nước.

Sau khi lớp đào tạo Công Trình Sư Công Chánh 1943 được cải đổi thành lớp đào tạo Kỹ Sư Công Chánh, và vì ảnh hưởng của đệ nhị thế chiến, người Pháp mới nghĩ đến việc đào tạo Kỹ Sư Công Chánh Đông Dương cho người Bản xứ, cũng như mở kỳ thi Kỹ Sư Chuyên Nghiệp (Ingénieur Professionnel) để có Kỹ sư Công chánh làm việc cho nhà nước. Do đó Nghị định số 2027 ngày 08 tháng 08 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương được ban hành. Để áp dụng Nghị định này, một Quy định Tổng quát (Règlement général) điều hành được kèm theo Nghị định.

Nghị định 2027 ngày 08 tháng 08 năm 1944 có mục đích đào tạo Kỹ Sư Công Chánh Đông Dương và các ngạch chuyên môn cao cấp Đông Dương cần thiết cho Hành chánh và Kinh tế, và cho các kỳ thi nhập ngạch ngành Công chánh Âu Châu. Các Sinh viên tốt nghiệp được cấp “Văn bằng Kỹ sư Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội” và được bổ dụng vào ngạch Phó Kỹ Sư tập sự.

Năm 1947, khi Trường Cao Đẳng Công Chánh được tái lập, trụ sở tại Sài Gòn, các chương trình đào tạo Cán sự Chuyên môn Công chánh, và Kỹ sư Công chánh được áp dụng theo Nghị định ngày 08 tháng 08 năm 1944 và có thay đổi đôi phần. Chi tiết về việc áp dụng Nghị định ngày 08 tháng 08 năm 1944 được trình bày ở phần Trường Cao

Đảng Công Chánh Đông Dương được thành lập năm 1947 tại Sài Gòn.

Dưới đây là chứng chỉ Tốt nghiệp khóa Kỹ Sư Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà

Nội của Ái Hữu Nguyễn Hữu Tuân.

Và kèm theo Nghị định số 5895 ngày 16 tháng 11 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương trong việc "Bổ dụng 8 Kỹ Sư Công Chánh Đông Dương khóa 1943 - 1944"

ECOLE SUPERIEURE DES
TRAVAUX PUBLICS
DE HANOI

CERTIFICAT

---+---

L'Ingénieur Principal des Travaux Publics de l'Indochine, Directeur de l'Ecole Supérieure des Travaux Publics de HANOI certifie que :

Monsieur *Nguyễn - Hữu - Tuân*

né à *Hanoï*

le 11 Septembre 1919

a obtenu à l'examen de sortie du COURS SUPERIEUR de l'Ecole (session de Septembre 1944) une moyenne générale supérieure à 14, et a ainsi satisfait aux conditions exigées pour l'obtention du diplôme d' "INGENIEUR DE L'ECOLE SUPERIEURE DES TRAVAUX PUBLICS DE HANOI".

HANOI, le 30 Septembre 1944



JARRY

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP KỸ SƯ CÔNG CHÁNH của AH NGUYỄN HỮU TUÂN

N° 5895

Ichef
27-II-44
N°16512-A

Vu les décrets du 20 Octobre 1911 portant fixation des pouvoirs du Gouverneur Général et organisation financière et administrative de l'Indochine;

Vu le décret du 29 Août 1940;

Vu l'arrêté du 21 Septembre 1938 fixant le statut commun des fonctionnaires indochinois de l'Administration française;

Vu l'arrêté du 24 Décembre 1942 modifié par celui du 8 Août 1944 fixant le statut des Ingénieurs indochinois des Travaux Publics;

Vu l'arrêté du 8 Août 1944 portant réorganisation de l'Ecole Supérieure des Travaux Publics;

Sur la proposition de l'inspecteur Général des Travaux Publics;

A R R E T E :

ARTICLE 1er.- Sont nommés pour compter du 1er Octobre 1944 dans le cadre des Ingénieurs Indochinois des Travaux Publics, avec le grade d'Ingénieur adjoint stagiaire, les élèves dont les noms suivent, titulaires du diplôme d'Ingénieur de l'Ecole Supérieure des Travaux Publics;

M.M. PHAM-HUU-VINH	N° Mle 35,	M.M. Vu-duc-THAN	N° Mle 39,
Lê-KHAC	- 36,	NGUYEN-CANH DAN	- 40,
TA-HUYEN	- 37,	BUI-VAN-CAC	- 41,
Nguyen-huu-TUAN	- 38,	Ng-MACH-QUANG	- 42.

ARTICLE 2.- Ces agents sont affectés comme suit :

.....

2° A la Circonscription de Cochinchine:

M.M. PHAM-HUU-VINH
TA-HUYEN

.....

ARTICLE 3.- Le Secrétaire Général du Gouvernement général, Le Gouverneur de la Cochinchine, les Résidents Supérieurs en Annam, au Cambodge et au Laos et l'Inspecteur Général des Travaux Publics sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté. /.

Visé C.P.C.I. le 28-10-44 N°6036-TS
Visé D.F. le 4-II-44 N°6930
Visé G.F. le 13-II-44 N°22321

Hanoi, le 16 Novembre 1944.
Par délégation:
LE SECRETAIRE GENERAL P.I.
du Gouvernement Général de l'Indochine,
Signé: J.COUSIN.

Pour ampliation:
Le Chef du Bureau des Archives
du Gouvernement Général,
Signé : LAVAL.

N°13505-P/27-II-44
P. C. C.
P. LE CHEF DU BUREAU DU PERSONNEL,
Signé : Illicible.

N°13492-D/30-II-44
Copie à : R.-C.C.-C.P.C.I.
Signé: S. MEUNIER.

P. C. C.
Le Chef de Bureau,
Signé: R.BRASQUET.

Extrait Monsieur le Chef de Subdi-
vision de Biênho pour notification à M.

Siagon, le 10 Décembre 1944
P.L'INGENIEUR PRINCIPAL,
Chef de l'Arrondissement du Nord,
L'Ingénieur des P.E. délégué,
Signé: G. MAURY.

Pour copie PRINCIPAL,
P.L'INGENIEUR PRINCIPAL,
Chef de l'Arrondissement du Nord,
Le Chef de Bureau,

[Signature]
NGO

CHƯƠNG VII

NHỮNG NỖ LỰC ĐÀO TẠO CHUYÊN VIÊN NGÀNH CÔNG CHÁNH CỦA CHÍNH PHỦ BẢO HỘ

Trong nỗ lực đào tạo Chuyên viên ngành Công chánh, tuy không thuộc về lịch sử Trường Công Chánh, nhưng có đôi phần liên quan đến Trường, nhất là đến các Công Trình Sư và Cán sự Chuyên môn sau khi tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương.

Do đó trước khi sang phần tái lập Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương tại Sài Gòn vào năm 1947, xin trình bày những nỗ lực của người Pháp trong việc sắp xếp nhân sự, nhất là đào tạo nhân viên chuyên môn cho ngành Công chánh Đông Dương.

Trước hết, xin nói đến việc thành lập **NGẠCH KỸ SƯ CÔNG CHÁNH ĐÔNG DƯƠNG**.

Như chúng ta đã thấy, thực dân Pháp không có thực tâm giúp các nước thuộc địa tiến bộ. Trong lãnh vực Công chánh, họ chỉ đào tạo những nhân viên chuyên môn có khả năng đủ giúp việc cho họ. Tuy chương trình dạy ngạch Công Trình Sư không thua gì chương trình đào tạo Kỹ Sư, nhưng họ không gọi những chuyên viên đồ ngành này là Kỹ Sư.

Năm 1922, họ nghĩ đến việc thành lập ngạch Kỹ Sư Công Chánh Đông Dương, nhưng chỉ dành cho những ai (kể cả dân các nước thuộc địa) tốt nghiệp các trường bên

Pháp, tuy rằng những trường đó đối với người Pháp, không có tiếng tăm gì. Do Nghị định ngày 18 tháng 02 năm 1922, một ngạch Kỹ sư Công Chánh Đông Dương được thành lập dành cho các Kỹ sư tốt nghiệp các trường “Ecole Nationale des Arts et Manufactures”, hay “Ecole Nationale des Arts et Métiers” hoặc một số trường Đại Học của Pháp mà chương trình học được chính phủ công nhận là tương đương.

Năm 1924, Pháp thành lập “**NGẠCH PHỤ TÁ CHUYÊN MÔN**” (Adjoint Technique). Theo các Ái Hữu Lão thành kể lại, ngạch Phụ tá Chuyên môn là một ngạch ngang ngạch Cán sự Chuyên môn, nhưng đây là một ngạch Âu Tây (Cadre européen); các phụ tá chuyên môn người bản xứ được các quyền lợi như người Pháp. Theo bài viết của Ái Hữu Nguyễn Mạnh Hoàn, khóa Cán Sự Công Chánh 1929 - 1932 có một Sinh viên thi đỗ ngạch Phụ tá Chuyên môn, và khi học xong năm thứ hai trung đẳng, được bổ dụng ngạch đó không phải học năm thứ ba để thi ra trường, đó là cố Ái Hữu Hoàng Đình Cang. (xin xem thêm chi tiết ở Nghị định ngày 23 tháng 07 năm 1924 ấn định việc mở kỳ thi tuyển Phụ tá Chuyên môn Công chánh (Arrêté du 23 janvier 1924 portant concours pour recrutement d'Adjoint technique des T.P.).

Khi xảy ra chiến tranh giữa Pháp và Đức, rồi đệ nhị thế chiến (1939 - 1945), Pháp không đủ chuyên viên ngành Công chánh cho các nước thuộc địa, trong đó có các nước ở Đông Dương, nên Pháp phải thành lập ngạch Kỹ sư Công chánh Đông Dương để có người bản xứ làm việc cho họ (Nghị định ngày 24 tháng 12 năm 1942: Arrêté du 24 Décembre 1942 créant le cadre d'Ingénieurs Indochinois des T.P.).

Theo Nghị định này, điều 1 ấn định Quy chế của ngạch bản xứ của các Kỹ sư Công chánh Đông Dương gồm có:

1. Các chánh Kỹ sư Đông Dương (Ingénieurs Indochinois Principaux)
2. Các Kỹ sư Đông Dương (Ingénieurs Indochinois)
3. Các Phó Kỹ sư Đông Dương (Ingénieurs adjoints Indochinois)

Theo điều 2 của Nghị định này, các Phó Kỹ sư Công chánh Đông Dương được tuyển từ : Các Công Trình Sư, các Cán sự Chuyên môn Công chánh, cũng như các Phụ tá Chuyên môn Công chánh gốc người Đông Dương, đã giữ nhiệm vụ Trưởng ty một năm không gián đoạn và đã thi đỗ kỳ thi chuyên nghiệp nhập ngạch Kỹ sư Công chánh Đông Dương.v.v... (xin xem Nghị Định ngày 24 - 12 - 1942).

Nghị định ngày 10 tháng 03 năm 1943 Tổ chức kỳ thi chuyên nghiệp nhập ngạch Phó Kỹ sư Công chánh Đông Dương.

Nhờ Nghị định ngày 10 tháng 03 năm 1943 này, lần đầu tiên các nước thuộc địa

Đông Dương có được người bản xứ vào ngạch Kỹ sư Công chánh, và hầu hết những người thi đỗ kỳ thi chuyên nghiệp này đều xuất thân từ Trường Công Chánh bản xứ chứng tỏ có khả năng của người Kỹ sư Công Chánh, nhưng từ lâu vì bị thực dân Pháp chèn ép, đè nén, không muốn cho họ có tước vị Kỹ sư để ngang hàng với người Pháp.

Theo Ái Hữu Trần Sĩ Huân kể lại trong bài “Tuởng Nhớ Đàn Anh”, các cố Ái Hữu Trần Văn Mẹo, Khúc Đản và Trần Đăng Khoa (thủ khoa) tốt nghiệp kỳ thi chuyên nghiệp này.

Chi tiết về điều kiện dự thi, chương trình thi, xin xem ở Nghị định ngày 10 - 03 - 1943.

Các kỳ thi Kỹ sư chuyên nghiệp:

Theo tiểu sử do Ái Hữu Lão Thành Trần Công Thiện ghi lại, “Năm 1952 cụ thi đậu Kỹ sư Công chánh tại Hà Nội và Sài Gòn”.

Như vậy trong năm 1952 có thêm một kỳ thi Kỹ sư chuyên nghiệp nữa.(?). Cũng như đến năm 1966, khi chủ quyền thuộc về chính phủ Quốc gia Việt Nam, cũng có một kỳ thi Kỹ sư chuyên nghiệp mở ra tại Sài Gòn.

Trong lãnh vực đào tạo chuyên viên cho ngành Công chánh, những nỗ lực của Pháp để có chuyên viên người bản xứ tại các thuộc địa, trong khi vì chiến tranh, Pháp không có đủ người đưa qua các nước thuộc địa, có thể người Pháp có các dự án khác nữa, nhưng họ chưa kịp thực hiện thì bị Nhật Bản đảo chánh.

CHƯƠNG VIII

THÀNH LẬP TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH ĐÔNG DƯƠNG, SÀI GÒN

(Tháng 07 năm 1947)

CHUYỂN GIAO TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH ĐÔNG DƯƠNG SÀI GÒN CHO CHÍNH PHỦ QUỐC GIA VIỆT NAM (Tháng 05 năm 1950)

Ngày 09 tháng 03 năm 1945 quân đội Nhật bản đảo chánh Pháp ở Đông Dương, chấm dứt 80 năm Việt nam dưới ách đô hộ của người Pháp. Trường cao Đẳng Công Chánh Đông Dương ở Hà Nội cũng đóng cửa kể từ ngày đó. Tiếp theo đó là một chuỗi dài của những biến cố chính trị đã ảnh hưởng không ít đến các Ái Hữu Công Chánh trong lúc đó cũng như về sau này.

Trong phạm vi Tập Kỷ Yếu, chúng tôi chỉ đưa ra những nét đại cương, tóm tắt tình hình Việt nam lúc bấy giờ dựa trên những sách vở tài liệu, như “Việt Nam Kháng Pháp Sử” của Hà Mai Phương, “Hai Mươi Năm Qua (1945 - 1964)” của Đoàn Thêm. Nếu các Ái Hữu và Thân Hữu cần tham khảo thêm chi tiết, chúng tôi xin giới thiệu hai tài liệu trên và còn có thể có các tài liệu khác nữa.

TÓM TẮT TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU NGÀY 09 THÁNG 03 NĂM 1945

- Ngày 09 tháng 03 năm 1945: Nhật Bản lật đổ Pháp ở Đông Dương.
- Ngày 10 tháng 03 năm 1945: Đại sứ Nhật Matsumoto tuyên bố trả lại Độc lập cho Việt nam.
- Ngày 11 tháng 03 năm 1945: Vua Bảo Đại hủy bỏ các Hiệp ước đã ký kết với Pháp, tuyên bố Việt nam Độc lập, Thống Nhất, gia nhập khối Đại Đông Á do Nhật Bản lãnh đạo.
- Ngày 17 tháng 04 năm 1945: Nội Các đầu tiên của Việt Nam thoát ách đô hộ của Pháp do Học giả Trần Trọng Kim lãnh đạo ra đời. Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố sẽ cải tổ để Việt Nam theo chính thể “Quân chủ Lập hiến”, cho dân chúng được hưởng quyền tự do căn bản như tự do Tín ngưỡng, tự do Chính trị, lập nghiệp đoàn v.v... Ba điều cải cách đáng lưu ý là:
- Chính phủ lấy “Quốc kỳ” đặt trên nền vàng làm Quốc kỳ (gồm 3 vạch đỏ, hai vạch liền, một vạch đứt, ở giữa).
- Chia nước Việt nam thành 3 bộ (thay vì

Kỳ) gồm có Nam Bộ, Trung Bộ và Bắc Bộ.

- Về mặt giáo dục, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Tổng trưởng Giáo dục, đã cho cải tổ nền giáo dục Việt Nam, lấy chữ Quốc ngữ làm chuyển ngữ, cổ động truyền bá quốc ngữ, chống nạn mù chữ.

Trong thời gian này, phi cơ đồng minh oanh tạc ngày đêm các căn cứ, cơ sở quân đội Nhật và hệ thống giao thông ở Việt Nam. Hải quân Đồng minh bao vây và phong tỏa Hải phận Đông Dương, nên mọi hệ thống giao thông trên bộ, dưới biển đều gặp khó khăn và gián đoạn, ảnh hưởng đến việc tiếp tế thực phẩm, làm cho việc cứu đói ở Bắc Bộ gặp trở ngại. Nạn đói Ất Dậu 1945, thảm khốc chưa từng có ở Bắc Trung Bộ và Bắc Bộ, gần hai triệu người chết vì đói.

- Ngày 15 tháng 08 năm 1945, sau hai quả bom nguyên tử do Hoa Kỳ thả xuống Quảng Đảo và Trường Kỳ (Hiroshima và Nagasaki), Chính phủ Nhật Bản đã phải đầu hàng Đồng Minh.
- Ngày 19 tháng 08 năm 1945, Việt nam Độc Lập Đồng Minh Hội, gọi tắt là Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội.
- Ngày 25 tháng 08 năm 1945, Vua Bảo Đại thoái vị, trao chủ quyền cho Việt Minh thành lập nước Cộng Hòa Dân Chủ.
- Tại Nam Bộ, ngày 16 tháng 08 năm 1945, Nhật trao trả chủ quyền nam Bộ cho “Mặt Trận Đoàn Kết Quốc Gia” gồm có:
 - Việt Nam Độc Lập Đảng của Hồ Văn Ngà
 - Việt Nam Phục Quốc Hội của Trần Văn Ân
 - Giáo phái Cao Đài – Giáo phái Hòa Hảo
 - Nhóm Đệ Tứ Trốt kít của Tạ Thu Thâu.
 - Nhóm Thanh Niên Tiền Phong do Trần Văn Giàu và Phạm Ngọc Thạch điều khiển.

- Ngày 29 tháng 08 năm 1945: Việt Minh thành lập chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, và Vĩnh Thụy (Cục Hoàng Bảo Đại) làm cố vấn tối cao.

- Do quyết định của Hội Nghị đình chiến Potsdam ở Đức, quân đội Anh và quân đội Trung Hoa được vào Việt nam để giải giới quân đội Nhật Bản:

- Tháng 09 năm 1945 quân đội Trung Hoa do tướng Lư Hán và Tiêu Văn đem 18 vạn quân vào Bắc bộ và Bắc trung Bộ.
- Ngày 12 tháng 09 năm 1945, quân đội Anh do tướng Douglas Gracey cầm đầu vào giải giới quân Nhật ở Nam Bộ và Nam trung bộ. Quân đội Pháp theo chân quân Anh vào đánh chiếm Sài Gòn và các vùng phụ cận. Cho tới đầu năm 1946, Pháp đã trở lại và kiểm soát được Nam Bộ, Cam Bốt và Ai Lao và một số các tỉnh ở phía Nam Trung Bộ, (phía nam vĩ tuyến 16).
- Ngày 11 tháng 11 năm 1945, Việt Minh tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương.
- Ngày 24 tháng 02 năm 1946, Việt Minh và các đảng phái khác thành lập “Chính Phủ Liên Hiệp Kháng Chiến” do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, và các lãnh tụ các đảng phái khác tham gia trong đó có Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, Bồ Xuân Luật v.v...
- Ngày 28 tháng 02 năm 1946, Pháp ký thỏa ước Trùng Khánh với Tưởng Giới Thạch, trả lại các Tô giới và nhượng địa ở Trung Hoa, nhượng cho Trung Hoa thiết lộ Lào Cay - Côn Minh để đổi lấy việc Trung hoa công nhận chủ quyền Pháp ở Đông Dương như trước và rút quân đội Trung Hoa ở Việt nam từ vĩ tuyến 16 ra Bắc về nước.
- Đầu tháng 03 năm 1946, Tướng Leclerc cho hạm đội tiến vào vịnh Bắc Việt để

sửa soạn tái chiếm Bắc Bộ.

- Ngày 06 tháng 03 năm 1946, Hiệp ước sơ bộ được ký kết giữa chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến do Hồ Chí Minh lãnh đạo với đại diện Pháp, trong đó có các điều khoản:
 - Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia có chủ quyền ở trong Liên Bang Đông Dương và ở trong khối Liên Hiệp Pháp.
 - Việc Thống nhất ba kỳ sẽ do cuộc Trưng cầu Dân ý sau này.
 - Việt Nam đồng ý để quân đội Pháp trở lại Bắc kỳ.

Về quân sự được ký kết giữa Võ Nguyên Giáp, Saintesay và tướng Salan, tiếp theo sau đó quân Pháp đổ bộ lên Hải phòng và Hà Nội.

- Ngày 14 tháng 04 năm 1946, Hội nghị Đà Lạt được nhóm họp giữa Ngoại trưởng Nguyễn Tường Tam và đại diện Pháp Max André để bàn về tương lai Việt Nam, nhưng không đi đến kết quả, hội nghị đã phải chấm dứt.
- Tháng 06 năm 1946, một phái đoàn Việt nam sang pháp để điều đình. Trưởng phái đoàn là Phạm Văn Đồng, đại diện Pháp là Max André. Ông Hồ Chí Minh cũng sang Pháp với tư cách Cố vấn. Cuộc thảo luận kéo dài trên hai tháng, cho đến ngày 12 tháng 09 năm 1946 không đưa đến kết quả.
- Ngày 14 tháng 09 năm 1946, trước khi lên đường về nước, ông Hồ Chí Minh đã ký một tạm ước với Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại, Marius Moutet, không rõ nội dung chi tiết của hiệp ước, nhưng theo Việt Nam Kháng Pháp Sử, hiệp ước có nhiều điều bất lợi về phía Việt Nam.
- Giữa tháng 07 năm 1946, nhiều cuộc xung đột xảy ra giữa Việt Minh và các đảng phái. Các lãnh tụ các đảng phái như Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam,

Vũ Hồng Khanh v.v... đã phải trốn trở lại Trung Hoa.

- Sau nhiều cuộc điều đình bất thành, tiếp theo những cuộc xung đột giữa quân Pháp và Việt Nam, như ở Hải Phòng vào ngày 19 tháng 11 năm 1946, ở Hà Nội vào tháng 12 năm 1946, đêm 19 tháng 12 năm 1946 quân Việt Nam tổng tấn công quân Pháp ở Hà Nội và nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam, và sau đó rút ra các chiến khu chống Pháp. Chính phủ Hồ Chí Minh ra lệnh “Tiêu Thổ Kháng Chiến” trên toàn quốc, và cuộc chiến kéo dài đến tháng 07 năm 1954.

Xin nói thêm, khi Léon Blum thuộc các đảng tả phái Pháp lên làm Thủ tướng, ông không muốn dùng chính sách vũ lực để tái lập nền bảo hộ ở Việt Nam, nên đã cử Nghị sĩ Emile Bollaert sang Việt Nam tìm cách điều đình với chính phủ Hồ Chí Minh để chấm dứt chiến tranh. Nhưng khi các tả đảng Pháp bị loại ra khỏi chính trường Pháp, Tân Thủ tướng Ramadier lại chủ trương điều đình với các lãnh tụ đảng phái quốc gia để giữ lại những ưu thế của Pháp ở Việt Nam. Lúc này, Cựu Hoàng Bảo Đại được các đảng phái quốc gia trong và ngoài nước ủng hộ. Cuối năm 1947, Bollaert điều đình với Bảo Đại, và một “Chính Phủ Lâm Thời Việt Nam” được thành lập do tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng nhằm điều đình với Pháp để thống nhất ba miền Nam Trung Bắc. (vào khoảng 1946, cựu hoàng Bảo Đại được chính phủ Hồ Chí Minh phái sang công tác ở Trung Hoa và cựu hoàng ở luôn bên đó không trở về nước)

- Ngày 05 tháng 06 năm 1948, Thỏa ước Vịnh Hạ Long giữa Bollaert và Nguyễn Văn Xuân được ký kết (có Cựu Hoàng Bảo Đại phó thụ) theo đó:

* Pháp công nhận Việt Nam là một nước thống nhất, tự do và độc lập.

* Việt Nam tuyên bố gia nhập Liên Hiệp Pháp và tôn trọng các quyền lợi của người Pháp tại Việt Nam (ưu đãi Pháp về các phương diện kinh tài, văn hóa v.v...)

Ngày 18 tháng 03 năm 1949, Bảo Đại ký với Tổng Thống Pháp Vincent Auriol thỏa hiệp tại điện Elysée, theo đó:

* Việt Nam được độc lập và thống nhất ba miền.

* Việt Nam có chủ quyền về nội trị; tuy nhiên về ngoại giao sẽ theo đường lối ngoại giao của Pháp, và Pháp được hưởng các quyền về kinh tế, văn hóa v.v...

Cuối tháng 04 năm 1949, Hội nghị Nam kỳ tuyên bố sát nhập Nam kỳ vào lãnh thổ Việt Nam và sau đó Cựu Hoàng Bảo Đại về nước chấp chính giữ vai Quốc Trưởng. Tuy nhiên Cựu Hoàng chỉ cai trị trong vòng một năm, sau đó trao quyền cho các Thủ tướng. Từ năm 1950 - 1954 có các vị Thủ Tướng lần lượt điều khiển nền Hành chánh Quốc gia Việt Nam là Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc và Ngô Đình Diệm.

Trên thực tế, Pháp không thực tâm trả lại độc lập thực sự cho Việt Nam, và Việt Nam đã phải trải qua nhiều khó khăn mới dần dần đòi được những chủ quyền quan trọng trong tay Cao ủy Pháp tại Việt Nam, trong đó có việc Pháp giao trả Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam năm 1950.

TÁI LẬP TRƯỜNG CĐCC ĐÔNG DƯƠNG: TRƯỜNG CĐCC ĐÔNG DƯƠNG SÀI GÒN (07 - 1947)

Xin trở lại vào năm 1947, vì thấy sự cần thiết của hệ thống giao thông trên mọi lãnh vực kinh tế, xã hội, chính trị và quân sự, và vì sự thúc đẩy của người Quốc Gia, Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương

(CĐCCĐD) được mở lại, Trường sở đặt tại Sài Gòn thay vì tại Hà Nội như trước năm 1945, theo Nghị định số 192 / 2200 ngày 11 tháng 07 năm 1947 (Arrêté No. 192 / 2200 du 11 juillet 1947 modifiant l'Arrêté du 8 Août 1944 instituant une Ecole Supérieurs des Travaux Publics, concernant la réouverture de l'Ecole Supérieure des Trauvaux Publics à Saigon le 1er Octobre 1947).

Nghị định số 2027 - D ngày 08 tháng 08 năm 1944 cũng như các Nghị định bổ túc sau đó được áp dụng cho Trường Cao Đẳng Công Chánh Saigon trong suốt các năm học cho đến khóa chót Kỹ Sư Công Chánh tốt nghiệp năm 1961 và Cán sự Công Chánh tốt nghiệp năm 1960 (quy chế cũ).

Trường Cao Đẳng Công Chánh được sát nhập vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ (TTQGKYPT) vào năm 1957. Sau đó các Sinh viên thuộc quy chế mới (có bằng Tú tài 2 ban Toán hay Kỹ thuật) được trúng tuyển vào Trường bắt đầu từ năm 1958, học trong 4 năm, thi ra Kỹ sư Công chánh hay Địa chánh tùy theo lựa chọn. Khóa Kỹ sư của quy chế mới được tốt nghiệp năm 1962, và khóa Cán sự Công chánh của quy chế mới, tốt nghiệp vào năm 1961.

Theo các Nghị định trên đây, Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn gồm có:

- Lớp DỰ BỊ (Cours Préparatoire)
- Lớp TRUNG ĐẲNG (Cours Secondaire) gồm có:
 - Lớp ĐỆ NHẤT TRUNG ĐẲNG (Cours Secondaire 1ère Année)
 - Lớp ĐỆ NHỊ TRUNG ĐẲNG (Cours Secondaire 2ème Année)
- Lớp CAO ĐẲNG (Cours SUPÉRIEUR) đào tạo Kỹ sư.

Những Sinh viên thi đậu vào lớp dự bị và các lớp Trung đẳng đều được trợ cấp hàng tháng (allocations mensuelles) như nhau.

Chương trình học mỗi năm là 9 tháng.

Giữa hai lớp học, trong 3 tháng hè Sinh viên phải tập sự công việc tại các Ty, Khu Công chánh, các Nha sở nhà nước hay các nhà máy Kỹ nghệ, do chỉ định của Bộ Công Chánh. Trong lúc di chuyển đi tập sự công việc, Sinh viên được hưởng lộ trình thư (lộ trú phí) như người Công chức.

Về lớp Cao Đẳng, nếu Sinh viên theo học đã tốt nghiệp Cán sự chuyên môn, được bổ dụng chiếu lệ tại Bộ Công Chánh và hưởng lương bổng của Cán sự chuyên môn tập sự. Còn các Sinh viên khác thì được hưởng trợ cấp học bổng hàng tháng như Sinh viên các lớp Dự bị, Trung đẳng.

Tất cả các Sinh viên theo học Trường Cao Đẳng Công Chánh phải làm cam kết phục vụ cho chính phủ ít nhất 10 năm kể từ khi tốt nghiệp.

* **THI VÀO LỚP DỰ BỊ:** Sinh viên phải có Văn bằng Cao đẳng Tiểu học (Bằng Thành Chung) hoặc Văn bằng tương đương, và phải qua một kỳ thi tuyển. Sau 9 tháng theo học, Sinh viên phải dự kỳ thi ra lớp (Examen de Sortie) để lên lớp Trung đẳng nếu Sinh viên nào có điểm trung bình dưới 12 thì phải thôi học.

* **THI VÀO LỚP TRUNG ĐẲNG I:** Được chấp nhận cho vào học lớp Trung đẳng I:

- Cho những Sinh viên lớp Dự bị có điểm trung bình từ 12 trở lên khi thi ra lớp.
- Qua kỳ thi tuyển cho các Sinh viên có Văn bằng Tú tài toàn phần (ban Toán, ban Khoa học hay ban Triết) hay các Văn bằng và chứng chỉ tương đương. Sau 9 tháng theo học, các Sinh viên phải dự kỳ thi lên lớp để theo học lớp Trung đẳng II. Sinh viên nào có điểm dưới 12 thì phải thôi học.

Như nói ở trên đây, các Sinh viên phải qua 3 tháng tập sự và được lựa chọn các ngành chuyên môn như Công chánh, Địa

chánh hay Địa dư.

Sau 9 tháng theo học lớp Trung đẳng II, Sinh viên phải dự kỳ thi ra trường. Các Sinh viên có điểm trung bình từ 12 / 20 trở lên được chấm đỗ và được cấp **VĂN BẰNG CÁN SỰ CHUYÊN MÔN CÔNG CHÁNH** (Diplôme d'Agent Technique des Travaux Publics) và được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan Bộ Công Chánh, tại các sở Địa chánh, Địa dư v.v... của nhà nước với chức vụ Cán sự Chuyên môn. Kèm theo sau là Văn bằng Cán sự chuyên môn của Ái Hữu Tô Đăng Quế tốt nghiệp năm 1954 (khóa học 1951 - 1954)

* **THI VÀO LỚP CAO ĐẲNG:** Sinh viên được nhận vào học lớp Cao đẳng gồm hai ban (Division):

- Những Sinh viên thuộc **BAN MỘT** (1ère Division) được tuyển từ các Cán sự Chuyên môn Công chánh tập sự có điểm trung bình từ 14 / 20 trở lên khi thi ra trường, và có bằng Tú tài toàn phần hay các Văn bằng và chứng chỉ tương đương. Đôi khi trong lúc giao thời, điều kiện bằng Tú tài hai được miễn cho các Cán sự Công Chánh có điểm trung bình từ 14 trở lên khi thi ra trường.
- Những Sinh viên thuộc **BAN HAI** (2ème Division) được tuyển bằng một kỳ thi tuyển cho các Sinh viên Đại Học có một chứng chỉ Cử nhân Khoa học về "Toán Đại Cương" (Math. Générales) hay "Vật Lý Đại Cương" (Physique Générale).

THỂ THỨC và các BÀI THI vào TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

A. THI VÀO LỚP DỰ BỊ: Trong các bài viết của AH Lê Văn Phương và Nguyễn Xuân Mộng có nói đến các kỳ thi vào lớp Dự Bị năm 1951 và 1952.

Dưới đây chỉ là tóm tắt thể thức thi tuyển Sinh viên vào học lớp Dự Bị ghi trong các Nghị định và Quy định điều hành nói trên

đây. Các Môn thi gồm có: Thi Viết và Khảo sát Sức khỏe.

THI VIẾT gồm có:

- 2 giờ làm một bài tường trình về một công trường đang thực hiện (Compte - rendu d'une visite de chantier). (Công trường gồm có hoặc xây cầu cống, hoặc xây nhà cửa)
- 2 giờ toán Số học
- 2 giờ toán Đại số
- 1 giờ vẽ phác họa (Croquis coté)

Các thí sinh còn phải qua “khảo sát sức khỏe và thi thể dục” (chạy 80 mét, nhảy dài, nâng tạ, ném tạ, đi bộ 5 km, đi xe đạp đường trường 10 km, leo giây cao 4 m)

B. THI VÀO LỚP TRUNG ĐẲNG I

THI VIẾT:

- a) 2 giờ làm một bài tường trình công trường: (Có thể Công trường làm cầu cống, nhà cửa, cán đá, tráng nhựa đường)
- b) 2 giờ toán Đại số
- c) 2 giờ toán Lượng giác
- d) 2 giờ toán Lý Hóa
- e) 1 giờ vẽ phác họa (Croquis coté)

Và phải qua “khảo sát sức khỏe và thi thể dục” giống như thi vào lớp Dự Bị nói trên và xin xem thêm chi tiết ở Nghị định số 2027-D, ngày 08 - 08 - 1944.

Trên đây chúng tôi ghi tóm tắt việc thi tuyển vào Trường cao Đẳng Công Chánh lúc trước, để thấy việc thi tuyển có phần khó khăn, không những đòi hỏi về trình độ văn hóa mà còn về khả năng sức khỏe, để bảo đảm người Sinh viên khi đã được tuyển vào học đầy đủ sức khỏe theo các năm học và đủ sức khỏe khi ra làm việc. Và đây có lẽ chỉ áp dụng đặc biệt cho Trường Cao Đẳng Công Chánh thời trước mà thôi.

CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

Về chi tiết xin xem các phụ bản liên hệ. Dưới đây chúng tôi chỉ ghi tóm tắt các môn học và giờ học tại các lớp của Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn. Chương trình này được áp dụng kể từ ngày Trường được mở lại vào năm 1947 tại Sài Gòn, cho đến khi Trường được sát nhập vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ - Sài Gòn (TTQGKTPT), và có thêm bớt một số môn học tùy theo sự tiến triển của kỹ thuật xây cất cầu đường, nhà cửa v.v... Chương trình lớp Cao Đẳng Công Chánh này không khác mấy chương trình học của lớp Cao Đẳng Công Chánh năm 1943 - 1944.

Xin trích phần chương trình học tại Qui định điều hành kèm theo Nghị định ngày 08 - 08 - 1944. (vì Qui định không kèm theo ở Phụ bản) để các bạn được biết chương trình học của các Sinh viên Cao Đẳng thời 1943 - 1944 và từ năm 1947 trở đi.

A.- COURS PRÉPARATOIRE

L'enseignement comprend les études théoriques de culture générale, spécialisées et d'initiation au dessin graphique. La durée annuelle des cours et travaux pratiques correspondants et fixée ainsi qu'il suit:

Matières d'enseignement	Nombre d'heures de cours.	Nombre d'heures de travaux pratiques.
Composition française	90 h.	
Mathématiques:		
Algèbre	90 h.	
Géométrie	90 h.	
Trigonométrie }	45 h.	
Cosmographie }		
Physique	60 h.	30 h.
Chimie	30 h.	30 h.
Hygiène générale	30 h.	
Dessin graphique		45 h.

B.- COURS SECONDAIRE

L'enseignement comprend, en 1ère année, des compléments de mathématiques appliquées et des notions techniques générales, - en 2ème année, l'étude des spécialités techniques. La durée annuelle des cours et travaux pratiques correspondants est fixée ainsi qu'il suit:

Matières d'enseignement	1ère année		2ème année	
	Nombre d'heures de cours.	Nombre d'heures de travaux pratiques	Nombre d'heures de cours	Nombre d'heures de travaux pratiques
Composition française	45		45	
Formation administrative G ^{le}			45	
Complément de mathématiques et applications techniques	45		45	
Mécanique	60			
Géométrie descriptive et cotée	90			
Applications techniques et géométrie cotée			30	
Géologie appliquée	15	45		
Hygiène appliquée			30	60
Dessin graphique		45		60
Théorie du dessin et perspective	30			
Croquis coté		30		
Travaux Publics:				

Matières d'enseignement	1ère année		2ème année	
	Nombre d'heures de cours.	Nombre d'heures de travaux pratiques	Nombre d'heures de cours.	Nombre d'heures de travaux pratiques
Travaux Publics:				
Pratique des travaux	30			
Chemins de fer	15			
Travaux Maritimes			15	
Droit administratif et comptabilité	30			
Hydraulique			45	
Résistance des matériaux et béton armé			45	
Cubature et métré	45			
Route	30			
Ponts			30	
Motions sur les bâtiments civils	45			
Métré d'ouvrages d'art et de bâtiments			45	
Topographie générale	45			
Topographie particulière aux Travaux Publics (1)			45	
Topographie particulière au Cadastre (1)			30	
Topographie particulière au Service géographique (1).....			30	
Opération sur le terrain		90		180
Motions sur le service du Cadastre			22,30	
Motions sur le Sce Géographique			22,30	
Visite des chantiers et d'atelier		120		120
(1) pour les élèves de chaque spécialité.				

Chương trình và giờ học, ghi trong Nghị định 2027-D ngày 08 - 08 - 1944, được áp dụng kể từ ngày Trường được mở lại tại Sài Gòn vào năm 1947 cho đến khóa chót CSCC tốt nghiệp năm 1960 và khóa chót KSCC tốt nghiệp năm 1961 và có thêm bớt vài môn học, nhất là tăng cường các môn Toán và Khoa học cơ bản.

Ái hữu Lê Văn Phương cho biết môn Toán học đại cương (Math. Gén.) được giảng dạy một phần lớn ở lớp Đệ I niên (1953-

1954) và Đệ II niên (1954-1955). Do đó, có một số sinh viên đang học Trường Cao Đẳng Công Chánh vào thời đó đã đậu vài chứng chỉ Cử nhân Toán hoặc Khoa học như các AH Nguyễn Quảng Đức, Phí Ngọc Huyền.v.v...

Trong bài "Lớp học đầu tiên tại Trường Cao Đẳng Công Chánh", AH Nguyễn Văn Vinh cho biết Thầy Trần Văn Bạch đã dạy môn Mécanique rationnelle lớp Đệ nhất niên (1957-1958).

C. LỚP CAO ĐẲNG (Cours Supérieur) Như đã trình bày trước đây, theo Nghị định 2027-D ngày 08 tháng 08 năm 1944 của Toàn quyền Đông Dương, Sinh viên theo học lớp Cao Đẳng Công Chánh gồm có 2 ban (Division)

- **BAN 1** (1ère Division): Được tuyển từ các Cán sự chuyên môn, khi thi ra trường có điểm trung bình từ 14 trở lên và có Văn bằng Tú tài II. Đôi khi, trong lúc giao thời, Văn bằng Tú tài hai được miễn áp dụng.
- **BAN 2** (2ème Division): Được tuyển qua một kỳ thi cho những Sinh viên Đại học đã có một Chứng chỉ Cử nhân Khoa học, về Toán Đại Cương hay Vật Lý Đại Cương.

LỚP CAO ĐẲNG Trường Công Chánh Sài Gòn được mở bắt đầu từ năm 1951 theo Nghị định số 253 - Cab / SG ngày 20 tháng 07 năm 1951 của Thủ Tướng chính phủ.

Theo Nghị Định này:

- Lớp Cao Đẳng Công Chánh được mở lại từ ngày 03 tháng 09 năm 1951 để huấn luyện những Kỹ sư Công chánh (Điều thứ nhất).

- Hạn học là 12 tháng theo nguyên tắc từ tháng 09 đến hết tháng 08. **LỚP CAO ĐẲNG SẼ CHỈ NHẬN SINH VIÊN BAN THỨ NHẤT** (1ère Division). (Điều thứ hai).

Như vậy, lớp Cao Đẳng Trường Cao Đẳng Công Chánh - Sài Gòn chỉ nhận các Sinh viên Tốt nghiệp Cán sự Chuyên Môn với điểm trung bình từ 14 trở lên và có Văn bằng Tú tài II.

Nhưng trong giai đoạn lúc bấy giờ, số Sinh viên tốt nghiệp Cán sự Chuyên môn đủ hai điều kiện quá ít, nên chính phủ đã phải áp dụng biệt lệ, chấp nhận cho các Sinh viên có một trong hai điều kiện được vào học lớp Cao Đẳng. Nhờ vậy lớp Cao Đẳng Công Chánh đầu tiên được mở ra từ năm 1951 - 1952 (từ tháng 12 năm 1951 đến tháng 12 năm 1952).

Hai lớp Cao Đẳng Công Chánh kế tiếp 1953 - 1954 (tháng 03 năm 1953 đến tháng 07 năm 1954) và 1954 - 1955 (từ tháng 07 năm 1954 đến tháng 08 năm 1955) cũng được áp dụng biệt lệ nói trên.

Bắt đầu lớp Cao Đẳng 1955 - 1956 trở về sau mới áp dụng hai điều kiện quy định trong Nghị định ngày 08 tháng 08 năm 1944 (số 2027-D) và ngày 20 tháng 07 năm 1951 (NĐ số 253 - Cab / SG).

Các môn học gồm có:

Matières d'enseignement	Nombre d'heures de cours	Nombre de séances pratiques
Résistance des matériaux et béton armé	90h	6
Hydraulique	90	6
Electricité théorique et appliquée	45	3
Architecture	45	4
Droit administratif et pratique administrative du service	45	3
Procédés généraux de construction	45	2
Routes et ponts ;	45	4
Chemins de fer	22, 30	1
Travaux maritimes	22, 30	1
Répétition de mathématiques sur le programme de mathématiques générales	30	—
	<u>480h.</u>	<u>30</u>

Sau này chương trình có thêm môn "Mécanique des Sols".

THI RA TRƯỜNG (Examen de Sortie), gồm hai phần:

I. Thi Viết và Thực Hành

II. Thi Vấn đáp

I.- Compositions écrites et épreuves pratiques.-

Désignation des épreuves	Durée	Coef.
Résistance des matériaux	4 h.	3
Béton armé	4	2
Hydraulique	4	3
Electricité	6	2
Avant projet d'architecture	6	3
Avant projet de route	6	3
Rapport sur une affaire de service	4	4
		<u>20</u>

II.- Epreuves orales

Désignation des épreuves

	Coef.
Résistance des matériaux et béton armé	5
Hydraulique	4
Electricité théorique et appliquée	2
Travaux maritimes	1
Chemins de fer	1
Procédés généraux de construction	3
Routes et ponts	2
Droits administratif et pratique du service	2
	<u>20</u>

Ngoài ra, các Sinh viên phải thi thêm môn "Toán Đại Cương", với hệ số điểm là 6.

Kết quả kỳ thi ra lớp Cao Đẳng Công Chánh như sau:

- Những Sinh viên có điểm từ 14 trở lên, được cấp Văn bằng KỸ SƯ CÔNG CHÁNH (Diplôme d'Ingénieur des Travaux Publics) và được bổ dụng ngạch Kỹ Sư Công Chánh.
- Những Sinh viên có điểm trung bình từ 12 trở lên và dưới điểm 14, được cấp "CHỨNG CHỈ KHẢ NĂNG" (Certificat de Capacité) và được bổ dụng vào ngạch "PHỤ TÁ CHUYÊN MÔN" (Adjoint Technique).
- Những ai có điểm dưới 12, sẽ trở lại ngạch "CÁN SỰ CHUYÊN MÔN" (Agents Techniques).

(Ghi chú: về chương trình học, thi ra trường của Sinh viên Ban 2 (2ème Division), xin xem chi tiết ở Nghị định số 2027 - D ngày 08 tháng 08 năm 1944 kèm theo ở phụ bản).

Khi Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương được tái lập tại Sài Gòn vào năm 1947, Trường được đặt dưới sự điều hành của Văn Phòng Cố Vấn Công Chánh thuộc Phủ Cao Ủy Pháp tại Đông Dương. Đến năm 1950, chính phủ Pháp trao trả Trường lại cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam (Phụ ước ngày 30 tháng 05 năm 1950: Covention du 30 Mai 1950 portant Transfert de l'Ecole Supérieure des T.P. à l'Etat du Vietnam - xin xem ở phần tham chiếu Văn bằng Kỹ sư Công Chánh của Ái Hữu Tô Đăng Quế trình bày trong tập Kỷ Yếu này).

Cụ Trần Văn Bạch sinh năm 1910 tại Nam Phần, tốt nghiệp Kỹ sư Kiều Lộ Paris năm 1935, Cụ qua đời tháng 06 năm 1975. Cụ là vị Giám đốc đầu tiên Trường Cao Đẳng Công Chánh khi Trường thuộc chủ quyền chính phủ Quốc Gia Việt Nam và là vị Giám đốc lâu nhất của Trường Cao Đẳng Công Chánh tại Sài Gòn trước khi Trường sát nhập vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. Cụ là vị Giám đốc có công rất nhiều đối với Trường Cao Đẳng Công Chánh, và giúp đỡ Sinh viên rất tận tâm (xin xem thêm bài viết về Cụ Trần Văn Bạch tại phần phụ bản III).

Về địa điểm nhà Trường trong thời gian Trường mới tái lập vào tháng 10 năm 1947 đến năm 1957, khi Trường được sát nhập vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, có rất nhiều thay đổi.

Dựa theo các bài viết kể lại của các Ái Hữu Trương Đình Huân, Trần Như Diệu, Bửu Hạp, Nguyễn Xuân Mộng v.v..., chúng tôi được biết như sau:

- Vào niên khóa 1947 - 1948, Trường sở được mượn của Trường Kỹ Nghệ Thực Hành nằm trên đường Huỳnh Thúc Kháng và Đỗ Hữu Vị, bên hông Bộ Công Chánh (Trường này sau đổi là Trường Kỹ Thuật Cao Thắng). Trường Kỹ Nghệ Thực Hành lúc bấy giờ đào tạo các Chuyên viên Cơ khí các cấp, và lớp đào tạo Sĩ quan Hàng Hải Thương thuyền, trong đó có một khóa sinh về sau là Tổng Thống Đệ Nhị Cộng Hòa: Nguyễn Văn Thiệu.
- Niên khóa 1948 - 1949, Trường sở dời đến Trường Thực Nghiệp (Centre technique d'apprentissage) số 25 đường Chasseloup Laubat (sau đổi là đường Hồng Thập Tự). Nhờ cơ sở rộng rãi, tầng nhà dưới dành cho lớp học và tầng lầu trên dành chỗ nội trú cho các Sinh viên ở xa đến học (đây là một cách giúp đỡ Sinh viên ở xa đến học, chứ chế độ nhà trường là ngoại trú). Dưới đây là một

đoạn kể lại của cố Ái Hữu Trần Như Diệu:

“Trường gồm một tòa nhà riêng 2 tầng, phía dưới có ba phòng làm lớp học, phía trên là một nhà ngủ rộng, sau mấy ngày thì Ban Giám đốc cho đóng giường và cho anh em Sinh viên đến ở, khỏi phải trọ chỗ khác và tiện lợi cho việc học hành”.

Ái Hữu Bửu Hạp kể lại như sau:

“Trong các năm học đầu ở đường Hồng Thập Tự, chúng tôi được ngủ trên lầu, mỗi đứa một cái giường sắt, chẳng phải trả một khoản tiền nào. Trường lại cho một nhà bếp nấu ăn hai buổi mỗi ngày, ở phía sau các lớp học. Nhà bếp cũng là công chức tại Bộ Công Chánh (ông Đản). Ông Đản đưa cả gia đình đến đây để lo nấu ăn cho khoảng 70 Sinh viên. Gia đình ông Đản người Huế, cho nên khẩu vị rất thích hợp với chúng tôi. Ông lại có cô con gái chừng 17, 18 tuổi coi cũng được, cho nên nhiều anh em xuống bếp tán dóc mỗi ngày, lì nhất trong chuyện này có bộ ba Di. Ki. Và Ch. (Cao Minh Ch.). Một cái thú thứ hai là hễ có thì giờ thì ra sở Trước Bộ trước Bộ Nội Vụ để mua “cò”, vì các cô bán cò đều xinh đẹp, rất dễ thương” (xin chép lại nguyên văn của Ái Hữu Diệu và Hạp viết).

Nhưng thời gian thân tiên này của người Sinh viên Công Chánh không kéo dài được lâu, chỉ trong một niên khóa (1948 - 1949).

Xin theo dõi lời kể tiếp của cố AH Trần Như Diệu:

“Niên khóa 1948 - 1949 qua, sau 3 tháng tập sự, chúng tôi lại tề tựu về Sài Gòn khoảng cuối tháng 09 năm 1949. Năm học này là năm mà chúng tôi khá vất vả về vấn đề phòng ốc, và riêng cá nhân tôi về vấn đề nơi trọ.

“Trường Kỹ thuật lấy lại cơ sở 25 Hồng Thập Tự, Trường mới xây cất trong khuôn viên trường Trung học Pétrus Ký chưa hoàn tất, chúng tôi ở không suốt tháng 10

năm 1948. Đến đầu tháng 11, ban Giám đốc mới mượn được của trường Đại Học Luật Khoa đường Garcerie (Duy Tân) một phòng để cho lớp Trung cấp I học. Hai lớp kia tôi nhớ mang máng như học ở gác thượng Nhà Tổng Giám Đốc Công Chánh (TGĐCC). Được khoảng một tháng thì trường mới được xây cất xong và chúng tôi về đó học cho đến niên khóa sau, khi tốt nghiệp Cán sự. Trong khuôn viên này, còn có sẵn cơ sở Trường Đại Học Khoa Học, Trường Cao Đẳng Vô Tuyến Điện và trường Hàng Hải Thương Thuyền. ”

Theo AH Trần Sĩ Huân kể lại trong bài viết về trường Công Chánh, Ái Hữu Huân vào học Trường Công Chánh bắt đầu hè 1949:

“Đầu niên học, vào khoảng tháng 09 năm 1949, cả ba lớp Dự Bị (Préparatoire), Đệ Nhất niên Trung Đẳng (1ère année Secondaire), Đệ Nhị niên Trung Đẳng (2ème année Secondaire) đều học tạm tại Trường Luật ở số 1 đường Garcerie, tức là đường Duy Tân, Sài Gòn, trong lúc trường này chưa khai giảng.

Qua tháng 11 năm 1949, Trường Công Chánh dời về lầu 3 Tổng Nha Công Chánh ở số 55 Pasteur Sài Gòn, nơi lưu trữ hồ sơ văn khố. Tháng 01 năm 1950, Trường lại dời đến trụ sở mới xây cất trong khuôn viên Trung học Pétrus Ký, ở giữa Trường Khoa Học và Trường Vô Tuyến Điện. Trường mới chỉ gồm có 3 phòng học, một văn phòng nhỏ, một kho dụng cụ đo đạc và một phòng vệ sinh.

Trong giai đoạn này trường do ông F. Guyau, Trưởng Kỹ sư làm Giám đốc và một ban Giáo sư Pháp Việt điều hành.

Vào khoảng tháng 02 năm 1950 xảy ra vụ Trần Văn Ổn, một học sinh Pétrus Ký bị bắn chết trong cuộc biểu tình của giới Học sinh Sinh viên trước Dinh Thủ Tướng ở đường Gia Long, Sài Gòn. Các trường bãi khóa một tháng. Việc học ở trường Công Chánh do đó cũng bị gián đoạn tạm thời.

Nói về trường sở ở trong khuôn viên trường Trung học Pétrus Ký, và nơi trọ của các Sinh viên ở xa đến học, Ái Hữu Bửu Hạp mô tả như sau:

“Chúng tôi được thầy Bạch cho xe “Van” chở vào thăm Trường. Cảm tưởng trước tiên là chúng tôi tự thấy ba lớp này vừa nhỏ, vừa thấp so với mấy Buildings 3 tầng đồ sộ kia. Lại thêm trường chỉ có ba lớp và một cầu tiêu, không có phòng Giáo sư, phòng Thư ký, Thư viện, chỗ cấp cứu (infirmierie)... và chúng tôi tự cho chúng tôi một chữ “tội nghiệp” cho cái đám Công chánh này.

Khi chúng tôi tới thăm Trường mới, thì chúng tôi thấy có nhiều bà nhiều cô đang chờ chúng tôi đến. Hỏi ra thì là những nơi muốn cho chúng tôi ở trọ, và những nơi muốn nấu ăn cho chúng tôi.

Chúng tôi đi coi mấy nơi này, thì chỗ trọ là những căn nhà ở phía sau, ở góc mặt của Trường, trông ra sân banh cỏ.

Ở đây, có chừng 20 căn nhà trệt, rộng chừng 5 mét, và sâu chừng 15 mét. Ở phía trước lại có nơi thêm ra một mái lá chừng 3 mét, cho nên cái phòng khách trông có vẻ sâu ra. Mỗi căn nhà đều chia ra làm 3 phần, phía trước là phòng khách, phía giữa là chỗ ngủ và phía sau là nhà bếp, kho v.v...

Đây là dãy nhà dành cho giám thị, các loại thợ, như thợ điện, thợ mộc, thợ ống nước và có cả gác gian nữa.

Mỗi căn họ nhận từ 5 đến 6 Sinh viên, vì chỉ để được chừng ấy ghé bố là hết chỗ. Trong số Sinh viên tạm trú ở đây có đủ mặt các Trường Công Chánh, Điện, Radio, Hàng Hải và Đại Học Khoa học. Chúng tôi đã đi rữ mấy thằng bạn thân để ở cùng một căn. Về cơm tháng thì chúng tôi đã chọn nhà anh Giám thị Tốn, vì nghe nói chị Tốn nấu ăn ngon hơn cả. Căn nhà anh chị Tốn thì ở ngay sau các lớp Trung học của Trường Pétrus Ký và từ chỗ chúng tôi ngủ qua đến bên đó cũng hơn 300 mét.”

Nhưng Trường sở cũng không ở đây được lâu, chỉ trong vài niên khóa (1949 -

1950, 1950 - 1951 và 1951 - 1952) Trường lại dời về địa điểm Trường Thực Nghiệp số 25 đường Hồng Thập Tự để đủ chỗ cho cả 4 lớp học : Lớp Dự Bị, lớp Trung Đẳng I, lớp Trung Đẳng II và lớp Cao Đẳng.

Bốn lớp học được mở tại tầng lầu của ngôi nhà một tầng. Các khóa học sau đó được dạy tại đây cho đến khi Trường sở được dời vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ vào năm 1956.

Theo Nghị định số 353 - Cab / SG ngày 20 tháng 07 năm 1951, lớp Cao Đẳng Công Chánh đầu tiên của Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn được mở vào thượng tuần tháng 12 năm 1951 và mãn khóa vào cuối tháng 12 năm 1952. Lớp này được mở tại Trường Thực Nghiệp số 25 đường Hồng Thập Tự.

Cố Ái Hữu Trần Như Diệu đã kể lại như sau:

Cuối niên khóa 1950 - 1951, chúng tôi tốt nghiệp Cán sự toàn lớp. Riêng tôi, tôi nghĩ là sẽ chấm dứt việc học và bắt đầu cuộc đời công chức. Trước khi rời nhà Trường để đi tập sự lần cuối, một số anh em có ướm với thầy Bạch về vấn đề mở lớp Cao Đẳng, và được thầy hứa sẽ cố gắng. Tháng 9 đi qua, hết hạn tập sự, bổ dụng thì chưa có mà chuyện tiếp tục học vẫn chưa thấy gì. Nhưng không những thầy Bạch đã thành công trong việc vận động với cấp trên cho mở lớp Cao Đẳng, mà thấy còn mở rộng cánh cửa lớp này để đón nhận thêm nhiều nữa, trong việc chỉ áp dụng một trong hai điều kiện nêu trên, nghĩa là Cán sự hoặc có bằng Tú tài, hoặc thi tốt nghiệp có điểm trung bình trên 14 đều được theo học. Như đã nói ở trên, trường đào tạo viên chức, cho nên nếu được theo học lớp Cao Đẳng, Sinh viên vẫn được bổ dụng Cán sự, coi như tại chức, hoán bổ chiếu lệ vào Bộ Công Chánh và vẫn lãnh lương. Hết niên khóa kéo dài 12 tháng, thi tốt nghiệp lấy điểm trung bình lớp Cao Đẳng, rồi lấy điểm trung bình 2 năm Trung cấp

cộng với nhau để lấy điểm trung bình mới, nếu điểm trung bình này cao hơn 14, thì sẽ đỗ Kỹ sư Công chánh, nếu dưới 14 mà trên 12 thì sẽ được bổ dụng Phụ tá Chuyên môn (Adjoint Technique, ngạch này sau bỏ), còn dưới 12 thì trở lại ngạch Cán sự như cũ.

Và khoảng đầu tháng 12 năm 1951, tôi được giấy báo theo học lớp Cao Đẳng. Do điều kiện dễ dãi hơn, nên một số lớn được theo học, không những từ lớp tôi, khóa 3 Cán sự, mà còn từ hai lớp trước, các anh từ khóa 1 và khóa 2. Ngoài ra, một số các anh đã tốt nghiệp Cán sự tại Hà Nội trước năm 1945, đã ra làm việc lâu năm, nay cũng xin nhập học. Tuy nhiên, đồng thời với việc mở lớp Cao Đẳng, năm 1951, chính phủ ban hành lệnh tổng động viên, nên một số anh em phải lên đường nhập ngũ và mấy năm sau mới được trở lại tiếp tục học lớp Cao Đẳng.”

Ái Hữu Trương Đình Huân, trong bài viết về Trường Công Chánh đã trình bày những đóng góp của các Sinh viên theo học cho nhà Trường, nhất là việc can thiệp xin được mở lớp Cao Đẳng để đào tạo các Kỹ sư Công chánh Việt Nam. Dưới đây là phần trình bày của Ái Hữu Trương Đình Huân:

“Tiếp theo đây, tôi xin quý bạn nhớ đến thực trạng của Trường Cao Đẳng Công Chánh, vào những năm 1947 - 1952, khi mà Văn phòng Trường chỉ vụn vụn có một máy chữ và một thư ký là thân phụ của thầy Nghiêm, thầy Nghiêm được tuyển dụng vào năm 1948. Như vậy, mọi vấn đề hành chánh liên hệ đến việc điều hành Trường thường không được giải quyết thỏa đáng và kịp thời nếu không có sự đóng góp của một số Sinh viên khóa 1947 - 1952. Đến đây, tôi xin ghi nhận sự tín nhiệm mà thầy Trần Văn Bạch đã đặt nơi một số anh em đã có thiện chí đóng góp vào việc tìm hiểu, dự thảo văn kiện, trình thầy Bạch dự khán, trước khi gửi xin chiếu hội hoặc duyệt y tại các Bộ liên hệ. Bạn TQV (có thể viết là Thomas Trương Quảng Văn) đã đóng góp nhiều nhất

vào việc dự thảo văn kiện cho phép tái lập lớp cao Đẳng Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Với sự chấp thuận của thầy Bạch, tôi đã xin được gặp Luật sư VQN (Vương Quang Nhường), đương kim Tổng Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục và đã trình bày nguyện vọng của Sinh viên muốn được học hỏi thêm, hầu có thể đóng góp một cách hữu hiệu vào chương trình thay thế chuyên viên Pháp sẽ hồi hương.

Ông Tổng Trưởng cũng được tường trình là Văn phòng Cao Ủy Pháp đã chấp thuận đài thọ chi phí cho các Giảng sư Pháp sẽ giảng dạy tại khóa đầu tiên của lớp Cao Đẳng này.

Ông Tổng Trưởng đã hứa là sẽ ký Nghị định này khi văn kiện đến ông. Kết quả này được trình lên thầy Bạch sau khi các dự thảo đã sẵn sàng gửi đi chiếu hội. Sau đó tôi đi tập sự ở Hà Nội (Ty Công chánh Hải Dương) và chờ đợi Nghị định bổ

dụng Cán sự cũng như tin tức gọi về Sài Gòn nhập học lớp Cao Đẳng.

Chúng tôi được hưởng lương Cán sự trong lúc theo học lớp Cao Đẳng kéo dài 14 tháng.

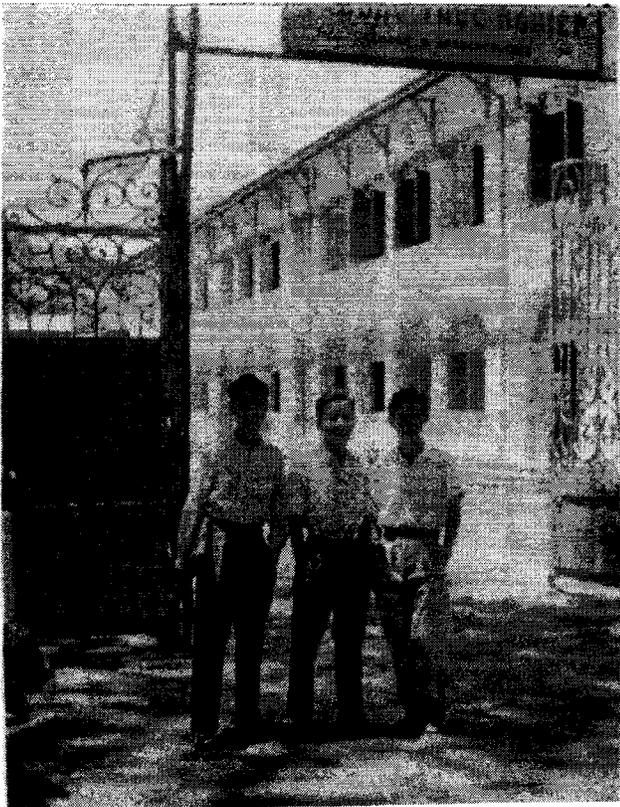
Bạn Trương Quảng Văn cũng lại là người đã đi lo làm mẫu Văn bằng Kỹ Công chánh (Pháp - Việt). Mẫu này đã được thầy Trần Văn Bạch duyệt khán và Bộ Quốc Gia Giáo Dục chuẩn y.”

Theo lời kể lại của các Ái Hữu trên đây, chúng ta thấy người Sinh viên Trường Công Chánh lúc đó đã đóng góp đáng kể cho nhà trường ngay lúc đang theo học tại trường.

Những đóng góp của các Sinh viên Trường Cao Đẳng Công Chánh về các lãnh vực khác như văn hóa, thể thao, chính trị... (xin xem những bài viết của các Ái Hữu trên tại phần phụ bản III).



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SAIGON (Đường Duy Tân)
Trường Cao Đẳng Công Chánh đã mượn lớp học trong năm 1949.



TRƯỜNG THỰC NGHIỆP
(Centre d'Apprentissage)
Số 25 đường Chasseloup Laubat
(đường Hồng Thập Tự). Nơi đây đã
dành cho Trường CDCC trong các
năm 1947 - 1949 và 1952 - 1956.

QUỐC-GIA VIỆT-NAM

ETAT DU VIET-NAM

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÍNH
ÉCOLE SUPÉRIEURE DES TRAVAUX PUBLICS

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
MINISTÈRE DE L'ÉDUCATION NATIONALE

VĂN-BẰNG CÁN-SỰ CHUYỀN-MÔN CÔNG-CHÍNH

DIPLÔME D'AGENT TECHNIQUE DES TRAVAUX PUBLICS

TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

Chiều Dụ số 1 ngày mồng 1 tháng 7 năm 1949 bổ-chức và điều-hành các cơ-
quan công-quyền.

Chiều Dụ số 2 ngày mồng 1 tháng 7 năm 1949 bổ-chức quy-chế các công-sở ;

Chiều Sắc-lệnh số 33-GD ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn định chức-chương
của Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục ;

Chiều Nghị-định ngày 10 tháng 5 năm 1943 bổ-túc do Nghị-định số 2027-D
ngày 8 tháng 8 năm 1944 và sửa đổi bởi các Nghị-định số 192/220 ngày 11 tháng
7 năm 1947 và số 337/4247 ngày 2 tháng 12 năm 1949 thiết-lập và bổ-chức
trưởng Cao-đẳng Công-Chính ;

Chiều Phụ-ước ngày 30 tháng 5 năm 1950 giao tả trưởng Cao-đẳng Công-Chính
cho Chính-Phủ Việt-Nam ;

Chiều Biên-bản cuộc thảo-luận và đê-nghị của Hội-đồng Giáo sư ngày 15 tháng 7
năm 1954

CẤP cho Ông **Cao-Dăng-Luê** sanh ngày 13-11-1932
tại **Hanoi** VĂN-BẰNG CÁN-SỰ CHUYỀN-MÔN
CÔNG-CHÍNH để chấp-chiêu và tiện-dụng.

TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
Le Ministre de l'Éducation Nationale

(Signature)

Vào sổ tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục ngày 10-12-50 số 122/50
Enregistré au Ministère de l'Éducation Nationale le

LE MINISTRE DE L'ÉDUCATION NATIONALE.

Vu l'Ordonnance No 1 du 1^{er} Juillet 1949 portant fixation de l'organisation et du fonc-
tionnement des institutions publiques ;

Vu l'Ordonnance No 2 du 1^{er} Juillet 1949 portant fixation de l'organisation et du fonc-
tionnement des administrations publiques ;

Vu le Décret No 33 - GD du 19 Septembre 1949 fixant les attributions du Secré-
taire d'Etat à l'Éducation Nationale ;

Vu l'Arrêté du 10 Mai 1943 complété par l'Arrêté No 2.027 - D du 8 Aout 1944 et modifié
par les Arrêtes No 192 220 du 11 Juillet 1947 et No 337 4247 du 2 Décembre 1949 portant
création et organisation de l'École Supérieure des Travaux Publics ;

Vu la Convention du 30 Mai 1950 portant transfert de l'École Supérieure des
Travaux Publics à l'Etat du Viet-Nam ;

Vu le Procès-verbal de la délibération du Conseil des Professeurs et sur sa proposition
en date du 15 juillet 1954

CONFÈRE à Monsieur **Cao-Dăng-Luê** né le 13-11-1932
à **Hanoi** le DIPLOME D'AGENT TECHNIQUE DES TRAVAUX
PUBLICS pour servir et valoir ce que de droit.

30 11 50 10 30

HIỆU-TRƯỞNG TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÍNH.
Le Directeur de l'École Supérieure des Travaux Publics

Người được bằng.
L'impétrant.

(Signature)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

(Trong Khuôn Viên Trường Pétrus Ký Saigon)

MỘT SỐ SINH VIÊN KHÓA CSCC 1949 - 1952

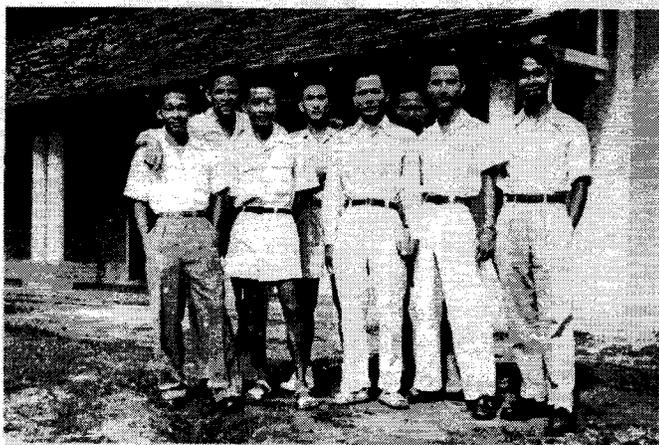
HÌNH CHỤP TRƯỚC LỚP DỰ BI

Từ trái sang phải: Nguyễn ngọc Ân, Phạm Liêu, Hoàng ngọc Thân, Trần ngọc Rym, Bửu Hiệp, Ngô công Khanh, Trần si Huân, và Chim tai Heng.

HÌNH CHỤP MẶT TRƯỜNG CÓ CHỦ

ECOLE SUPERIEURE DES TRAVAUX PUBLICS
DE L'INDOCHINE

Từ trái sang phải: Liêu, Bui viết Miêu, Rym, Ân, Thân, Huân, Hiệp, Khôi, Chim Tai Heng, Khanh, Tôn thất Toại.



MỘT SỐ SINH VIÊN KHÓA CSCC 1951 - 1954

(hình chụp ngày 23-3-1952)

Hình trái, từ trái sang phải: Trương đình Tài, Nguyễn xuân Mông, Tô đang Quốc, Nguyễn van Thông, Hoàng ngọc Ân

Hình phải, từ trái sang phải: Nguyễn xuân Mông, Tô đang Quốc, Hoàng ngọc Ân, Nguyễn van Thông và Trương đình Tài



KHÓA CSCC ĐẦU TIÊN của TRƯỜNG CDCC SAIGON 1947 - 1950



LỚP DỰ BỊ N/K 1947 - 1948 tại Trường Kỹ Nghệ Thực Hành (Trường Kỹ Thuật Cao Thắng sau này):
LỚP PHÁP VĂN với GS CHAMPION.

Từ trái sang phải: Hàng đầu, bàn đầu bên trái: Võ Quang Diễm, Võ Thành Lương, Trần Văn Quỳnh. Bàn đầu bên phải: Nguyễn Văn Hai, Tạ Trung Quốc, Võ Quang Dụ, phía sau AH Hai là AH Trương Đình Huân ngồi chính giữa. Người đứng là GS Champion. Người ngồi trước các bàn là Ông thư ký của Trường.



NĂM ĐỆ NHẤT 1948 -1949

Từ trái qua phải: Hàng đầu: các AH Huân, Phú, Diễm, Lương, Hai, Bánh, Bàng.
Hai hàng sau: Viễn, Pouvai, Tám Thiện, Quý, Quỳnh, Dụ, Trục, Huê.

KHÓA CSCC ĐẦU TIÊN của TRƯỜNG CDCC SAIGON 1947 - 1950



Lớp Trung Đẳng Đệ Nhị Niên 1949 - 1950

Tại Vườn Thú Saigon sau giờ Topo với KS Tạ Huyền, người có dấu X là KS Tạ Huyền.

Ghi chú: 3 tấm hình trên do AH NGUYỄN VĂN HAI cung cấp. AH NGUYỄN VĂN HAI về sau tốt nghiệp Tiến sĩ TOÁN và hiện là GS Trường Đại Học ở Kentucky.

TRƯỜNG THỰC NGHIỆP (Centre d'apprentissage)

tại số 25 đường Hồng Thập Tự, Saigon.



TRƯỜNG THỰC NGHIỆP

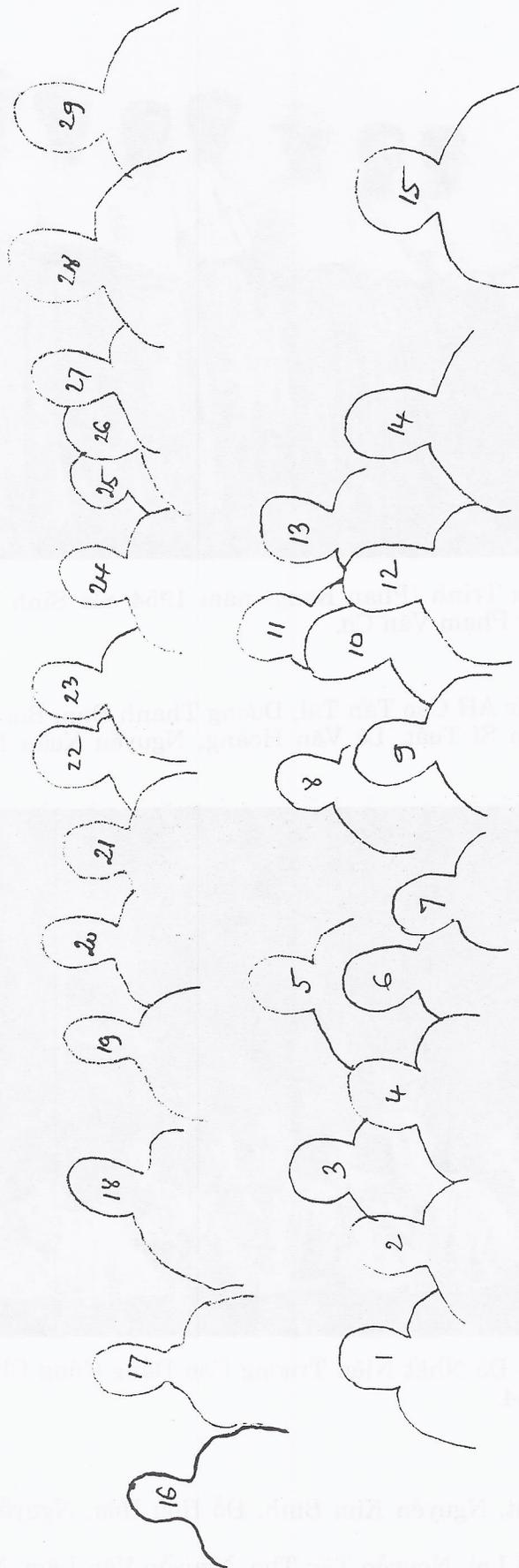
* Centre d'apprentissage*

(hình) Ba AH khóa CSCC 1955 - 1958
Từ trái sang: AH Nguyễn Kế,
AH Nguyễn Bá Pháp
và AH Trần Gia Tường.

(Ảnh do AH Trần Gia Tường tặng)



Sinh viên lớp Cao Đảng Công Chánh 1954 - 1955 viếng Công Trường Đập nước
NHA TRINH, PHANRANG năm 1954 với Giáo sư PHAN VĂN CỐ.



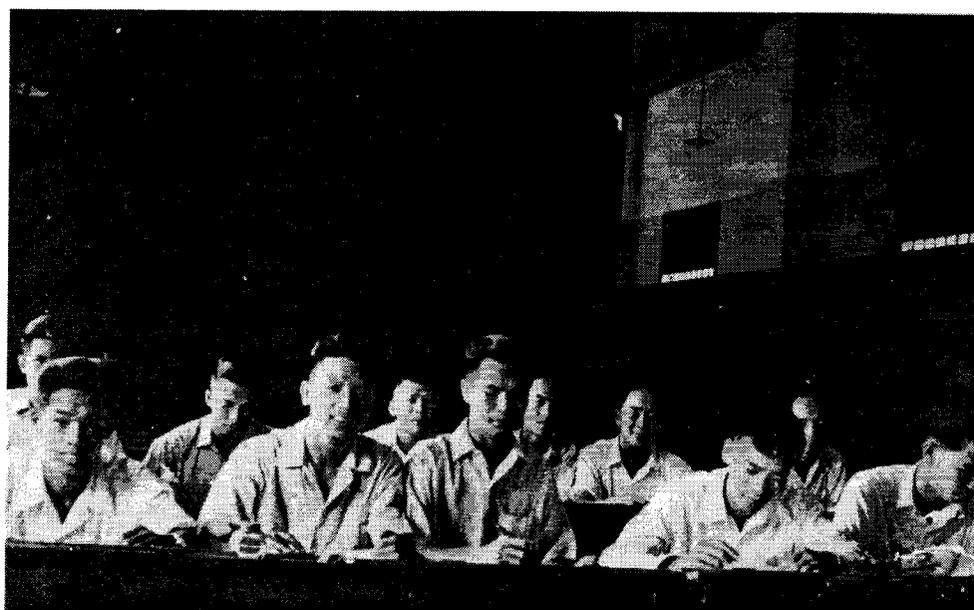
Tại Đập Nha-Trình với GS Phan Văn Cơ (Phan-Rang 1954)

- | | | | |
|----------------------|-----------------------|----------------------------|---------------------|
| 1- Lê Văn Vinh | 2- Hà Văn Út | 3- Tô Đăng Quế | 4- Đặng Văn Nhân |
| 5- Lê Văn Hoàng | 6- ? | 7- Cao Tấn Tài | 8- Lê Sáu |
| 9- Nguyễn Xuân Mộng | 10- Phan Thanh Nguyên | 11- Dương Bảo Quán | 12- Nguyễn Văn Hùng |
| 13- Nguyễn Ngọc Tào | 14- Nguyễn Kim Chi | 15- Dương Thanh Đàm | 16- Tôn Thất Ngô |
| 17- Phan Hoàng Khiêm | 18- Bùi Mạnh Cần | 19- Lê Thành Trình | 20- Hoàng Ngọc Ẩn |
| 21- Hoàng Đức Tài | 22- Nguyễn Đức Sứ | 23- ? (Trương Ty CC Ph.Rg) | 24- GS Phan Văn Cơ |
| 25- Phan Ngọc Cơ | 26- ? | 27- Nguyễn Bách | 28- Chip Peck |
| 29- Nguyễn Quang Di | | | |



Thăm Đập nước Nha Trinh (Phan Rang) năm 1954 của Sinh viên lớp Cao Đẳng 1954 - 1955 với Thầy Phạm Văn Cơ.

Từ trái sang phải: Các AH Cao Tấn Tài, Dương Thanh Đoàn, Bùi Mạnh Cần, Trương Như Nguyên, Nguyễn Sĩ Tuất, Lê Văn Hoàng, Nguyễn Xuân Mộng, Phan Hoàng Khiêm.



Một số Sinh viên lớp Đệ Nhất Niên Trường Cao Đẳng Công Chánh Saigon. Niên khóa 1953 - 1954.

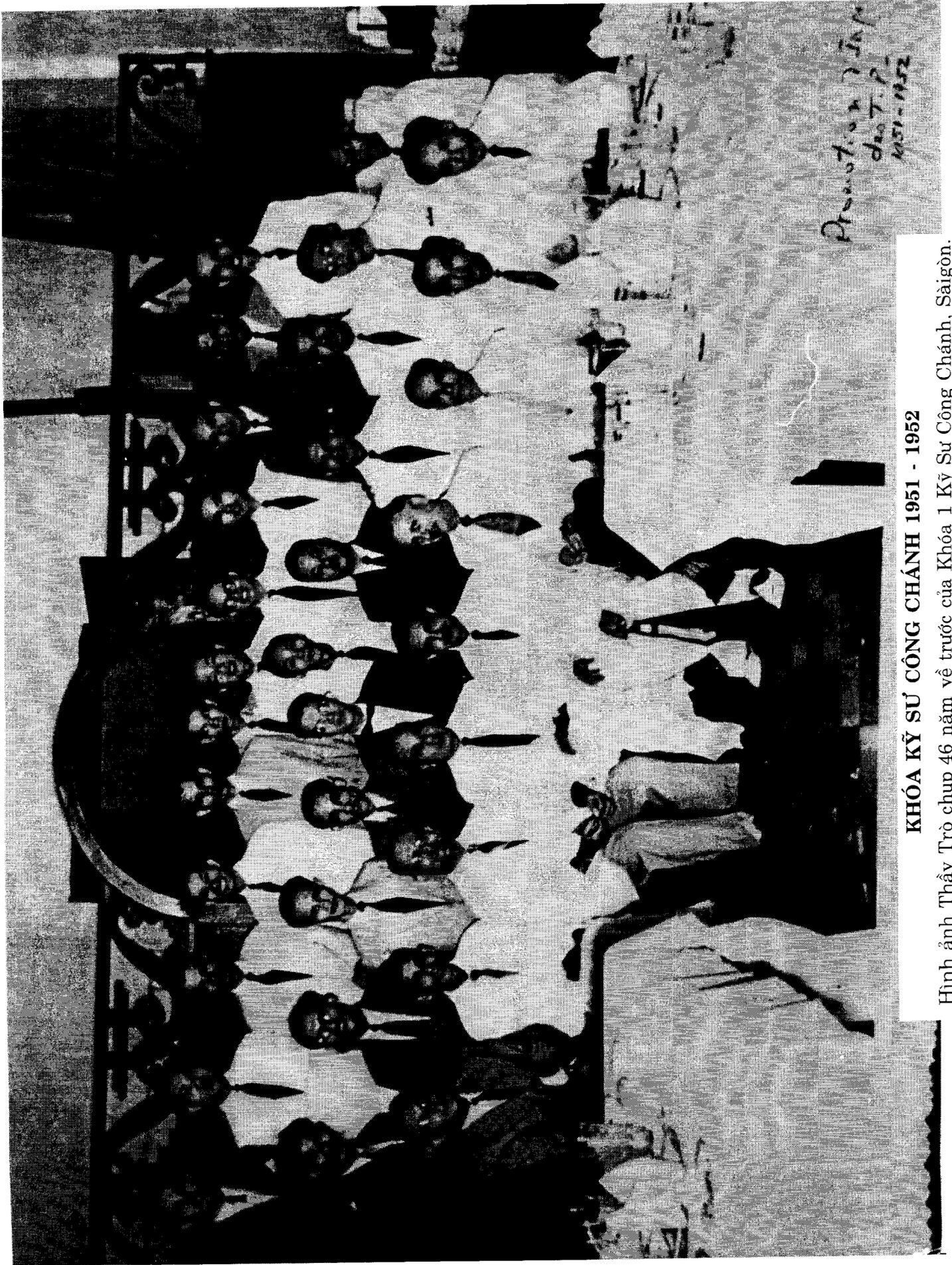
Từ trái sang phải:

Hàng đầu: Phan Ngật, Nguyễn Kim Bính, Đỗ Hữu Hứa, Nguyễn Văn Mơ, Trương Đình Tài.

Hàng nhì: Quách Huệ Lai, Nguyễn Tấn Thọ, Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Quảng Đức, Đặng Trần Xính.



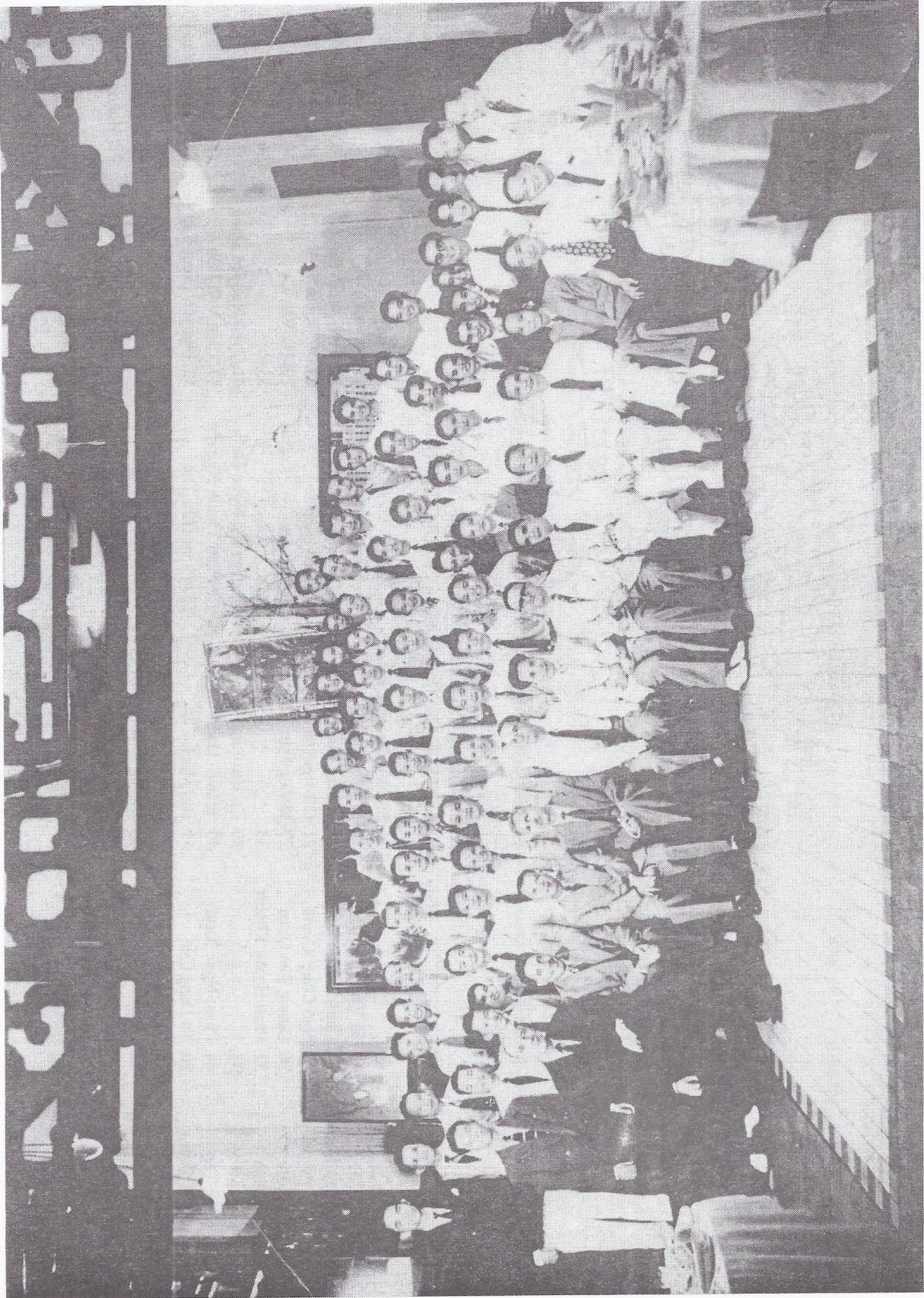
TIỆC MẶN KHÓA CCCC KHÓA 1950 - 1953
(Ngày 10 tháng 03 năm 1953)



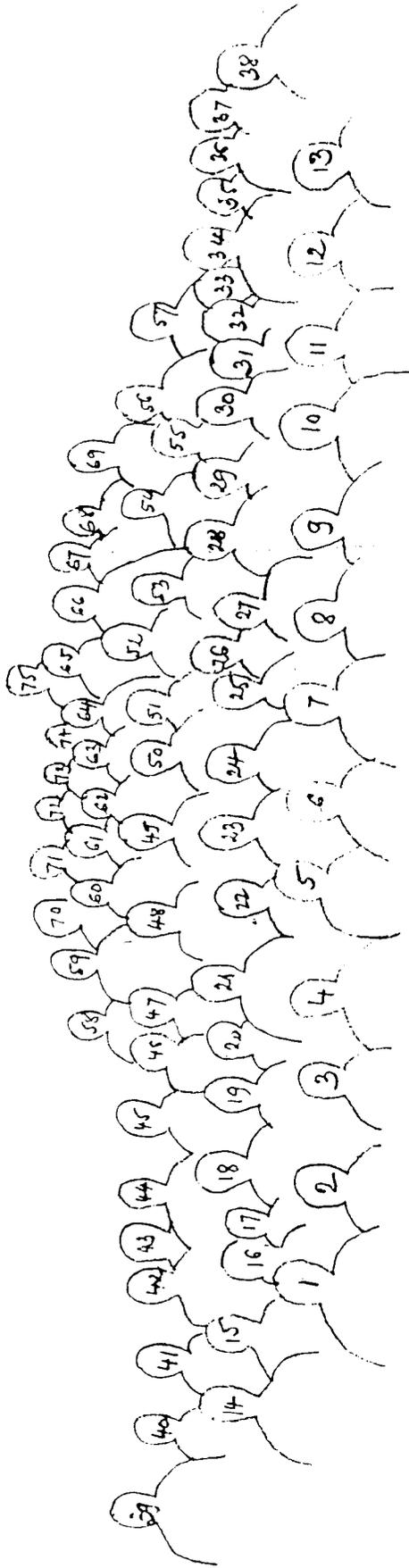
KHÓA KỸ SƯ CÔNG CHÁNH 1951 - 1952

Hình ảnh Thầy Trò chụp 46 năm về trước của Khóa 1 Kỹ Sư Công Chánh, Sài Gòn.

Thêm một Ái hữu vừa thiên thu vĩnh biệt: Trương Võ Tấn.



Sinh viên lớp Bự Bị, lớp Trung Đảng, lớp Cao Đảng
Hình chụp năm 1952 tại Nhà hàng Á Đông, Chợ Lớn.



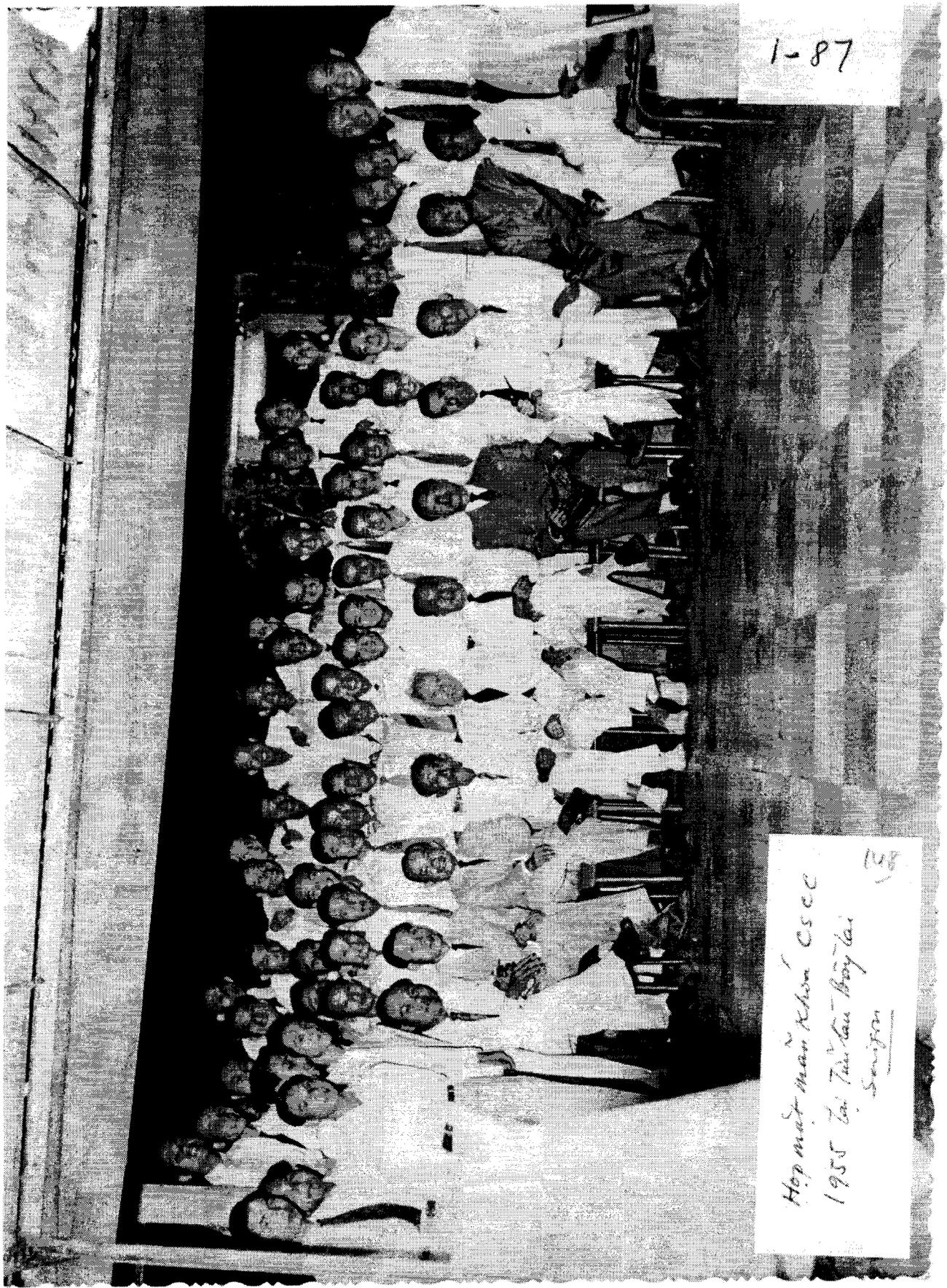
Sinh-viên lớp Dự-bị, lớp Trung-dãng và lớp Cao-dãng
Hình chụp năm 1952 tại Nhà Hàng A-Đông Chợ Lớn - Việt-Nam

- | | | | | |
|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| 1. Vaudiau (cs) | 3. BS Ngô Quang Lý (cs) | 4. Audin (cs) | 5. Mouy (cs) | 6. Trần Văn Sách (cs) |
| 7. Nguyễn Cao Khoan (cs) | 9. Hồ Nhứt Quàng (cs) | 10. Nguyễn Văn Khai (cs) | 11. Nguyễn Văn Hải (cs) | 12. |
| 13. Nguyễn Tài Heng | 15. Hoàng Đình Khởi | 16. Hoàng Ngọc Thân | 17. Trần Minh Sử | 18. KTS Trần Văn Tài (cs) |
| 19. | 21. GS Nguyễn Văn Thiện | 22. Bửu Hiệp | 23. Vũ Xuân Thái | 24. Cao Tấn Tài (cs) |
| 25. Đỗ Thụy Lưu | 27. Hoàng Đức Tài | 28. Lê Long | 29. Hà Văn Út | 30. Lê Sáu |
| 31. Thông Khanh | 33. | 34. | 35. | 36. |
| 37. | 39. Lê Văn Bằng | 40. Nguyễn Ngọc Du | 41. Trần Nguyễn Đăng | 42. Tôn Thất Toại |
| 43. Đào Ngọc Thọ | 45. Trần Sĩ Huân | 46. Phan Thanh Nguyễn | 47. Lâm Văn Hóa | 48. Nguyễn Ngọc Ẩn |
| 49. Nguyễn Sĩ Tuất | 51. Bùi Mạnh Căn | 52. Phạm Hữu Thế | 53. Nguyễn Long Tiết | 54. Nguyễn Văn Hưng |
| 55. Nguyễn Văn Đức Xuân | 57. Nguyễn Huy Calông | 58. Tôn Thất Ngọ | 59. Trương Như Nguyễn | 60. Nguyễn Hữu Thân |
| 61. | 63. Dương Thanh Đàm | 64. Lê Văn Hoàng | 65. | 66. Nguyễn Ngọc Tào |
| 67. Nguyễn Đình Đồng | 69. Từ Quý | 70. Phan Ngọc Cơ | 71. Nguyễn Đức Sứ | 72. Hoàng Ngọc Ẩn |
| 73. | 74. Nguyễn Xuân Mộng | 75. | | |



KHÓA KỸ SƯ CÔNG CHÁNH 1953 - 1954

Từ trái sang phải:
Hàng ngồi: các GS: Trần Lê Quang,....., Brière de L'Isle, Trần Văn Bạch, Trần Văn Tái, Nguyễn Văn Chiểu, Trần Văn Sách.
Hàng đứng: Các SV: Hiệp, Đại, Ngân, Pouvar, Xuyen, Thầy Tư Nghiêm, Khanh, Huân, Viễn, Thân, Sứ, Ân, Khôi, Tiên, Tiết, Long, Thúc.



HOP MẶT MÃN KHÓA CSCC 1955 TẠI TỬ LÂU BÔNG LAI, SAIGON.

QUỐC - GIA VIỆT - NAM

ETAT DU VIET-NAM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG-CHÍNH
ÉCOLE SUPÉRIEURE DES TRAVAUX PUBLICS

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
MINISTÈRE DE L'ÉDUCATION NATIONALE

VĂN-BẰNG KỸ-SŪ CÔNG-CHÍNH

DIPLÔME D'INGÉNIEUR DES TRAVAUX PUBLICS

TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

Chiều Dự số 1 ngày mồng 1 tháng 7 năm 1949 tờ-chức và điều-hành các cơ-
quan công-quyền.

Chiều Dự số 2 ngày mồng 1 tháng 7 năm 1949 tờ-chức quy-chế các công-sở :

Chiều Sắc-lệnh số 33 - GD ngày 19 tháng 9 năm 1949 ấn định chức-chương
của Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục :

Chiều Nghị-dịnh ngày 10 tháng 5 năm 1943 bổ-túc do Nghị-dịnh số 2027-D
ngày 8 tháng 8 năm 1944 và sửa đổi bởi các Nghị-dịnh số 192/220 ngày 11 tháng
7 năm 1947 và số 337/4247 ngày 2 tháng 12 năm 1949 thiết-lập và bổ-chức
trường Cao-đẳng Công-Chính ;

Chiều Phụ-ước ngày 30 tháng 5 năm 1950 giao trách trường Cao-đẳng Công-Chính
cho Chính-Phủ Việt-Nam ;

Chiều Nghị-dịnh số 353 - Cab/SG ngày 20 tháng 7 năm 1951 của Thủ-Tướng
Chính-Phủ cho phép tái-lập lớp Cao-đẳng trường Cao-đẳng Công-Chính ;

Chiều Biên-bản cuộc thảo-luận và đề-nghị của Hội-dồng Giáo sư ngày 4 tháng 5
năm 1953 :

CẤP cho Ông **Cô-đăng-Luê** sinh ngày 13 tháng 11 năm 1932
tại **Hanoi** VĂN-BẰNG KỸ-SU CÔNG-CHÍNH
để chấp hành và tiện dụng.

TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
Le Ministre de l'Education Nationale

[Signature]

Vào số tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục ngày 28-7-56 số 59/KĐ.C.C
Enregistré au Ministère de l'Education Nationale le

LE MINISTRE DE L'ÉDUCATION NATIONALE.

Vu l'Ordonnance No 1 du 1^{er} Juillet 1949 portant fixation de l'organisation et du fonc-
tionnement des institutions publiques ;

Vu l'Ordonnance No 2 du 1^{er} Juillet 1949 portant fixation de l'organisation et du fonc-
tionnement des administratifs publics ;

Vu le Décret No 33 - GD du 19 Septembre 1949 fixant les attributions du Secré-
taire d'Etat à l'Éducation Nationale ;

Vu l'Arrêté du 10 Mai 1943 complété par l'Arrêté No 2.027 - D du 8 Aout 1944 et modifié
par les Arrêtés No 192 220 du 11 Juillet 1947 et No 337 4247 du 2 Décembre 1949 portant
création et organisation de l'École Supérieure des Travaux Publics ;

Vu la Convention du 30 Mai 1950 portant transfert de l'École Supérieure des
Travaux Publics à l'État du Viet-Nam ;

Vu l'Arrêté No 353-Cab SG du 20 Juillet 1951 du Président du Gouvernement
autorisant la réouverture du Cours Supérieur de l'École Supérieure des Travaux Publics ;

Vu le Procès-verbal de la délibération du Conseil des Professeurs et sur sa proposition
en date du 1-5-1953

CONFÈRE à Monsieur **Cô-đăng-Luê** né le 13 Novembre 1932
à **Hanoi** le **DIPLÔME D'INGÉNIEUR DES TRAVAUX PUBLICS**
pour servir et valoir ce que de droit.

số 17 C.P.

Lưu tại Văn phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục ngày 13 tháng 11 năm 1932
Fait à Hanoi le

[Signature]
Người được bằng,
L'impétrant,
TRẦN-VĂN-SÁCH

CHƯƠNG IX

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH TRONG THỜI GIAN 1955 - 1957 VÀ CHUYỂN TIẾP TỪ 1958 ĐẾN 1961

Được ghi là “Thời Kỳ Chuyển Tiếp”, vì trong thời gian từ 1958 đến 1961, sinh viên 2 Quy chế cũ (áp dụng ND 2027-D ngày 08 - 08 - 1944) và mới (ND 599 GD/PV ngày 21 - 04 - 1959) cùng học chung một Trường mặc dù khác lớp. Các sinh viên thuộc Quy chế cũ tốt nghiệp CSCC năm chót 1960, và tốt nghiệp KSCC năm chót là 1961. Các sinh viên thuộc Quy chế mới thi tuyển nhập học năm 1958, khóa CSCC đầu tiên tốt nghiệp năm 1961 và khóa KSCC đầu tiên (học riêng Ban Cao Đẳng 4 năm) tốt nghiệp năm 1962.

Biệt lệ được áp dụng cho các Cán sự Công chánh khi thi ra trường có một trong hai điều kiện: có điểm trung bình 14 trở lên, hoặc Tú tài toàn phần được nhận vào học lớp Cao Đẳng để huấn luyện ra Kỹ sư Công chánh, chỉ được áp dụng cho ba lớp Cao đẳng 1951 - 1952, 1953 - 1954 và 1954 - 1955.

Bắt đầu khóa Cao Đẳng 1955 - 1956, hai điều kiện nói trên được quy định tại Nghị định số 2027-D ngày 08 tháng 08 năm 1944 và Nghị định số 353 Cab / SG ngày 20 tháng 07 năm 1951 được áp dụng. Có thể trong lúc này đã có nhiều Sinh viên khi thi ra Trường (lớp CSCC) có đủ hai điều kiện ấn định trong các Nghị định trên đủ cho lớp

Cao Đẳng. Lúc này lớp Cao Đẳng cũng chỉ mở ra Ban 1 (1ère Division) mà thôi.

Chương trình học, thời gian học và các môn thi ra trường không có thay đổi.

Về lớp Dự Bị và Ban Trung Đẳng vẫn như các khóa trước, không có gì thay đổi. Vị Giám đốc Trường lúc bấy giờ là Kỹ sư Trần Văn Sách.

Ái Hữu Lê Văn Phương cho biết thêm:

“Các thí sinh có bằng Trung học Đệ nhất cấp hoặc Tú tài I được thi tuyển vào lớp Dự Bị, học ba năm để thi tốt nghiệp Cán sự Công chánh. Thí sinh có bằng Tú tài II được miễn học lớp Dự Bị và dự thi tuyển vào học lớp Trung Đẳng Đệ nhất niên, học hai năm thi tốt nghiệp Cán sự Công chánh.

Các Sinh viên hội đủ một lượt hai điều kiện là bằng Tú tài phần II và điểm tốt nghiệp Cán sự từ 14 trở lên sẽ được tiếp tục lên học lớp Cao Đẳng trong thời gian 12 tháng để thi tốt nghiệp Kỹ sư Công chánh.

Điểm tốt nghiệp Kỹ sư Công chánh tối thiểu là 14 / 20 và điểm trung bình để tốt nghiệp Cán sự Công chánh là từ 12 / 20 trở lên. Vào thời kỳ này có 2 Sinh viên có chứng chỉ Toán học Đại Cương đã được thi tuyển thẳng vào học lớp Trung Đẳng Đệ nhị

niên: đó là Ái Hữu Đặng Văn Nhân vào trường năm 1953 và tốt nghiệp Kỹ sư Công chánh năm 1955 và Ái Hữu Lê Thành Trinh vào trường năm 1954 và tốt nghiệp năm 1956”.

Quy chế chính thức hai điều kiện này được áp dụng cho 6 khóa Kỹ sư Công chánh tốt nghiệp từ năm 1956 đến năm 1961.

Năm 1956, Trường Cao Đẳng Công Chánh được dời đến Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ vừa mới xây cất xong.

Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ được chính thức hoạt động vào năm 1957 theo sắc lệnh số 213 GD ngày 29 tháng 06 năm 1957 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, và Trường Cao Đẳng Công Chánh trực thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ từ đó.

Ái Hữu Lê Văn Phương còn cho biết thêm như sau:

“Trong thời gian này, Trường Cao Đẳng Công Chánh nhận nữ Sinh viên vào học, và bắt đầu năm 1957 đã có nữ Kỹ sư Công chánh và nữ Cán sự Công chánh tốt nghiệp, gồm có các chị:

- Nguyễn Thị Hòa, KSCC khóa 1957.
- Phạm ngọc Điệp, KSCC khóa 1958.
- Đỗ Thị Yến, CSCC khóa 1958.
- Nguyễn Thị Hồng, khóa 1959.

Và sau đó có nhiều nữ Kỹ sư Công chánh và nữ Cán sự Công chánh tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh – Sài Gòn.

Kể từ năm 1956 trở về sau, các Văn bằng Cán sự Công chánh và Kỹ sư Công chánh đều bằng tiếng Việt, không phải hai thứ tiếng Pháp và Việt như các khóa Cán sự Công chánh và Kỹ sư Công chánh từ năm 1947 đến 1955. Các Văn bằng thường được cấp phát trễ vài năm, lý do phải chờ họp Hội Đồng Giáo Sư, (có nhiều vị Giáo sư người Pháp, sau khóa học, đi về Pháp thăm nhà, đến vài ba tháng mới trở qua lại Việt Nam), và phải trình lên Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục khán ký vào Văn bằng, nên phải qua

nhiều thủ tục hành chánh.”

Thời kỳ từ năm 1955 đến 1958, tình hình nước Việt Nam tương đối được tốt đẹp về mọi phương diện: chiến tranh tạm ngưng sau Hiệp định Genève, dân chúng miền Nam Việt Nam được sống trong cảnh tương đối thanh bình thịnh vượng, an cư lạc nghiệp, được tự do đi lại v.v...

Năm 1955 sau cuộc Trưng cầu Dân ý, nền Đệ Nhất Cộng Hòa được thành lập và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm trở thành vị Tổng Thống đầu tiên của nước Việt Nam Cộng Hòa. Sau đó, Hiến Pháp đầu tiên ra đời. Dân chúng được quyền bầu đại diện của mình vào Quốc Hội mới thành lập.

Năm 1956 quân đội viễn chinh Pháp rút hết về nước. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa được phát triển mạnh, các Binh chủng được tối tân hóa, bao gồm cả Không quân và Hải quân. Các công chức, sĩ quan và Sinh viên ưu tú được gửi đi ngoại quốc tu nghiệp, học hỏi trau dồi thêm kiến thức, kỹ thuật để về phục vụ đất nước.

Nhờ vậy, một số lớn Sinh viên tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn đã được học bổng đi du học, hoặc theo học tại các Trường Đại Học ngoại quốc để được Văn bằng Cao học (MS), Văn bằng Tiến sĩ (Ph.D), hoặc đi tu nghiệp ngắn hạn, để đem kiến thức học hỏi được về xây dựng đất nước.

Sau Hiệp định Genève (1954) chia đôi đất nước, hơn một triệu đồng bào miền Bắc di cư vào Nam. Chính phủ Quốc gia miền Nam tiếp thu các tỉnh do Việt Minh chiếm giữ trước đây như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên v.v... Do đó công việc định cư cho đồng bào di cư từ miền Bắc, tái thiết lại các nơi bị chiến tranh tàn phá, đã đòi hỏi một nỗ lực lớn của chính phủ miền Nam, nhất là về mặt Cán bộ các ngành. Lúc này nhờ Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn đã đào tạo được một số lớn Cán sự, Kỹ sư Công chánh. Thêm vào đó một số Ái Hữu

Công Chánh di cư từ miền Bắc vào, nên những công việc thuộc phạm vi “Công Chánh” đã được giải quyết kịp thời. Nói đến “Công Chánh” lúc bấy giờ, là nói đến các lãnh vực mà người chuyên viên Công chánh phải đảm nhận gồm có:

Ở Địa phương (các Khu, Ty...) ngoài những nhiệm vụ chính về cầu đường (lập đồ án, tân tạo và tu bổ) người chuyên viên Công Chánh (Cán Sự, Kỹ Sư) còn phải đảm trách công việc ở các lãnh vực khác như điện nước;

đo đạc thuộc phạm vi Địa Chánh; dẫn thủy nhập điền, xây đắp đê đập thuộc thủy nông; xây cất công thự thuộc kiến thiết; kiểm soát xe tự động v.v... Đã có nhiều sinh viên tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Công Chánh Sài Gòn, chỉ sau một thời gian tập sự và làm việc đã được cử giữ những chức vụ điều khiển ở Địa phương cũng như ở Trung ương.

Điều đáng kể, các Ái hữu Công Chánh với những nhiệm vụ được giao phó, đã chu toàn công việc một cách tốt đẹp, đã nêu cao uy tín cho Trường Công Chánh.

BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC C H Ứ N G - C H Ỉ T A M

TRƯỜNG CAO - ĐẲNG CÔNG - CHÁNH

Số 339 /TCSCC Giám-Độc Trưởng Cao-Đẳng Công-Chánh chứng nhận rằng :

Ông... Lê Thành... TRINH... sinh ngày... 4 tháng... 14 năm 1931... tại... Nam Định... sinh-viên chánh-thức lớp Cao-Đẳng Trường Cao-Đẳng Công-Chánh, đã được chấm đầu bằng Kỹ-Sư Công-Chánh với số điểm trung-bình là... 16,00... vào hạng... Bình...

Khóa ngày... 7 tháng... 11 năm 1956. tại Saigon.

Saigon, ngày 30 tháng 5 năm 1958

GIÁM-ĐỐC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH



ĐÔI-HỮU-CHẤM

TRUNG - TÂM QUỐC - GIA KỸ - THUẬT

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG-CHÁNH

VĂN-BẰNG KỸ-SƯ CÔNG-CHÁNH

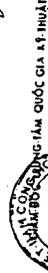
TỔNG-UVIÊN-VĂN-HÓA-KỸ-HỆ KIM-UVIÊN-GIÁO-DỤC

Xã-Hội-Văn-Hóa-Kỹ-Hệ Kim-UVIÊN-GIÁO-DỤC

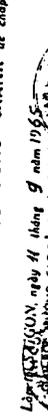
- Chiều Sác-Liên: số 33-CD ngày 19-6-1965
- Chiều Sác-Liên: số 33-CD ngày 19-9-1949
- Chiều Nghi-Định: số 599-GD/NĐ ngày 21-4-1959
- Chiều Điều-bản: ban-cấp-thành-lập và đ-ng-hệ của Hội-Đảng Giáo-Sư ngày 28 tháng 5 năm 1958

Cấp cho Ông Quách-huê-Lai Soc. Orange

Viết cho Ông Quách-huê-Lai sinh ngày 26 tháng 10 năm 1931



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG-CHÁNH KỸ-THUẬT



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG-CHÁNH KỸ-THUẬT

Ghi chú: Nhiều Ái Hữu gửi đến CHÚNG CHỈ TỐT NGHIỆP và VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP, nhưng vì không thể đăng hết lên tập KỶ YẾU, chúng tôi chỉ đăng mỗi thời gian một Văn bằng có cùng một loại giống nhau (kể cả Chứng chỉ), hoặc để chứng minh cho các dự kiện ghi trong KỶ YẾU. Mong quý Ái Hữu thông cảm.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

TRUNG - TÂM QUỐC - GIA KỸ - THUẬT

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH

VĂN-BẰNG KỸ-SU' CÔNG-CHÁNH

Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục

- Chiếu Sắc-Lệnh số 4-TTP ngày 29-10-1955 và các Văn-Kiến-kế-lập ấn-dịnh thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 33-CD ngày 19-9-1949 ấn-dịnh chức-chương của Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 213-CD ngày 29-6-1957 thiết-lập Trung-Tâm Quốc-Gia Kỹ-Thuật;
- Chiếu Biên-bản cuộc tháo-luận và đề nghị của Hội-Đồng Giáo-Sư ngày 20-tháng 1 năm 1959 đã được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục duyệt-y ngày 11-tháng 2 năm 1959.

Cấp cho Ông Liễn-văn Phưởng sanh ngày 7-tháng 9 năm 1932.

tại Thị trấn một **VĂN - BẰNG KỸ - SU CÔNG - CHÁNH** để chấp-chiếu và liên-dụng.

GIÁM-ĐỐC TRUNG-TÂM QUỐC-GIA KỸ-THUẬT,

Liễn-văn Phưởng

LÊ-SĨ-NGẠC

Do Trung-Tâm Quốc-Gia Kỹ-Thuật cấp
ngày 2-tháng 9 năm 1962
số 62 /TTGKT.

Làm tại SAIGON, ngày 12-tháng 9 năm 1962.
GIÁM-ĐỐC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH,

Liễn-văn Phưởng

LÊ-SĨ-NGẠC

NGƯỜI ĐƯỢC BẰNG,
Chữ

BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC,

Nguyễn Văn Phưởng

Đang tịch lợi Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục
ngày 25-tháng 11 năm 1961.
số 61 KSCC

KHÓA KỸ SƯ CÔNG CHÁNH 1956 - 1958

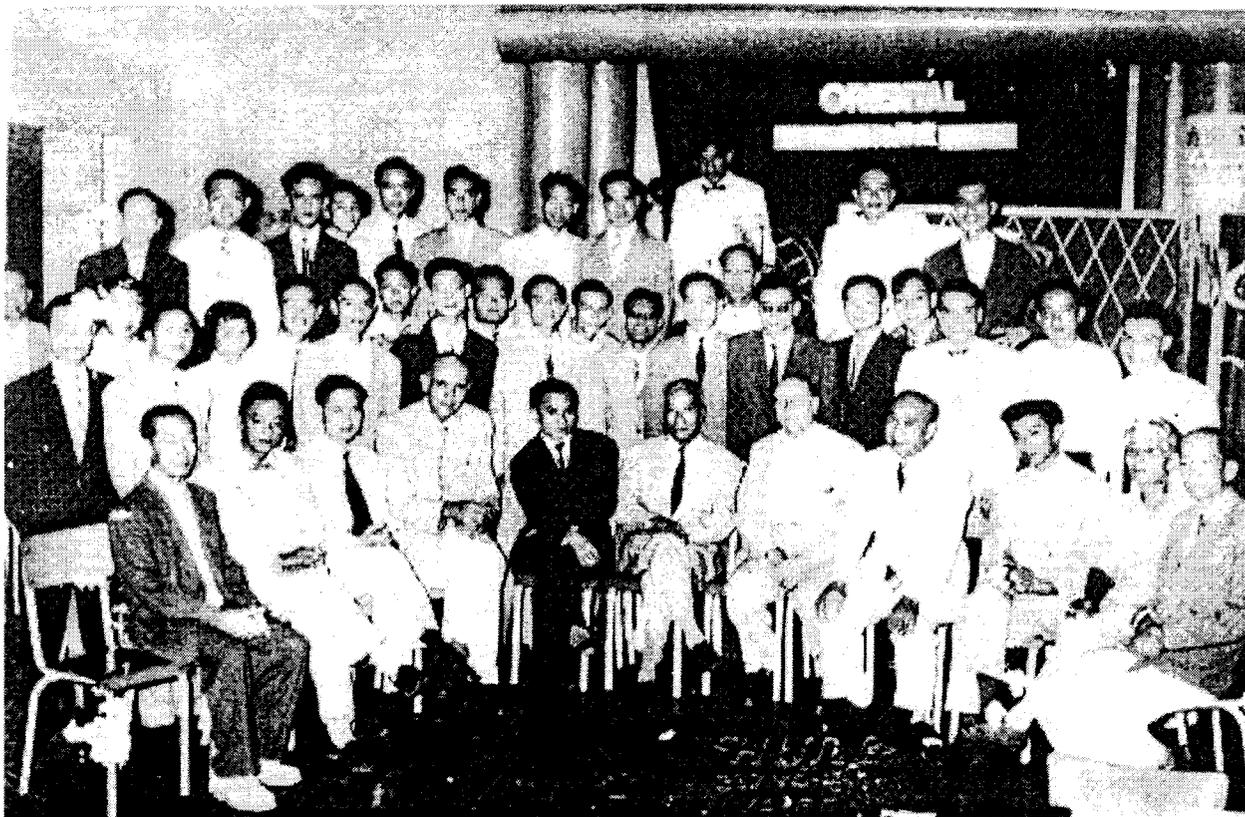
(Hình chụp trong dịp Tiệc cuối năm)



Từ trái qua phải: Nguyễn Mạnh Điềm, Lý Đãi, Phan Ngật, Trần Đăng Khoa, Lê Tùng Mai, Bùi Hữu Tiến, Bửu Cơ, Nguyễn Hứa Kiều, Vĩnh Đào.



Hàng đầu: Nguyễn Hứa Kiều, Nguyễn Thanh Long, không rõ, Châu Thành Đức.
Hàng sau: Lê Tùng Mai, Nguyễn Hữu Phương Paul, không rõ, Nguyễn Bách, Bùi Hữu Tiến, Vĩnh Đào, Nguyễn Thanh Liêm.



LIÊN HOAN MÃN KHÓA KSCC 1956 - 1958

Từ trái sang phải:

Hàng ngoài : Các Giáo sư Nguyễn Gia Hiến, Trần Ngọc Oành, Nguyễn Văn Chiêu (?), Giáo sư Pháp, Bùi Hữu Tuấn, Lê Sĩ Ngạc, Giáo sư Pháp, Trần Văn Bạch, Nguyễn Khắc Nhân, Lục Văn Sáu và Nguyễn Văn Đức.

Hàng giữa (đứng) : Không rõ, Phi Ngọc Huyền, không rõ, Nguyễn Thị Hòa, Không rõ, Nguyễn Hứa Kiều, Không rõ, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Thanh Long, Nguyễn Hữu Nghi, Không rõ, Châu Thành Đức, Nguyễn Bách, Lê Văn Hoàng, Lê Tùng Mai, Vinh Đào, Lê Trung Hiếu, Bùi Hữu Tiến, Lý Đai, Không rõ.

Hàng sau (đứng) : Nguyễn Thanh Điềm, Võ Văn Nhơn, Nguyễn Hữu Phương Paul, Không rõ, Không rõ, Bửu Cơ, Phan Ngật, Trần Đăng Khoa, Hoa Trường Xuân, Không rõ, Quách Huệ Lai.

CHƯƠNG X

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH TỪ 1958 ĐẾN 1975

Trường Cao Đẳng Công Chánh thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật được xây cất khoảng năm 1954 hay 1955 trên một khu đất nằm đối góc với trường đua Phú Thọ dưới thời Thủ tướng Ngô Đình Diệm. Hai ngôi trường khác cũng được xây cất trên khu đất này là Trường Điện và Trường Việt Nam Hàng Hải. Đồ án xây cất 3 ngôi trường này là do Kiến trúc sư Nguyễn Văn Đức vẽ kiểu và thanh tra xây cất.

Theo tài liệu và những bài viết của các Ái Hữu Trần Như Diệu và Trương Đình Huân thì Kỹ sư Trần Văn Bạch là người đã có công nhiều trong việc vận động, hình thành và xây dựng Trường Cao Đẳng Công Chánh và Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật vì trong khoảng thời gian này ông vừa là Giáo sư, vừa là Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh (1950 - 1954) và sau đó, ông lại là Tổng Trưởng Giao Thông Công Chánh trong chính phủ của Thủ tướng Ngô Đình Diệm (1954 - 1955).

Năm 1956, Trường Cao Đẳng Công Chánh được dời về trụ sở mới. Ngày 15 tháng 10 năm 1956 Trường đã khai giảng khóa học 1956 - 1957 trong Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. (Xin xem trong “Hai Mươi Năm Qua, việc từng ngày, 1954 - 1964” của Đoàn Thêm) và 6 tháng sau, ngày 29 tháng 03 năm 1957, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật

Phú Thọ được chính thức thành lập do sắc lệnh số SL 213 / GD của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa.

Sự việc này có thể được giải thích như sau: sau cuộc di cư đưa gần một triệu người từ Bắc vào Nam năm 1954 - 1955, một số cơ sở, trường học cần phải được gia tăng. Tại khu đất đối diện với trường đua Phú Thọ, chính quyền khi đó đã cho xây lên 3 tòa nhà mới để dời các trường Công Chánh, Vô Tuyến Điện, và Hàng Hải Thương Thuyền về vì khi đó các trường này đều không có trụ sở nhất định. Danh từ Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật lúc này chưa phải là một danh từ riêng mà chỉ là chữ để chỉ sự tập trung của các trường Kỹ thuật trong đó. Phải đợi tới khi Sắc lệnh SL 213 / GD được ban hành thì danh từ Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ mới trở thành danh từ riêng để chỉ định cơ quan pháp định này.

Theo Sắc lệnh số SL 213 / GD này thì Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật bao gồm một số các trường như Trường Cao Đẳng Công Chánh, Trường Vô Tuyến Điện, Trường Hàng Hải Thương Thuyền, Trường Thương Mãi và những trường Kỹ thuật và Chuyên nghiệp khác nếu xét cần. Ngoài ra Trung tâm cũng dự trù những phòng Thí nghiệm, Sở khảo cứu, Văn phòng, Thư viện, Ký túc xá... Về phương diện tổ chức, Trung Tâm

Quốc Gia Kỹ Thuật sẽ do một Giám đốc điều khiển về Hành chánh, Sư phạm và Kỹ thuật, có một Phó Giám đốc phụ tá và đặt thuộc quyền Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục. Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm được bổ nhiệm do nghị định của Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục. Bên cạnh Giám đốc có một Hội đồng Quản trị và Hoàn bị và một Hội đồng Kỹ thuật và Sư phạm mà thành phần và nhiệm vụ sẽ do nghị định của Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục ấn định. Về phương diện giảng huấn, Trung tâm, gồm 2 nhóm:

Nhân viên chuyên dạy về Lý thuyết tại lớp học (Giáo sư thực thụ, Giáo sư Kỹ thuật, Giảng sư) và Nhân viên chuyên dạy về Thực hành tại xưởng (Giáo sư thực hành, Giáo viên Kỹ thuật, Giám xưởng, Trưởng xưởng).

Có lẽ vì Sắc lệnh thành lập ban hành không đúng sát với thực trạng, nên ngày 07 tháng 08 năm 1958 Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục Trần Hữu Thế đã ra Công lệnh số 1080-GD / CL xác định rõ là “Tạm thời cho đến ngày được cải tổ, và kể từ ngày ký Công lệnh này, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật gồm có các Trường: Cao Đẳng Công Chánh, Cao Đẳng Điện Học, Kỹ sư Công Nghệ, và Việt Nam Hàng Hải, đặt trực thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục, đúng theo tinh thần Sắc lệnh số 213 - GD / Đ ngày 29 tháng 06 năm 1957”.

Trong giai đoạn từ 1955 đến 1957 các trường trong Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật đều hoạt động đồng thời và độc lập với nhau, vì chưa có văn kiện nào sát nhập các trường vào một cơ quan nào cả.

Theo một bài viết của Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc, Giám đốc của Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật đã ghi lại và gửi cho Ban Soạn Thảo Kỹ Yếu thì:

“Tôi không nhớ rõ cuối năm 1956 hay đầu năm 1957 Bộ Quốc Gia Giáo Dục đã cử tôi làm Giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật ở Phú Thọ và kiêm luôn chức Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật hồi đó có 4 trường kỹ thuật: Công Chánh, Điện, Công nghệ và Hàng Hải. Trường Công Chánh đã thành lập từ lâu do chế độ Pháp thuộc để lại, có quy chế đào tạo Cán sự và Kỹ sư, còn 3 trường Điện, Công nghệ và Hàng Hải mới ra đời được một vài năm.

Riêng về ngành Công Chánh, thí sinh có bằng Trung học Phổ Thông và Chứng chỉ học lớp Đệ Tam hay có bằng Tú Tài I mới được dự thi vào Trường, học xong 3 năm, thi tốt nghiệp và lãnh bằng Cán sự. Những thí sinh có bằng Tú Tài II thì được thi vào lớp Trung Đẳng Đệ nhất niên và học trong 2 năm để lấy bằng Cán sự. Những Sinh viên ưu tú, lúc ra trường có điểm trung bình tối thiểu 14 và có bằng Tú Tài II thì được chọn để học thêm 1 năm và lãnh bằng Kỹ sư.

Trường Điện thì chỉ có chương trình Cán sự, Trường Công nghệ bắt đầu chương trình Kỹ Sư. Còn Trường Hàng Hải là một trường chuyên môn đặc biệt, Chương trình học và chế độ học khác hẳn với 3 trường kia.

Các Trường này có 4 quy chế riêng biệt, mặc dầu 3 trường Công Chánh, Điện và Công nghệ có một mục đích chung là đào tạo Kỹ sư. Tình trạng không mấy hợp lý này gây ra nhiều phiền phức, bất lợi về mặt hành chánh và điều khiển Trung Tâm vì ngân sách của Bộ Giáo Dục nói chung và Trung Tâm Kỹ thuật nói riêng đang còn eo hẹp, và mặt khác nhân viên giáo huấn có đủ khả năng còn ít ỏi.

Bởi vậy tôi liền đề nghị với Bộ Giáo Dục một dự án quy chế mới mà mục đích chính là tăng cường căn bản khoa học giảng dạy cho Sinh viên, đồng hóa bằng cấp kỹ thuật của 3 Trường và mặt khác canh tân bộ máy hành chánh của Trung Tâm.

Dự án được Bộ Giáo Dục chấp thuận ngay, nên bắt đầu niên học 1958 - 1959, Trung Tâm áp dụng cho 3 Trường Công Chánh, Điện và Công nghệ một quy chế chung đại khái như sau:

Giúp việc Giám đốc trung tâm về mặt Kỹ thuật và Chuyên môn có một Ban chuyên viên gồm một số giáo chức thực thụ hay chuyên viên Việt Nam và một số chuyên viên ngoại quốc có chương trình viện trợ kỹ thuật các nước bạn gửi đến. Các chuyên viên do một Trưởng ban điều khiển để:

- Ấn định chương trình học của các trường thuộc Trung tâm.

- Nghiên cứu các phương pháp giáo huấn, sưu tầm tài liệu giáo khoa.

- Lập dự án, thành lập hoặc bổ túc các phòng thí nghiệm, cơ xưởng.

Mỗi Trường thuộc Trung tâm có một Giám đốc điều khiển, một Giám thị và một số nhân viên văn phòng phụ giúp.

Về Nhân viên Giáo huấn thì trong khi các ngạch giáo huấn Cao đẳng Kỹ thuật chưa thành lập, tạm thời các giáo chức Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật gồm một số nhân viên các ngành Đại học, Trung học, và các ngạch Kỹ sư biệt phái, hoặc những nhân viên kế ược. Các nhân viên Giáo huấn được cử nhiệm do Nghị định của Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Kỹ thuật và Sư phạm.

Về việc Quản trị thì Cơ quan Quản trị Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật là “Hội đồng Quản trị và Hoàn bị”, gồm có:

Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục hay Đại diện Chủ tịch

Đại diện Bộ Công chánh và Giao thông Hội viên

Đại diện Bộ kinh tế Hội viên

Giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Hội viên

Khoa trưởng Đại học Khoa học Sài Gòn Hội viên

Phó Giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Hội viên

Các Giám đốc các Trường thuộc Trung Tâm Hội viên

Trưởng ban Chuyên viên Hội viên
Chủ sự Văn phòng Trung tâm

Hội viên
Hội đồng Quản trị và Hoàn bị có nhiệm vụ nghiên cứu mọi biện pháp liên quan đến sự điều hành và khuyếch trương Trung Tâm, thảo luận các kinh phí cần thiết. Hội đồng Quản trị và Hoàn bị họp mỗi năm ít nhất một lần và mỗi khi Chủ tịch xét cần.

Về việc Điều khiển giáo huấn tại Trung Tâm thì có “Hội đồng Kỹ thuật và Sư phạm”, thành phần như sau:

Giám đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Chủ tịch

Phó Giám đốc Trung Tâm Hội viên

Các Giám đốc các Trường Hội viên

Trưởng ban Chuyên viên Hội viên

Cơ quan trực tiếp điều khiển việc giáo huấn tại mỗi Trường là Hội đồng Giáo sư Trường, thành phần như sau:

Giám đốc Trường sở quan Chủ tịch
Đại diện Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Chủ tịch

Toàn thể Giáo sư Trường sở quan Chủ tịch

Giám thị Trường sở quan Chủ tịch

Hội đồng Giáo sư có nhiệm vụ cứu xét những vấn đề giáo dục thuộc phạm vi trường sở quan, đề nghị trừng phạt về kỷ luật đối với sinh viên. Những đề nghị của Hội đồng Giáo sư phải được Giám đốc Trung Tâm duyệt y trước khi đem ra thi hành. Hội đồng Giáo sư họp ít nhất mỗi tam các nguyệt một lần và mỗi khi Chủ tịch xét cần.

Về phương diện trụ sở và các cơ sở vật chất khác, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ tọa lạc trên một khu đất rộng lớn tại Phú Thọ, nơi góc đường Nguyễn Văn Thoại và Tô Hiến Thành. Lúc khởi thủy, Trung tâm gồm ba tòa nhà bằng Bê tông cốt sắt dành cho 4 Trường. Đi từ cổng ngoài

trên đường Nguyễn Văn Thoại vào ta gặp: Trường Cao Đẳng Điện Học, 2 tầng, Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ ở tầng trệt, Trường Việt Nam Hàng Hải chiếm tầng lầu của một tòa nhà 2 tầng, và Trường Cao Đẳng Công Chánh 3 tầng. Năm 1960, phía cổng vào và đối diện với Trường Điện một tòa nhà 2 tầng gọi là khu Lambert thuộc Trường Điện, và bên trong phía tay trái của Trường Công Chánh, một cơ xưởng rộng lớn thuộc Trường Công Nghệ cũng được dựng lên. Hai cơ sở này do Viện trợ Kỹ thuật và Kinh tế Pháp đài thọ.

Năm 1963, Trường Cao Đẳng Hóa Học được khởi sự xây cất tại sân vận động của Trung Tâm, sát với tường thành đường Tô Hiến Thành, và đối diện với Trường Công Nghệ và Hàng Hải. Trường trực thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ và đã thực sự hoạt động từ năm 1964 để tiếp tục giảng dạy cho các Sinh viên Cán sự Hóa học đã tuyển vào năm trước.

Về phía cuối của khu đất thuộc Trung Tâm là Trường Bách Công thuộc Nha Kỹ Thuật Học Vụ, với những cơ xưởng và lớp học dành cho các ngành nghề như Mộc, Sắt, Hàn, Rèn, Cơ khí v.v... Khoảng năm 1962, 1963 tại khu vực này ba tòa nhà 3 tầng được xây thêm lên để thành các Trường Quốc Gia Thương Mãi, Nữ Công Gia Chánh, và Sư Phạm Kỹ Thuật, tất cả đều thuộc Nha Kỹ Thuật Học Vụ, Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Sau đây là sơ lược về các Trường thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ:

* Trường Cao Đẳng Công Chánh:

Thành lập năm 1902 tại Hà Nội và ngưng hoạt động sau biến cố 09 tháng 03 năm 1945. Trường được tái lập tại Sài Gòn năm 1947. Văn kiện chi phối các sự hoạt động và điều hành của Trường là Nghị định số 2027-D ngày 08 tháng 08 năm 1944. Trường đã hoạt động và di chuyển qua nhiều nơi, (Các chi tiết và tài liệu xin xem ở Chương trên), cuối cùng trường dời về Trung Tâm năm 1956. Kể từ niên khóa 1958 - 1959 trường

bắt đầu áp dụng theo quy chế mới: Trường có hai Ban: Ban Kỹ sư Công Chánh tuyển chọn trong những thí sinh có bằng Tú tài toàn phần Toán hay Kỹ thuật, học 4 năm; và Ban Cán sự Công Chánh tuyển chọn trong những thí sinh có bằng Trung học Phổ thông hay Tú tài I, học ba năm.

* Trường Cao Đẳng Điện Học:

Được cải đổi lại từ Trường Vô Tuyến Điện Sài Gòn từ năm 1957 do Nghị định số 408- GD ngày 17 tháng 09 năm 1957. Trường có 2 Ban: Ban Kỹ sư Điện học 4 năm và Ban Cán sự Điện và Điện tử học 3 năm. Điều kiện dự thi nhập học cũng áp dụng giống như bên Trường Công Chánh.

* Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ:

Thành lập do Nghị định số 114-GD ngày 22 tháng 03 năm 1957 và tổ chức do Nghị định số 374-GD ngày 23 tháng 03 năm 1957. Trường đào tạo các Kỹ sư các ngành hoạt động cho Công Kỹ Nghệ. Trường không có Ban Cán sự. Muốn dự thi nhập học, các Sinh viên phải có bằng Tú tài Toán hay Kỹ thuật. Thời gian học cho Ban Kỹ sư giống như các Trường khác là 4 năm.

* Trường Việt Nam Hàng Hải:

Thành lập do Nghị định số 155 - Cab/SG ngày 17 tháng 03 năm 1951 và được sát nhập vào Trung Tâm năm 1957. Trường có hai Ban; Ban Thuyền trưởng và Ban Cơ khí. Ban nào cũng đặt nặng vấn đề hành thủy: Sau khi tốt nghiệp phần lý thuyết với hai năm học tại trường, Sinh viên cần tối thiểu 60 tháng tập sự và hành nghề trên các thương thuyền, trước khi trở về học lớp tu nghiệp 3 tháng để thi lấy bằng tốt nghiệp. Để được dự thi vào trường, thí sinh phải có bằng Trung học Phổ thông hay Tú tài I.

* Trường Cao Đẳng Hóa Học:

Được xây cất sau khi Ban Cán sự Hóa học được thiết lập do Nghị định số 840/ND ngày 07 tháng 08 năm 1962. Ban đầu trường chỉ có Ban Cán sự học 3 năm. Năm 1968, trường được nâng lên thành Trường Cao Đẳng Hóa Học và bắt đầu được tuyển Sinh

viên vào Ban Kỹ sư học 4 năm như các trường khác trong Trung Tâm.

Trong giai đoạn đầu (1957 - 1958) Giám đốc Trung Tâm là Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc, kiêm Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh, Phó Giám đốc Trung Tâm là Kỹ sư Nguyễn Khắc Nhân, kiêm Giám đốc Trường Cao Đẳng Điện Học. Giám đốc Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ là Kỹ sư Văn Đình Vinh. Giám đốc Trường Việt Nam Hàng Hải là Kỹ sư Đặng Văn Châu, một Sĩ quan Hàng Hải. Trưởng Ban Chuyên viên của Trung Tâm là Kỹ sư Nguyễn Chánh.

Văn phòng Hành Chánh Trung Tâm trong giai đoạn đầu đặt tại Trường Cao Đẳng Công Chánh. Năm 1968 Phòng này được dời về Văn phòng Hành chánh Trung Tâm mới xây cất trong sân vận động của Trung tâm.

Để có một ý niệm rõ ràng hơn về Trường Cao Đẳng Công Chánh trong suốt thời kỳ từ 1958 đến 1975, chúng tôi xin trình bày những sinh hoạt và biến chuyển của Trường về những phương diện sau đây:

- Trụ sở Trường Cao Đẳng Công Chánh.
- Các Phòng thí nghiệm và Thực tập của Trường.
- Phòng Chuyên viên và Những Nhân viên Giảng huấn Cơ hữu ban đầu.
- Ban Giảng huấn.
- Vấn đề Chuyển ngữ.
- Sự Tuyển lựa và Chương trình Đào tạo.
- Thành phần Sinh viên.
- Cư xá và Đời sống Sinh viên.
- Khả năng và Quyền lợi Sinh viên khi ra trường.
- Những biến chuyển lớn đáng ghi nhận.

TRỤ SỞ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

Trường Cao Đẳng Công Chánh lúc khởi đầu là một kiến trúc gồm một tòa nhà chính và một giảng đường. Tòa nhà chính

phía trước là một kiến trúc 3 tầng mà tiền đình là một hành lang rộng với 2 thang lầu đi 2 bên và khoảng trống ở giữa là cửa đi vào giảng đường phía sau trường. Tiền đình cũng là nơi treo bảng Thông Cáo của Trường và Trung Tâm.

Tại tầng trệt, cánh trái của tiền đình là văn phòng Giám đốc Trường kiêm Giám đốc Trung Tâm, phòng Chuyên viên, và phòng Hành chánh. Phía sau là phòng Học vụ và Giám thị. Cánh phải của tiền đình là phòng Hội đồng Giáo sư, phòng học cho lớp Trung Đẳng I, Thư viện, phòng Thực tập Địa hình, và cuối cùng là một phòng trống dùng làm nhà kho. Năm 1964 phòng này được sửa sang lại để làm Văn phòng cho Phái đoàn các Giáo sư Cố vấn của Đại học Missouri, Rolla.

Giảng đường phía sau tòa nhà chính, có sàn nhà xây theo tầng bậc, chứa được khoảng 80 chỗ ngồi. Nơi đây là chỗ học thường xuyên cho các lớp học chung của Sinh viên lớp Cao Đẳng đệ nhất và đệ nhị niên chung cả 3 trường, hoặc mỗi khi có buổi hội thảo hay văn nghệ, chiếu phim.

Tại tầng lầu 1, cánh trái là phòng Vẽ Kỹ nghệ Họa với các bàn ghế vững chắc và nặng nề và một phòng nhỏ chứa các học cụ và bảng vẽ. Cánh phải là phòng Hội nhỏ, phòng Thí nghiệm vật lý, và phòng Thí nghiệm Hóa học. Hai phòng Thí nghiệm này cũng như Thư viện đều trực thuộc Trung Tâm.

Tại tầng lầu 2, cánh trái là 3 phòng học nhỏ dành cho các lớp học ít người thuộc ban Địa chánh. Cánh phải là phòng học cho các lớp Trung Đẳng II, Trung Đẳng III, Cao Đẳng II, Cao Đẳng III và Cao Đẳng IV.

Đọc theo mặt tiền của các phòng hay lớp, tầng trệt cũng như tầng lầu là một hành lang dài để làm lối đi vào các phòng các lớp. Riêng tại tầng trệt, phía sau các phòng cũng có hành lang để sự đi lại được dễ dàng.

CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ THỰC TẬP CỦA TRƯỜNG

Phòng Thí Nghiệm Hóa Học: Phòng Thí Nghiệm Hóa Học tọa lạc tại tầng lầu 1 Trường Công Chánh, do Bà Kỹ sư Dương Hải Đường làm Trưởng phòng đồng thời là Giáo sư phụ trách giảng dạy phần thực tập thí nghiệm về Hóa Học Đại cương, Vô cơ và Hữu cơ cho các lớp Ban Cao Đẳng I và II và Trung Đẳng I. Phòng Thí nghiệm trang bị tương đối đầy đủ dụng cụ để có thể nhận 20 - 25 Sinh viên thực tập mỗi buổi. Những năm đầu chỉ có Trưởng phòng và một Nhân viên phụ tá phòng Thí nghiệm làm việc. Những năm sau Trung Tâm đã tuyển dụng thêm những Cử nhân Khoa học hay Hóa học về làm giảng nghiệm viên.

Phòng Thí Nghiệm Vật Lý: Phòng Thí Nghiệm Vật Lý tọa lạc tại lầu 2 của Trường Công Chánh kế bên phòng Thí Nghiệm Hóa Học do Kỹ sư Võ Đức Diễn là Trưởng phòng kiêm Giáo sư giảng dạy thực tập cho Sinh viên các lớp Ban Cao Đẳng I và II. Phần thực tập bao gồm các thí nghiệm về Động học, Động lực học, Quang học, Điện và Điện tử học... Những năm đầu, phòng Thí nghiệm cũng chỉ có Trưởng phòng và phụ tá phòng thí nghiệm giúp việc. Về sau Trung Tâm đã tuyển dụng thêm những Cử nhân Khoa học về làm giảng nghiệm viên để giảng dạy.

Phòng Thực Tập Địa Hình: Phòng Thực Tập Địa Hình trực thuộc Trường Cao Đẳng Công Chánh nằm tại tầng trệt. Lúc ban đầu phòng chỉ chứa dụng cụ đo đạc gồm những máy đo bình diện và máy đo cao độ và các dụng cụ đo đạc khác. Phần Thực tập Địa hình được áp dụng cho các Sinh viên ban Cao Đẳng và Trung đẳng Trường Công Chánh từ các năm thứ 2 hay thứ 3. Các buổi Thực tập thường được thực hiện ngoài trời để Sinh viên đo đạc lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn. Sinh viên thường được thực tập đo đạc trong rừng cao su (khoảng năm 1958 - 1962), khu Cư xá Lữ Gia, hay trong vòng thành của Trung tâm. Những năm đầu, thầy

Tư Nghiêm (Giám thị của trường) thường phụ trách việc cho mượn dụng cụ để Sinh viên thực tập. Từ năm 1964 Phòng Địa hình đã hoạt động thường xuyên khi trường đã tuyển được một số nhân viên Giảng huấn cơ hữu. Năm 1967 phòng được trang bị thêm một máy điều chỉnh Không Ảnh do viện trợ của cơ quan UNESCO.

Phòng Thí Nghiệm Địa Cơ: Trong những năm đầu tiên, Sinh viên lớp Cao đẳng đệ III và Sinh viên lớp Trung Đẳng đệ II đều phải đi thực tập về Địa cơ tại Phòng Thí nghiệm Sức chịu Vật liệu của Bộ Công Chánh bên Phú An. Năm 1963 do sự tài trợ của UNESCO, Phòng Thí nghiệm Địa cơ đã được xây cất ở phía sau Trường Công Chánh. Phòng được nối liền với Trường bằng một hành lang, phía sau Phòng Thực Tập Địa Hình. Phòng được trang bị bằng những dụng cụ và máy móc để định cỡ hạt đất, giới hạn dẻo,... máy Proctor, máy nén dần... Năm 1964, Phòng bắt đầu hoạt động cho Sinh viên thực tập.

Sau năm 1964, một số Phòng Thí Nghiệm khác đã được xây cất thêm và đặt dưới quyền xử dụng của Trường Cao Đẳng Công Chánh. Đó là các Phòng Thí nghiệm Sức chịu Vật liệu (1965), Phòng Thí nghiệm Nhựa Đường (1966), và Phòng Thí nghiệm Thủy lợi (1970).

Phòng Thí Nghiệm Sức Chịu Vật Liệu: Phòng được xây cất năm 1965 phía sau lưng của Trường Công Chánh và phía tay mặt của Cơ Xưởng Trường Kỹ sư Công Nghệ. Phòng có trang bị những máy kéo dãn, máy ép, máy thử độ cứng Brinell, máy thử sức chịu nén... Ngân quỹ dùng để xây cất và trang bị dụng cụ do cơ quan UNESCO tài trợ. Phòng Thí Nghiệm Sức chịu Vật liệu được xử dụng chung cho Sinh viên của hai Trường Công Chánh và Công Nghệ.

Phòng Thí Nghiệm Nhựa Đường: Phòng

được xây cất tiếp nối với Phòng Thí nghiệm Địa cơ, hoàn thành năm 1966. Phòng được trang bị với những dụng cụ để định độ nhớt, độ dẻo, độ cứng... của nhựa, máy thử sức chịu nén Veams, máy nén ba chiều Marshall, v.v... Phòng Thí nghiệm và các trang bị trong phòng đều được cơ quan UNESCO tài trợ. Phòng được dùng làm nơi thực tập và làm đồ án cho Sinh viên ban Địa cơ và Đường lộ.

Phòng Thí Nghiệm Thủy Lợi: Phòng được xây cất phía sau lưng Trường Công Nghệ và Trường Hàng Hải. Phòng được trang bị với hai kênh dẫn và tháo nước dùng để trình diễn những trạng thái chảy của nước hay chất lỏng, hiện tượng sóng và cuông lưu của nước khi chảy qua những đập tràn v.v... Phòng khởi sự được xây cất từ năm 1968 nhưng mãi tới năm 1970 mới bắt đầu hoạt động để cho Sinh viên thực tập. Ngân sách tài trợ cho việc xây cất và trang bị phòng cũng do cơ quan UNESCO đài thọ.

Thư Viện: Thư viện của Trường Công Chánh cũng là Thư viện Trung Tâm có khoảng trên 1000 cuốn sách, đa số đều là sách giáo khoa viết bằng tiếng Pháp về Toán, Vật lý, Hóa học, một số về Kỹ thuật như về Công Chánh, Thủy lợi, Điện, Cơ khí v.v... Những sách này thường được các Sinh viên tham khảo để hiểu thêm về bài giảng trong lớp, làm thêm bài tập hay sửa soạn học thi những chứng chỉ bên Đại học Khoa học. Những sách Kỹ thuật về Cầu, Đường, Thủy lợi tương đối hiếm nhưng rất được nhiều Sinh viên tham khảo để làm Đồ án về Cầu, Đường v.v... Sau năm 1964, Thư viện cũng được trang bị một số sách giáo khoa viết bằng tiếng Anh gửi từ Mỹ về do các Đại học Berkerley, UCLA, Long Beach...

PHÒNG CHUYÊN VIÊN VÀ NHỮNG NHÂN VIÊN GIẢNG HUẤN CƠ HỮU BAN ĐẦU

Phòng Chuyên viên thuộc Trung tâm đặt tại Trường Công Chánh ngay khi mới thành lập là để giúp cho Giám đốc Trung Tâm trong vấn đề học vụ của cả 3 Trường Công Chánh, Điện, và Công Nghệ, nhất là về chương trình và nội dung các môn học. Ngay từ đầu, Trưởng Ban Chuyên viên là Kỹ sư Nguyễn Chánh đã làm việc tại đây để lo thiết lập chương trình 4 năm liên tục cho Ban Kỹ sư Công chánh, Địa chánh của Trường Công Chánh và các Trường khác, sửa sang và sắp đặt các môn học cho các lớp Kỹ sư thuộc 2 năm đầu chung cho cả ba trường, đồng thời chọn lựa và liên lạc mời những Giáo sư thỉnh giảng từ các cơ quan bên ngoài vào dạy tại trường Công Chánh. Theo lời Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc thì Kỹ sư Nguyễn Chánh đã có công rất nhiều trong sự thiết lập chương trình chung về Toán và Khoa học của 2 năm đầu Ban Kỹ sư thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. Phòng chuyên viên sau đó đã quy tụ được những nhân viên giảng huấn cơ hữu kỳ cựu của Trung Tâm : Dương Hải Đường, Nguyễn Đoàn Phi, Võ Đức Diễn, Võ Thế Hào, Nguyễn Trọng Ba, Nguyễn Thượng Khang v.v... mà sau này đa số đều là những nhân viên Giảng huấn của Trường Khoa học Cơ Bản.

THÀNH PHẦN BAN GIẢNG HUẤN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

Ban Giảng huấn Trường Công Chánh cũng như các trường khác gồm các Giáo sư Thỉnh giảng và các Giáo sư Cơ hữu.

Trong giai đoạn đầu, Trường Công Chánh hầu như chỉ có hai Giáo sư cơ hữu là Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc, và Kỹ sư Nguyễn Chánh. Do đó Trường phải mời các **Giáo sư thỉnh giảng** chọn lựa trong số các Kỹ sư đã tốt nghiệp từ các trường danh tiếng bên Pháp như Bách Khoa, Kiều Lộ, Hầm Mỏ, Cao Đẳng Điện Học v.v... hay những giáo sư có học vị cao như Cử nhân, Tiến sĩ, Bác sĩ... bên Đại học Khoa học, Đại học Luật khoa... Đa số

các vị này đều có chức vụ quan trọng trong các cơ quan chính quyền... Điều này có cái lợi cho Sinh viên là họ có dịp quen biết với các người có chức năng mà sau này khi ra trường họ có thể làm việc chung, do đó việc học hỏi và tập sự sẽ có phần dễ dàng và đạt được nhiều kết quả hơn.

Về sau, để có một ban **Giảng huấn cơ hữu** thường trực, Trung Tâm và các Trường đã lập một chương trình tuyển chọn một số Kỹ sư mới tốt nghiệp cho đi du học ngoại quốc để sau này trở về làm giảng viên cho Trường và Trung tâm. Vì ngân sách quốc gia dành cho Bộ Giáo Dục khi đó rất eo hẹp, nên các học bổng du học ở cấp Đại học do ngân sách quốc gia đài thọ rất hiếm. Đa số những học bổng hậu Đại học thường do các cơ quan văn hóa ngoại quốc như Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Thụy Sĩ... viện trợ. Thông thường những học bổng dài hạn 2 năm hoặc 4 năm là do cơ quan USAID của Hoa Kỳ trợ giúp và những học bổng ngắn hạn khoảng 6 tháng hay 1 năm là do các quốc gia Âu châu tài trợ qua cơ quan UNESCO. Nơi du học lấy cấp bằng Cao học hay Tiến sĩ thường là Hoa Kỳ và nơi tu nghiệp lấy chứng chỉ chuyên môn thường là các nước bên Âu châu.

Năm 1962 Trung Tâm đã cử một số Kỹ sư mới tốt nghiệp thuộc các Trường Công Chánh, Điện, và Công Nghệ đi Mỹ để lấy Cao học. Từ đó hàng năm các Trường vẫn chọn lựa một số tân Kỹ sư của các khóa sau vào làm Nhân viên Giảng huấn với tư cách Giảng nghiệm viên để lần lượt cử đi du học hay tu nghiệp. Trong suốt thời gian từ năm 1962 đến năm 1974, Trường Công Chánh cũng như các Trường khác trong Trung Tâm, qua học bổng USAID đã đào tạo được một số đáng kể những nhân viên Giảng huấn có bằng Cao học hay Tiến sĩ. Một số lớn các Giảng viên này đã trở về phục vụ đất nước sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra còn có một số vị có bằng Cao học hay Tiến sĩ tốt nghiệp ở ngoại quốc do sự tự túc hay có học bổng của những cơ quan khác cũng trở về ứng tuyển

làm Giảng viên cơ hữu tại các Trường và Trung Tâm.

VẤN ĐỀ CHUYỂN NGỮ

Chuyển ngữ được dùng trong giai đoạn đầu là tiếng Pháp. Do đó sự giảng dạy của các thầy thỉnh giảng người Pháp hay các thầy tốt nghiệp tại Pháp rất được dễ dàng và thuận tiện. Đối với các thầy không quen dùng tiếng Pháp thì tiếng Việt dùng để giảng dạy cũng không gặp mấy khó khăn ngoại trừ một số danh từ chuyên môn, có thể vẫn dùng nguyên chữ Pháp hay tạm dịch ra tiếng Việt. Khoảng thời gian từ 1957 đến 1964, trình độ tiếng Pháp của Sinh viên còn khá vững vàng, vì khi thi vào trường cũng có sự sát hạch về sinh ngữ như Anh hay Pháp ngữ, nên việc ghi chép bài vở đều được chu toàn.

Sau năm 1964 Trường Công Chánh cũng như các Trường trong Trung Tâm và các Đại học khác bắt đầu dùng chuyển ngữ bằng tiếng Việt nên việc ghi chép bài vở của Sinh viên có phần được dễ dàng hơn. Tuy nhiên một số Sinh viên vẫn chịu khó tham khảo các sách giáo khoa viết bằng Pháp ngữ hay Anh ngữ để học hỏi thêm hoặc để làm các đồ án cuối năm.

SỰ TUYỂN LỰA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Nghị định số 599 - GD / ND ngày 21 - 04 - 1959 đã ấn định thời hạn học, điều kiện nhập học thể lệ các kỳ thi nhập học, lên lớp và mãn khóa.

Nhiệm vụ của Trường Cao Đẳng Công Chánh là huấn luyện và đào tạo những Kỹ sư và Cán sự Chuyên môn cho ngành Công chánh và Địa chánh để phục vụ công việc xây dựng và phát triển đất nước.

Trường Công Chánh sau khi sát nhập Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ vẫn giữ nguyên nhiệm vụ cũ là đào tạo những

Kỹ sư và Cán sự Ban Công chánh và Địa chánh. Tuy trực thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục nhưng hàng năm Trường vẫn hội ý với Bộ Công chánh về sĩ số tuyển lựa Sinh viên. Do đó các thông báo và các quyết định về số Sinh viên dự tuyển hàng năm đều do Bộ Giáo Dục ban hành.

Bộ Giáo Dục trước mỗi mùa thi thường ra thông báo tuyển lựa Sinh viên vào các Trường thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ. Trường Công Chánh thường tuyển: Cho Ban Kỹ sư:

20 Sinh viên chuyên ngành Công chánh.

5 Sinh viên chuyên ngành Địa chánh.

Cho Ban Cán sự:

30 Sinh viên chuyên ngành Công chánh.

10 Sinh viên chuyên ngành Địa chánh.

Trình độ thi tuyển cho Sinh viên Ban Kỹ sư là trình độ chuyên khoa Toán hay Kỹ thuật của chương trình Tú tài II. Trình độ thi tuyển cho Sinh viên Ban Cán sự là trình độ Trung học Phổ thông hay Tú tài I. Về điều kiện thi tuyển vào trường và các chi tiết khác xin coi ở đoạn sau nói về Thành phần Sinh viên.

Trình độ và điều kiện thi tuyển không có gì khác biệt giữa hai ngành Công chánh và Địa chánh, nghĩa là bằng Tú tài II Toán hay Kỹ thuật cho Ban Kỹ sư, bằng Trung học Phổ thông hay Tú tài I cho Ban Cán sự.

* Về phương diện đào tạo, sinh viên ban Kỹ Sư trong 2 năm đầu học rất nhiều về Toán và Khoa học thuộc 2 năm đầu chứng chỉ Cử Nhân Khoa học và Toán như: Tân Đại số, Giải tích, Tính vi Tích phân, Cơ học Thuần lý, Hình học Giải tích, Điện học, Nhiệt động lực học, Quang học, Hóa học Vô cơ và Hữu cơ. Ngoài ra còn có các môn căn bản về Kỹ thuật như: Kỹ thuật học, Sức chịu vật liệu, Thực tập Cơ Xưởng, và Vẽ Kỹ nghệ. Trong 2 năm này, sinh viên cũng được bổ túc về Anh ngữ và Pháp ngữ.

Hai năm sau, chương trình giảng dạy hướng về chuyên môn hơn:

- Ban Công Chánh, sinh viên học về: Địa hình, Sức chịu vật liệu, Kiến tạo Giải tích, Béton cốt Sắt, Kiến tạo Thép, Cầu, Đường, Địa cơ, Nền móng, Thủy Nông, Cấp thủy, Hải cảng, Phi trường, Thiết kế Đô thị, Kiến trúc, Quản trị Xí nghiệp. Về thực hành còn có: Thực tập Địa hình, Thực tập Địa cơ, làm Đồ án Cầu, Đường, Kim khí tạo tác, Kiến trúc.

- Ban Địa Chánh, sinh viên học về: Địa hình, Lượng giác cầu, Địa cơ, Đường, Thủy Nông, Trắc cầu, Thiên văn học vị trí, Không Ảnh, Dân luật, Luật lệ Cải Cách Điền Địa, Luật Điền Thổ, Quản thủ Địa Bộ, Thiết kế Đô thị, Kiến trúc, Quản trị Xí nghiệp. Về Thực hành sinh viên phải Thực tập Địa hình, Thực tập Không Ảnh, làm Đồ án Đường, Tam giác đạc, Không Ảnh, Kiến trúc.

* Đối với Ban Cán Sự, theo chế độ học 3 năm lúc đầu với bằng Trung Học Phổ Thông và chứng chỉ học lớp Đệ Tam, hay Tú Tài I, thì năm đầu sinh viên được trang bị thêm một số căn bản về Toán, Lý Hóa thuộc chương trình Tú Tài I và Tú Tài II với các môn học như: Quang học, Điện học, Cơ học, Thiên văn học,... Ngoài ra họ cũng được học thêm các môn căn bản về Kỹ thuật như: Kỹ thuật học, Địa chất học, Thực tập Vật lý, Thực tập Hóa học, Viếng Công trường.

Hai năm sau, sinh viên học thêm về Hình học Giải tích, Toán vi tích phân và các môn chuyên biệt tùy theo ban:

- Ban Công Chánh học: Địa hình, Sức chịu vật liệu, Béton cốt Sắt, Kiến tạo Thép, Địa cơ, Đường, Thủy Nông, Hải cảng, Phi trường, Thực tập Địa hình, Địa cơ, làm Đồ án Đường, Kiến trúc.

- Ban Địa Chánh học: Địa hình, Sức chịu vật liệu, Trắc địa, Đường, Thủy Nông, Không Ảnh, Dân luật, Luật lệ Cải Cách Điền Địa, Luật Điền Thổ, Quản thủ Địa Bộ, Thực tập Địa hình, Địa cơ, làm Đồ án Đường, Kiến trúc.

Năm 1968 khi chương trình học được rút gọn lại còn hai năm thì năm thứ nhất,

sinh viên được học ở học kỳ đầu các môn căn bản về kỹ thuật như: Kỹ thuật học, Vẽ Kỹ nghệ, Toán vi tích phân, Hình học giải tích, các học kỳ sau học những môn chuyên ngành của hai năm chót như đã nói ở trên trong chương trình học 3 năm cũ.

THÀNH PHẦN SINH VIÊN

Trường Công Chánh cũng như các Trường trong Trung Tâm (Ngoại trừ Trường Việt Nam Hàng Hải) đều có cùng một quy chế về tổ chức và học vụ là Trường nào cũng có hai Ban là Ban Cán sự và Ban Kỹ sư. Do đó tại Trường Công Chánh thành phần Sinh viên gồm có:

Sinh viên Ban Cán sự: được tuyển vào Trường sau một kỳ thi tuyển toàn quốc (concours) mà trường thi thường chỉ mở tại 2 nơi là Huế và Sài Gòn, mỗi năm một lần. Trong những năm đầu từ khi thành lập Trung Tâm 1957, thí sinh phải có bằng Trung học Phổ thông hay Kỹ thuật và có Chứng chỉ học lớp Đệ Tam, tuổi từ 16 đến 23. Nơi thi tuyển thường được mở tại Huế và Sài Gòn. Thí sinh phải thi 3 môn là Toán, Lý Hóa và Vẽ Kỹ thuật, trình độ Trung học. Thời gian học là 3 năm. Mùa Hè phải đi tập sự 3 tháng tại các Nha Sở hay Ty Công chánh địa phương. Điểm trung bình để lên lớp cho 2 năm đầu là 12. Điểm trung bình cho toàn khóa phải là 12 hoặc trên 12 mới được tốt nghiệp và cấp phát văn bằng. Dưới điểm này Sinh viên được cấp Chứng chỉ cựu sinh viên. Văn bằng tốt nghiệp gọi là Bằng Cán sự Chuyên môn Công chánh hay Địa chánh.

Năm 1967, sau khi Bộ Quốc Gia Giáo dục hủy bỏ kỳ thi Trung học Phổ thông thì thí sinh phải có chứng chỉ tốt nghiệp Tú tài I mới hội đủ điều kiện để thi vào Trường. Các môn thi vẫn giống như cũ nhưng trình độ cao hơn; thời gian học được giảm bớt xuống còn hai năm. Văn bằng tốt nghiệp vẫn gọi là bằng Cán sự Chuyên môn Công

Chánh hay Địa Chánh như cũ. Niên khóa 1967 - 1968 Trường Công Chánh cũng như các Trường khác có 2 lớp Trung Đẳng Đệ I niên (Quy chế 2 năm) và Đệ II niên (Quy chế 3 năm) học song song với nhau cùng một chương trình. Niên khóa 1968 - 1969 Sinh viên hai lớp này tốt nghiệp cùng một thời gian.

Năm 1973, sau khi kỳ thi Tú tài I được hủy bỏ thì chỉ còn Bằng Tú tài Toàn phần là văn kiện chuẩn để xét định. Do đó để dự thi vào Ban Cán Sự, thí sinh phải có văn bằng Tú tài Toàn phần. Bài thi cũng lấy ở trình độ Tú tài II. Thời gian học vẫn là 2 năm. Sau năm thứ nhất, Sinh viên cũng đi tập sự trong 3 tháng Hè như thường.

Số Sinh viên được tuyển vào Ban Cán Sự hàng năm trong giai đoạn đầu thường là 40 người cho Ban Công Chánh, và 10 người cho Ban Địa Chánh. Về sau vì nhu cầu chuyên viên trong nước, số Sinh viên dự tuyển cũng tăng lên tới 50 người cho Ban Công Chánh và 15 người cho Ban Địa Chánh.

Sinh Viên Ban Kỹ Sư: được tuyển vào trường do một kỳ thi tuyển hàng năm vào mỗi tháng 5 hay tháng 6 sau kỳ thi Tú tài II. Để được dự thi vào Ban Kỹ Sư trường Công Chánh, thí sinh phải có Bằng Tú tài II ban Toán hay Kỹ thuật, tuổi từ 17 đến 26. Nơi thi thường chỉ được mở tại 2 địa điểm là Huế và Sài Gòn. Các môn thi gồm có Toán, Lý Hóa và Kỹ nghệ họa. Sau khi thi đậu vào trường, Sinh viên phải học chung hai năm đầu với Sinh viên các trường khác trong Trung Tâm để đạt trình độ 2 năm đầu của bằng Cử nhân Toán hay Lý hóa. Cuối mỗi năm đều có kỳ thi lên lớp. Hai năm sau Sinh viên học chuyên ngành về Công Chánh hay Địa Chánh tùy theo Ban mình đã chọn. Mỗi 3 tháng Hè, Sinh viên đều phải tập sự tại một cơ quan thuộc Bộ Công Chánh hay thuộc Tổng nha Điền địa. Điểm trung bình để lên lớp cho 2 năm đầu là 12, cho 2 năm chót là 14. Điểm trung bình cho toàn khóa 4

năm học phải là 14 hoặc trên 14 mới được cấp phát văn bằng; dưới số điểm này Sinh viên chỉ được cấp chứng chỉ cựu sinh viên. Văn bằng tốt nghiệp gọi là Bằng Kỹ Sư Công Chánh hay Địa Chánh.

Số Sinh viên được tuyển vào Ban Kỹ Sư hàng năm trong giai đoạn đầu thường là 20 tới 25 người cho Ban Công Chánh, và 5 người cho Ban Địa Chánh. Về sau vì nhu cầu trong nước, số Sinh viên dự tuyển cũng đã tăng lên tới 50 người cho Ban Công Chánh và 10 người cho Ban Địa Chánh.

Sinh Viên Quân Nhân: Trong khoảng thập niên 60, do nhu cầu chuyên viên kỹ thuật cho Binh chủng Công binh, liên Bộ Giáo dục và Bộ Quốc Phòng đã chấp nhận hàng năm có thể cho Trường Cao Đẳng Công Chánh, Điện và Công nghệ nhận một số 4 - 5 Sinh viên Sĩ quan cấp bậc từ Thiếu úy tới Thiếu tá thuộc Binh chủng Công binh có bằng Tú tài II qua học tại trường Công Chánh để có thêm những khả năng chuyên môn về Cầu, Đường, Xây dựng, Điện và Cơ khí v.v... Những Sinh viên này cũng phải học và thi như các Sinh viên thường khác. Điểm khác biệt là họ không phải thi tuyển vào Trường mà là do sự giới thiệu của Cục Công binh, Bộ Quốc Phòng. Khi thi ra trường họ được sắp hạng riêng.

Sinh Viên Ban Nông Sơn: Khoảng hai năm 1966 và 1967, do chỉ thị của Bộ, Trường có nhận mỗi năm khoảng 8 Sinh viên được Khu Kỹ nghệ An Hòa Nông sơn tuyển chọn và gửi đến để đào tạo giúp thành nhân viên Kỹ sư của Khu. Những Sinh viên này được học chung với các Sinh viên Ban Công Chánh và được gọi là Sinh viên ban Nông sơn. Ban Nông sơn chỉ tồn tại trong hai năm và Sinh viên tốt nghiệp được sắp hạng riêng.

VĂN BẰNG KỸ SƯ VÀ CÁN SỰ CÔNG CHÁNH VÀ ĐỊA CHÁNH

Sau khi Trường Công Chánh dời về Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, Sinh viên các khóa tốt nghiệp Kỹ sư và Cán sự các năm 1958, 1959 và 1960 đều đã lãnh Văn bằng tốt nghiệp do Giám đốc Trung Tâm ký trình và Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục ký duyệt. Các Sinh viên tốt nghiệp các khóa từ 1961 trở về sau cho tới nay chỉ có Chứng chỉ Tốt nghiệp do Giám đốc Trường ký. Văn bằng tốt nghiệp đã không thực hiện và cấp phát được, lý do như sau:

Năm 1965, các Văn bằng của các khóa tốt nghiệp các năm 1961, 1962... 1964 đã được Giám đốc Trường và Giám đốc Trung Tâm ký và đệ trình lên Bộ để duyệt, nhưng đã không được Tổng trưởng Giáo dục ký kịp thời trước khi Nội các sụp đổ. Vị Tổng trưởng kế tiếp không thể ký thay vì các tham chiếu về chức chương và thành phần chính phủ v.v... đã hoàn toàn khác hẳn. Thời gian này các chính phủ lại thay đổi luôn luôn nên việc làm lại các Văn bằng với các tham chiếu liên hệ để trình lên Bộ không giữ được thời gian tính. Mặt khác tình hình chính trị trong nước không được ổn định và ngân sách của Trung Tâm cũng eo hẹp để in và làm lại Văn bằng khác nên vấn đề lập Văn bằng tốt nghiệp cho các khóa ngày càng khó khăn. Đối với người Kỹ sư hay Cán sự đã tốt nghiệp, Chứng chỉ tốt nghiệp do Giám đốc Trường ký cũng đủ giá trị để xin việc làm hay xin du học vì danh sách Sinh viên Tốt nghiệp hàng năm đều được trình lên Bộ Giáo Dục và đều được đăng vào Công báo Việt Nam Cộng Hòa. Do đó sự cấp thiết của Văn bằng Tốt nghiệp không được mấy ai quan tâm tới nữa.

HỌC BỔNG CHO SINH VIÊN

Khi trước tất cả các Sinh viên của Trường sau khi trúng tuyển nhập học đều được hưởng một số hiện kim hàng tháng mà ta thường gọi là học bổng và việc chọn lựa Ban Công Chánh hay Địa Chánh cũng theo

một lễ lối nào đó do nhà Trường quyết định.

Sau năm 1957, Sinh viên theo học Trường Công Chánh không phải ai cũng được hưởng học bổng như trước. Hàng năm Bộ Công Chánh chỉ cấp 3 học bổng cho 3 Sinh viên đầu đầu cho Ban Kỹ Sư và 5 Sinh viên đầu đầu Ban Cán Sự. Mặt khác khi đó vì quốc sách Cải cách Điền địa, Tổng nha Điền địa hàng năm cũng cấp 5 học bổng cho Sinh viên Ban Kỹ sư và 10 học bổng cho Sinh viên Ban Cán Sự. Để được hưởng học bổng của Bộ Công Chánh hay của Tổng nha Cải cách Điền địa, Sinh viên phải làm tờ cam kết sẽ làm việc cho các cơ quan này tối thiểu 10 năm sau khi ra trường. Ngoài ra cũng có một số khoảng 5 học bổng tư nhân dành cho mỗi Ban Kỹ Sư và Ban Cán Sự. Những học bổng này thường do các hãng Xăng Dầu hay các Công Kỹ Nghệ tư trợ giúp dưới hình thức cho vay có hoàn trả, sau khi Sinh viên tốt nghiệp. Cuối cùng, Bộ Quốc Gia Giáo Dục cũng cấp phát một số học bổng cho những Sinh viên nghèo. Học bổng của Bộ Công Chánh, Tổng Nha Điền Địa, và của Tư nhân thường là 1,500 đồng một tháng; học bổng của Bộ Giáo Dục thường là 700 hoặc 350 đồng một tháng.

Vấn đề thứ hạng khi thi nhập học và hoàn cảnh gia đình thường là một trong những tiêu chuẩn quan trọng trong việc xét đơn cấp học bổng của Trường.

CƯ XÁ VÀ ĐỜI SỐNG SINH VIÊN

Trong thời gian đầu Trường Công Chánh và các Trường khác trong Trung Tâm không có cư xá cho Sinh viên sống xa nhà. Do đó Sinh viên thường phải tự lo vấn đề ăn ở. Đối với một số Sinh viên có nhà cửa ngay tại Sài Gòn, họ không có khó khăn gì trong việc ăn học, nhưng đối với các Sinh viên sống xa nhà họ phải kiếm nơi trọ học ở gần trường cho tiện việc di chuyển. Phương tiện di chuyển thường là xe đạp hoặc xe gắn máy, xe buýt hoặc xe Lam (chữ tắt để chỉ xe

Lambretta 3 bánh chuyên chở hành khách công cộng), rất ít người có xe hơi. Một số không nhỏ Sinh viên nghèo không có phương tiện và tiền bạc đã phải thuê chỗ ngủ và ăn cơm tháng tại nhà các nhân viên canh giữ trường. Đại học xá Minh Mạng khi đó chỉ nhận những Sinh viên thuộc viện Đại học Sài Gòn. Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ không nằm trong viện Đại học nên đơn của Sinh viên thuộc Trung Tâm không được cứu xét. Tuy nhiên cũng có một số Sinh viên Trung Tâm cũng ở được tại Đại học xá Minh Mạng vì họ đã ghi danh học những chứng chỉ ở trường Đại học Khoa học, Luật khoa hay Văn khoa để có thể nộp đơn. Mãi tới năm 1964, một cư xá khoảng 200 chỗ cho Sinh viên Trung Tâm mới được xây cất tại Trung Tâm do đề nghị của Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc khi đó làm Tổng trưởng Bộ Công Chánh đệ trình lên Nội các. Cư xá đã bắt đầu hoạt động từ năm 1965 để tuyển nhận Sinh viên xin cư trú.

KHẢ NĂNG VÀ QUYỀN LỢI SINH VIÊN KHI RA TRƯỜNG

Về khả năng và quyền lợi, người Kỹ Sư Công Chánh hay Địa Chánh mới tốt nghiệp được xác định trong Quy chế ngạch Phó Kỹ Sư và Kỹ Sư Công Chánh hay Quy chế ngạch Phó Kỹ sư và Kỹ sư Địa Chánh Việt Nam. Quy chế này có từ thời Pháp thuộc, có tính cách kỳ thị giữa người Kỹ Sư Công Chánh hay Địa Chánh tốt nghiệp trong nước với các người Kỹ Sư tốt nghiệp ở ngoại quốc. Do đó bằng cấp thì là Kỹ Sư mà nhập ngạch là Phó Kỹ Sư. Theo Quy chế này, một Sinh viên mới tốt nghiệp ra làm việc cho một cơ quan nhà nước sẽ được hưởng chỉ số lương 470. Chỉ số cao nhất trong ngạch này là 1000. Tùy theo khả năng và thâm niên công vụ họ có thể được bổ nhiệm Trưởng ty Công Chánh hay Địa Chánh ở các tỉnh hay Chủ sự phòng Kỹ thuật ở Trung ương.

Về khả năng và quyền lợi, người Cán

sự mới tốt nghiệp, được xác nhận trong Quy chế ngạch Cán Sự Công Chánh hay Quy chế ngạch Cán Sự Địa Chánh Việt Nam. Họ được coi là những chuyên viên kỹ thuật có khả năng để trông coi các công tác xây cất tại công trường hay cứu xét các hồ sơ tại Văn phòng. Nếu ra làm việc cho các cơ quan nhà nước họ sẽ được hưởng chỉ số lương 350 trong Quy chế ngạch. Chỉ số cao nhất trong ngạch là 800. Tùy theo khả năng và thâm niên công vụ họ có thể được bổ nhiệm làm Phó Trưởng ty hay Trưởng chi Công Chánh hay Địa Chánh tại các Tỉnh hoặc Trưởng ban Hành chánh hay Chuyên môn tại Trung ương.

Năm 1964 lương của một Kỹ Sư mới ra trường chỉ số 470 được khoảng 6,000 đồng và lương của một Cán Sự mới tốt nghiệp chỉ số 350 được khoảng 5,200 đồng. Khi đó giá mua một lượng vàng y là 6,400 đồng.

NHỮNG BIẾN CHUYỂN LỚN ĐÁNG GHI NHẬN

Trong suốt thời gian từ 1957 đến 1975, một số các biến chuyển đáng được ghi nhận gồm có cả bên trong lẫn bên ngoài Trường.

Cuộc Chính Biến Năm 1963

Từ khi thành lập Trung Tâm năm 1957 đến năm 1963, các sinh hoạt trong và ngoài Trường Công Chánh đều được bình thường.

Tháng 08 năm 1963, do sự xung đột giữa Phong trào Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm, sau cuộc khám xét và bắt các sư sãi tại chùa Xá Lợi và một vài chùa khác, Sinh viên Trường Công Chánh đã đứng lên đòi bãi khóa và tham gia vào các cuộc biểu tình chống đối v.v... và cuối cùng là sự sụp đổ của chế độ Đệ nhất Cộng Hòa. Các biến động chính trị sau đó đã xảy ra liên tiếp khiến cho sinh hoạt và phát triển của Trung Tâm cũng như Trường Công Chánh bị ảnh hưởng rất nhiều. Tháng 04 năm 1964, Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc được Thủ tướng Trần Văn

Hương mời tham gia Nội các với chức Tổng trưởng Giao thông và Công chánh, Kỹ sư Nguyễn Chánh lên thay làm Giám đốc Trung Tâm kiêm Giám đốc Trường.

Cải Tổ Trung Tâm Lần Thứ Nhất 1964: Dự Án Chỉ Là Dự Án

Sau một thời gian 8 năm làm Trưởng ban Chuyên viên tại Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, Kỹ sư Nguyễn Chánh sau khi lên làm Giám đốc Trung Tâm, khoảng đầu năm 1965 đã triệu tập một Đại hội các Giáo chức cơ hữu và thỉnh giảng để thảo luận và đệ trình một Dự án Cải tổ Trung Tâm trong đó có những điểm chính như sau:

1. Chuyển hóa Trung Tâm thành một Viện lấy tên là Viện Quốc Gia Kỹ Thuật. Viện sẽ có tư cách tự trị nhiều về Hành chánh và Tài chánh.
2. Viện sẽ gồm các Trường Cao Đẳng hiện hữu là Công Chánh, Công Nghệ, Điện Học, Hóa Học và một Trường gọi là Khoa Học Cơ Bản, chuyên lo phụ trách giảng dạy 2 năm đầu của ban Kỹ sư.
3. Các Trường sẽ được gọi là Khoa như Khoa Cơ Bản, Khoa Công Chánh, Khoa Điện, Khoa Hóa v.v...
4. Viện và các Khoa có thể nhận những công tác, dịch vụ, nghiên cứu với các cơ quan bên ngoài hoặc các trường Đại học ngoại quốc để có tiền trang bị máy móc, phòng thí nghiệm...
5. Ngoài ra còn có những đề nghị về đào tạo giảng viên, soạn thảo danh từ, dự tuyển Sinh viên..

Đề nghị được trình lên Bộ Quốc Gia Giáo Dục để cứu xét. Tuy nhiên trong giai đoạn này, tình hình chính trị ở miền Nam Việt Nam không được ổn định, các chính phủ thay đổi liên tiếp. Do đó Dự án Cải tổ Trung Tâm bị rơi vào quên lãng.

Phái Đoàn Đại Học Missouri 1964

Khoảng năm 1964, Đại học Missouri, Rolla (UMR) có ký kết với cơ quan USAID một kế ước gửi một phái đoàn Giáo sư qua Việt Nam để nghiên cứu việc phát triển Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, lập kế hoạch đào tạo nhân viên Giảng huấn cho các Trường và chuẩn bị nâng Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật lên thành một Viện Đại học Kỹ thuật của miền Nam Việt Nam. Phái đoàn đặt Văn phòng tại Trường Công Chánh đã làm việc với các cơ quan là Bộ Giáo Dục, các Trường, và cơ quan Viện trợ USAID để giới thiệu các Sinh viên du học và để tìm cách phát triển Trung Tâm lên thành một Viện Đại Học Kỹ Thuật. Phái đoàn đã tham gia và theo dõi công tác xây cất thêm Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức và làm liên lạc giữa Bộ Giáo Dục và USAID để đưa một số các giảng viên cơ hữu thuộc các Trường trong Trung Tâm qua du học tại Đại học Missouri, Rolla. Hoa Kỳ.

Một cải tổ về Học Vụ Tại Trường Công Chánh 1965

Năm 1965 sau khi Kỹ sư Nguyễn Chánh từ nhiệm, Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc trở về làm Giám đốc Trung Tâm lại và Kỹ sư Nguyễn Thanh Toàn làm xử lý thường vụ Giám đốc Trường Công Chánh. Thời gian này Trường Cao Đẳng Công Chánh có sự sửa đổi học chế cũ là chia niên học ra làm 2 học kỳ. Mỗi học kỳ kéo dài trong 15 hay 16 tuần lễ. Các môn học cũng được chia làm môn học bán niên (30 giờ hay 45 giờ) hoặc môn học toàn niên (60 giờ hay 90 giờ). Đây là một sự canh tân khá hợp lý, nhờ vậy Sinh viên có thể hoàn tất một môn học trong một thời gian ngắn, và giảm bớt được một số giờ tại trường, nhưng tiếc một điều là trong khoảng thời gian này, sự biến động chính trị bên ngoài đã khiến cho sự thực hiện chương trình bị xáo trộn không thể đúng được như dự trù.

Sự Hủy Bỏ Kỳ Thi Trung Học Phổ Thông 1967

Ngày 26 tháng 07 năm 1965, tại Sài Gòn một Đại hội Cải tiến các Chương trình Trung học và Tiểu học đã được tổ chức với hơn 200 giáo chức tham dự. (Xin xem “20 năm qua, việc từng ngày” của Đoàn Thêm). Tại Hội nghị này, vấn đề tổ chức các kỳ thi Trung học Phổ thông đã được thảo luận và đưa tới quyết định là hủy bỏ kỳ thi Trung học Phổ thông năm 1967. Không rõ số thí sinh dự thi Trung học Phổ thông năm này là bao nhiêu nhưng số thí sinh thi Tú tài 1 khóa ngày 08 tháng 07 năm 1965 đã lên tới 54,237 người và số thí sinh thi Tú tài 2 khóa ngày 23 tháng 06 năm 1965 là 17,841 người. Điều này chứng tỏ là việc tổ chức các kỳ thi Trung học rất khó khăn và tốn kém vì số thí sinh quá đông đảo. Do đó năm 1966 là năm cuối cùng cho kỳ thi Trung học Phổ thông. Năm 1967 tại trường Công Chánh cũng như các trường khác, chương trình học 2 năm cho ban Cán sự Công chánh và Địa chánh bắt đầu áp dụng.

Ngày 12 tháng 07 năm 1969, lễ mãn khóa các trường trong Trung Tâm được tổ chức với một Niên Giám giới thiệu đầy đủ các Trường trong Trung Tâm, Ban Giám đốc, Ban Giảng huấn, và Danh sách các Kỹ sư, Cán sự mới tốt nghiệp. Đặc biệt năm này có 2 khóa Cán sự (chế độ 3 năm, và chế độ 2 năm) cùng tốt nghiệp một lần.

Biến Cố Tết Mậu Thân 1968

Đầu năm 1968, trước Tết Mậu Thân, một Phong trào Hòa bình kêu gọi một số Giáo chức, Sinh viên tại các Trường Đại học như Khoa học, Nông Lâm Súc, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ... tham gia ký vào bản kiến nghị yêu cầu chính quyền kéo dài ngưng chiến. Nhưng ngay sau Tết, những cuộc tấn công vào Sài Gòn và các tỉnh đã làm mọi người thức tỉnh và nhận

thấy rõ âm mưu của những người cầm đầu phong trào.

Ngày 31 tháng 01 năm 1968, biến cố Tết Mậu Thân đã đưa chiến tranh về ngay tại Sài Gòn và khắp các thành phố trên toàn quốc. Các trường học phải đóng cửa. Ngày 04 tháng 03 năm 1968 Bộ Giáo Dục kêu gọi các Giáo chức từ 18 đến 45 tuổi theo học huấn luyện quân sự. Ngày 11 tháng 03 năm 1968, Sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng phải học lớp huấn luyện quân sự 15 ngày. Ngày 20 tháng 05 năm 1968 Sài Gòn bị tấn công đợt hai. Các trường học lại đóng cửa. Sinh viên Đại học và Cao đẳng được điều động đi canh gác từ Bến Chương Dương tới Chợ Lớn. Tháng 08 năm 1968, Kỹ sư Lê Sĩ Ngạc từ chức Giám đốc Trung Tâm sau 11 năm phục vụ. Tiến sĩ Bùi Tiến Rững, đương kim Giám đốc Trường Quốc Gia Kỹ sư Công Nghệ kiêm nhiệm Xử lý thường vụ Giám đốc Trung tâm.

Đầu năm 1969, do quyết định của liên Bộ Giáo Dục và Quốc Phòng, các Sinh viên phải học chương trình Quân sự Học đường hàng tuần cho tới cuối niên học, và tháng 11 năm 1969, các Giáo chức Đại học cũng như Cao đẳng đều phải dự khóa học quân sự 9 tuần tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung.

Đầu năm 1970, Tiến sĩ Bùi Tiến Rững từ nhiệm. Tiến sĩ Phan Ngọc Thế, thế theo lời yêu cầu của Thứ trưởng Giáo dục Đặc trách Kỹ thuật Trần Lưu Cung, nhận lãnh chức vụ Xử lý Thường vụ Giám đốc Trung Tâm trong khoảng thời gian 100 ngày để Bộ Giáo Dục có thời giờ tuyển chọn và bổ nhiệm Giám đốc mới. Tháng 05 năm 1971, Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Thịnh đương kim Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Trung Tâm.

Sự Thành Lập Quy Chế Giáo Chức Cao Đẳng Kỹ Thuật 1973

Cuối niên học 1971 - 1972, tại Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật, do sự thảo luận về các ngạch trật trong dự thảo quy chế Giáo chức đã xảy ra sự tranh cãi về các trường lớn trường nhỏ tại Pháp, Mỹ v.v... và về giá trị Văn bằng cấp phát tại các trường và Đại học ngoại quốc Pháp, Anh, Mỹ, Nhật, Úc v.v... Cuối cùng một Quy chế cho các Giáo chức Cao Đẳng Kỹ Thuật đã được ban hành và áp dụng kể từ năm 1973.

Cải Tổ Trung Tâm lần Thứ Nhì 1973: Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật

Khoảng cuối năm 1972, do một chỉ thị của ông Thứ trưởng Giáo dục Đặc trách Kỹ thuật Trần Lưu Cung, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ một lần nữa được cải tổ và đổi tên thành Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ mà cơ cấu tổ chức các Trường như sau:

- Học viện gồm có 5 Trường: Công Chánh, Điện, Công Nghệ, Hóa Học và Hàng Hải.
- Mỗi Trường gồm có hai ban: Ban Kỹ sư và ban Cán sự.
- Ban Cán sự có học trình là 2 năm. Điều kiện tối thiểu để được dự thi là Văn bằng Tú tài 1 Ban Toán hay Kỹ thuật.
- Ban Kỹ sư có học trình là 4 năm. Điều kiện tối thiểu để được dự thi là Văn bằng Tú tài 2 Ban Toán hay Kỹ thuật.

Viện trưởng Học viện Quốc Gia Kỹ Thuật lúc đầu là Tiến sĩ Phạm Hữu Hiệp, và sau đó là Tiến sĩ Đặng Lương Mô. Chức Giám đốc không còn nữa, Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Thịnh được cử đi quan sát các Trường Đại học tại Mỹ.

Tại Trường Công Chánh, Tiến sĩ Nguyễn Triệu Đồng được đề cử là xử lý thường vụ Giám đốc Trường. Qua năm 1973 Tiến sĩ Nguyễn Đức Thịnh, do Hội Đồng Giáo sư Trương bầu, được Bộ Quốc Gia Giáo Dục bổ nhiệm làm quyền Giám đốc Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Sự Hủy Bỏ Kỳ Thi Tú Tài I 1973

Trong năm 1973, một thay đổi lớn trong ngành Giáo dục Phổ thông là sự hủy bỏ kỳ thi Tú tài I vào niên khóa 1972 - 1973. Từ nay các học sinh từ khi cấp sách tới trường sẽ chỉ phải thi một kỳ độc nhất là thi lấy bằng Tú tài Toàn phần. Cách thức cũng khác khi xưa, nay gọi là trắc nghiệm trong đó thí sinh sẽ phải chọn lựa các câu trả lời thích hợp a, b, c... cho những câu hỏi nêu ra. Bài thi đều được chấm bằng máy điện tử IBM. Tình trạng này cũng có ảnh hưởng tới sự thi tuyển vào học tại các Trường. Đó là tiêu chuẩn để tuyển chọn Sinh viên vào Ban Cán sự cũng là bằng Tú tài Toàn phần giống như Ban Kỹ sư.

Ban Thanh Hóa 1973

Năm 1973, Ban Thanh hóa (Sanitary Engineering) được lập ra để đào tạo những chuyên viên có kiến thức về Sinh Hóa để xét nghiệm và bảo tồn các thực phẩm tươi hoặc đông lạnh mà miền Nam đã bắt đầu có hàng sản xuất để tiêu dùng hay xuất cảng như thịt heo, thịt gà, cá, tôm đông lạnh v.v... Kỹ sư Phạm Viết Ái và Tiến sĩ Nguyễn Đức Thịnh, cùng Văn phòng Giáo sư Cố vấn UMR khi đó đã vận động được với cơ quan như Tòa Đô chánh, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục để thành lập Ban Thanh hóa. Để được tuyển vào học Ban này, Sinh viên phải có bằng Được sĩ Quốc Gia, bằng Kỹ sư Hóa học, hay bằng Cử nhân Hóa học. Thời gian học là một năm. Khi ra trường, Sinh viên được cấp chứng chỉ Tốt nghiệp Ban Thanh hóa. Lớp học được mở tại Trường Công Chánh và Phòng Thí nghiệm Hóa học được sử dụng làm nơi thực nghiệm của Sinh viên. Các cơ quan thực tập là các hãng sản xuất thực phẩm đông lạnh, các lò heo Chánh Hưng, Vissan, v.v... Số Sinh viên tốt nghiệp có khoảng trên 10 người. Sau năm này, ban Thanh hóa không tiếp tục mở lại nữa.

Cải Tổ Trung Tâm Lân Thứ Ba 1974: Chuẩn Bị Dời Trường Về Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức.

Một biến chuyển lớn khác nữa trong năm 1973 là sự thành lập Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức do Sắc lệnh số SL 264 / TT ngày 29 tháng 03 năm 1973 của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu.

Dự án Đại học Thủ Đức đã có từ thời Tổng thống Ngô Đình Diệm để dời các Trường Đại học Khoa học, Sư phạm, Văn khoa v.v... về đó. Dự án này đã đi liền với sự xây cất cơ xá cho các Giáo chức Đại học tại làng Đại học Thủ Đức dọc theo xa lộ Biên Hòa năm 1963. Tuy nhiên sự quy tụ các Trường Đại học này đã không thực hiện được, có lẽ một phần vì sự di chuyển khó khăn, một phần vì ngân sách của Bộ Giáo Dục không được đầy đủ. Do đó khu Đại học tại Thủ Đức bị bỏ dở nửa chừng. Vì vậy khi sắc lệnh lập Viện Đại Học Bách Khoa được ban hành thì Khu Đại học này được sửa đổi lại để biến thành Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức.

Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức, cách Sài Gòn khoảng 15 cây số, là nơi đào tạo các Kỹ sư và chuyên viên các ngành có trình độ Đại học, gồm có các trường: Đại học Nông Nghiệp, Đại học Kỹ Thuật, Đại học Giáo dục, Đại học Kinh tế và Quản trị, Đại học Khoa học Cơ bản, Đại học Thiết kế Thị thôn, và Đại học Cao cấp.

Theo dự trù, khu Đại học cũ sau khi chỉnh trang và xây cất thêm xong sẽ chuyển các Ban Cao Đẳng của các Trường Công Chánh, Điện, Công Nghệ và Hóa học thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ cũ về để lập thành Trường Đại học Kỹ Thuật; đồng thời cũng sẽ chuyển các Trường Canh nông, Lâm khoa, và Súc khoa thuộc Trung Tâm Nông Lâm Súc về để lập thành trường Đại học Nông Nghiệp.

Năm 1974, sau khi Giáo sư Đỗ Bá Khê được bổ nhiệm làm Viện trưởng Viện

Đại học Bách khoa Thủ Đức, để xúc tiến sớm hoạt động của Viện, một quyết định đã được đưa ra là sát nhập Ban Kỹ Sư của các Trường Cao Đẳng của Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật vào Viện Đại học Bách khoa. Do đó đã có sự sắp xếp để phân chia Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật thành 2 phần như sau:

1. Trao nguyên phần phụ trách Ban Cán Sự 2 năm cho Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật, được coi như mẫu mực của một Đại học Cộng Đồng.

Học viện sẽ lấy trụ sở hiện tại làm địa bàn hoạt động. Học viện gồm có 4 Ngành là:

- Ngành Kiến tạo và Công chánh, là Trường Công Chánh cũ.
- Ngành Điện và Điện tử, là Trường Điện Học cũ.
- Ngành Hóa học, là Trường Hóa Học cũ.
- Ngành Hàng Hải, là Trường Hàng Hải cũ.

Đứng đầu mỗi Ngành là một Giám đốc điều hành. Học viện sẽ đào tạo các Sinh viên chuyên ngành và sau khi tốt nghiệp sẽ gọi là Phụ tá Kỹ Sư. Thời gian đào tạo Phụ tá Kỹ Sư là 2 năm. Các dụng cụ và trang bị trong các phòng Thí nghiệm hiện tại đều thuộc về Học viện. Các nhân viên Giảng huấn cơ hữu hiện tại muốn ở lại làm việc cho Học viện phải làm giấy xin gia nhập. Viện trưởng của Học viện là Tiến sĩ Trần Minh Giám. Giám đốc ngành Kiến tạo và Công chánh là Kỹ sư Đoàn Văn Thân. Giám đốc các Ngành khác cũng đều được bổ nhiệm.

2. Chuyển phần phụ trách Ban Kỹ sư 4 năm cho 2 Trường là Trường Đại học Khoa học Cơ bản, và Trường Đại học Kỹ thuật.

Trường Đại học Khoa học Cơ bản chuyên lo phụ trách giảng dạy về Toán và các Khoa học Cơ bản cho Sinh viên Kỹ Sư năm thứ I và thứ II các ngành. Khoa trưởng của Trường là Tiến sĩ Võ Thế Hào. Văn phòng Khoa trưởng đặt tại Văn phòng Khoa Cơ bản.

Trường Đại học Kỹ thuật giữ phần đào tạo và huấn luyện các Kỹ sư về ngành chuyên môn. Sinh viên các lớp Cao Đẳng Đệ III và Đệ IV niên thuộc các Trường Công Chánh, Điện, Công Nghệ, Hóa Học đều được đặt dưới sự điều hành của Trường Đại học Kỹ thuật. Khoa trưởng Trường Đại học Kỹ thuật là Tiến sĩ Nguyễn Thanh Toàn, Phụ tá Khoa Trưởng là Tiến Sĩ Lưu Tiến Hiệp. Khoa trưởng đặc trách về Sinh viên vụ là Tiến sĩ Đào Kim.

Trường Đại học Kỹ thuật gồm có 4 Ngành:

- Ngành Kiến tạo và Công chánh, tức Trường Cao Đẳng Công Chánh cũ.
- Ngành Điện và Điện tử, tức Trường Cao Đẳng Điện Học cũ.
- Ngành Công Nghệ, tức Trường Quốc Gia Kỹ sư Công nghệ cũ.
- Ngành Hóa Học, tức Trường Hóa Học cũ.

Riêng Ngành Kiến tạo và Công chánh có 4 Ban: Ban Kiến Tạo, Ban Địa cơ và Đường lộ, Ban Địa hình và Ban Thủy lợi.

Sinh viên mỗi Ban sẽ học nhiều về chuyên ngành của mình. Hệ thống Tín chỉ bắt đầu được áp dụng cho mỗi ngành và mỗi học kỳ. Học kỳ chót sẽ được dùng để làm Đồ án cho ngành đã chọn.

Trưởng Ngành là một Giám đốc do sự tín nhiệm của Hội đồng Giáo chức cơ hữu bầu lên, và được Bộ Giáo Dục bổ nhiệm. Niên khóa 1973 - 1974, Tiến sĩ Nguyễn Đức Thịnh và Niên khóa 1974 - 1975, Kỹ sư Nguyễn Đức Chí là Trưởng Ngành.

Trong hai niên khóa này, các hoạt động của hai hệ thống đào tạo Phụ tá Kỹ Sư (học 2 năm) và Kỹ Sư (học 4 năm) vẫn tiến hành một cách bình thường. Mỗi Ngành đều có hai vị Giám đốc cùng ngồi làm việc để điều hành công việc dưới sự chỉ đạo của Viện trưởng Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật hay Khoa trưởng Trường Đại học Kỹ thuật.

Cuộc Biến Động 1975.

Cuối tháng 3 năm 1975 tình hình chiến sự trở nên trầm trọng và nguy kịch, văn phòng Khoa trưởng và các Trưởng Ngành đã quyết định cho Sinh viên thi mãn khóa sớm. Ngày 26 tháng 04 năm 1975, Chứng chỉ Tốt nghiệp được cấp phát cho Sinh viên năm chót tại lớp học trước khi những ngày biến động lớn xảy ra... Những Chứng chỉ này về sau đã được chính quyền trong nước cũng như ngoại quốc nhìn nhận tương đương như một Văn bằng.

Ngày 30 tháng 04 năm 1975 chính quyền Sài Gòn sụp đổ, toàn thể miền Nam Việt Nam đi vào một cuộc biến động đổi

đời... Trường Cao Đẳng Công Chánh, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật, Học Viện Quốc Gia Kỹ Thuật, Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức,... và biết bao cơ chế tổ chức khác đều trở thành dĩ vãng.

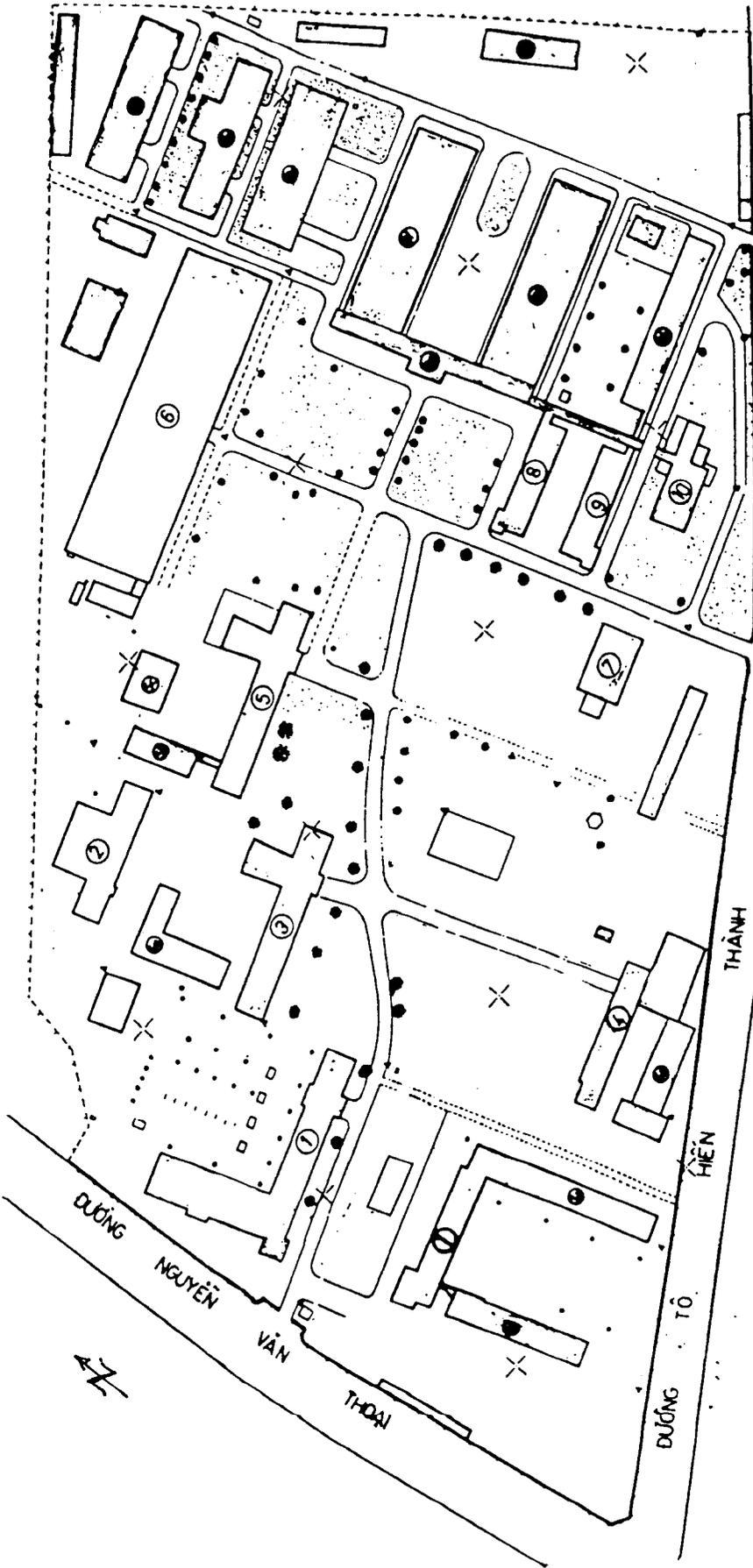
Phần Tiểu Sử Trường Cao Đẳng Công Chánh viết được tới đây phải tạm ngưng vì sau cuộc biến động 1975, có quá nhiều thay đổi và các sự kiện xảy ra ngoài đời cũng như bên trong Trường Công Chánh và Trung tâm không mấy ai rõ được. Hy vọng trong tương lai một ngày nào đó các Ái Hữu Công Chánh Hải ngoại có thể đọc được phần bổ túc của 25 năm sau do những người cựu Sinh viên Công Chánh của giai đoạn này ghi lại.



Thành Phố SAIGON

Các ĐỊA ĐIỂM do Trường CĐCC mở các lớp học
từ năm 1947 đến nay

- 1 1947 - 1948: Trường Kỹ Thuật thực hành, đ. Huỳnh Thúc Khang (Kỹ Thuật Cao Thang)
- 2 1948 - 1949: Trung tâm kỹ thuật, 25 Hồng Thập Tự (đ. Chasseloup Laubat cũ)
- 3 Cuối năm 1949: Tr. Đại Học Luật Khoa đ. Duy Tân (th.9 đến th. 11, 1949)
- 4 Th.9/49 đến th.1/50: Lầu 3 Tổng Nha Công Chánh, 55 d. Pasteur
- 5 Th.1/50 đến Hè 1952: tại Trường mới xây xong trong Khu vực Tr. Petrus Ky
*Th.9/52 đến 1957: dời trở lại Trung Tâm Kỹ Thuật, 25 Hồng Thập Tự
- 6 1957 đến nay: Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ



BẢN ĐỒ TRUNG TÂM QUỐC GIA KỸ THUẬT PHÚ THO

- ① Trường Cao Đẳng Điện Học và Khu Lambert (Đối diện)
- ② Cư xá Sinh Viên các Trường thuộc Trung Tâm
- ③ Trường Việt Nam Hàng Hải và Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ
- ④ Trường Cao Đẳng Hoà Học
- ⑤ Trường Cao Đẳng Công Chánh

- ⑥ Xưởng Công Nghệ
- ⑦ Văn phòng Hành Chính và Thư Viện
- ⑧ Trường Quốc Gia Thưng Mại
- ⑨ Trường Nữ Công Gia Chánh
- ⑩ Trường Sư Phạm Kỹ Thuật.

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG CHÁNH

VĂN-BẰNG CÁN-SỰ CHUYÊN-MÔN CÔNG-CHÁNH

Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục

- Chiếu Sắc-Lệnh số 4-TTP ngày 29-10-1955 về các Văn-Kiến kế-tiếp ấn-định thành phần Chính-Phủ;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 33-GD ngày 19-9-1949 ấn-định chức-chương của Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục;
- Chiếu Sắc-Lệnh số 213-GD ngày 29-6-1957 thiết-lập Trung-Tâm Quốc-Gia Kỹ-Thuật;
- Chiếu Nghị-Định số 599-CD/NĐ ngày 21-4-1959 ấn-định từ-chức về phương-diện Học-Vụ các trường Cao-Đẳng Công-Chính, Cao-Đẳng Điện-Học, Quốc-Gia Kỹ-Sư Công-Nghệ;
- Chiếu Biên-bản cuộc thảo-luận về đề nghị của Hội-Đông Giáo-Sư ngày 29 tháng 3 năm 1961 về đề được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục duyệt-y ngày 4 tháng 5 năm 1961.

Phạm Nguyễn Thanh

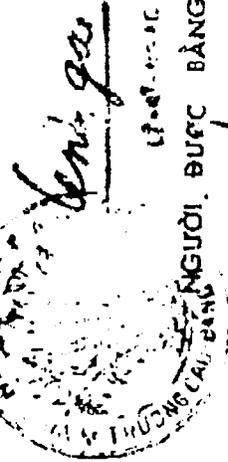
Cấp cho Ông *Phình Thuận* Văn-BẰNG CÁN-SỰ CHUYÊN-MÔN CÔNG-CHÁNH để chấp-chiếu và liên-dụng.

ngày 28 tháng 4 năm 1961

Làm tại SAIGON, ngày 2 tháng 9 năm 1961



GIÁM-ĐỐC TRUNG-TÂM QUỐC-GIA KỸ-THUẬT,
Đang-Trung-Tâm Quốc-Gia Kỹ-Thuật cấp
NGÀY 2 tháng 9 năm 1961
Số 250 / Y. TKT.



GIÁM-ĐỐC TRƯỞNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH,
Đang tịch tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục
ngày 14 tháng 3 năm 1952,
Số 251 / SSC

Nguyễn Đình

NGUYỄN ĐÌNH
Đang tịch tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục
ngày 14 tháng 3 năm 1952,
Số 251 / SSC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

TRUNG-TÂM QUỐC-GIA KỸ THUẬT

TRƯỞNG
CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH

CHỨNG-CHI

Số 156 /TCĐCC

Giám-Đốc Trường Cao-Đẳng Công-Chánh chứng

nhận rằng :

Ông HÀ - VĂN - TRUNG sinh ngày 24
tháng 6 năm 1936 tại Trà Vinh,
sinh-viên chánh-thức lớp C.Đ.Đ. IV Trường Cao.Đẳng
Công-Chánh, đã được chấm đầu bằng Kỹ-Sư
Địa-Chánh với số điểm trung-bình là 15,50/20
hạng Bình-thứ

Khóa ngày 10 tháng 4 năm 1962 tại Saigon.

Saigon, ngày 16 tháng 4 năm 1962
GIÁM-ĐỐC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH,

CƯỚC CHỦ : Chứng-chi này chỉ cấp cho mỗi người 1 bản và một lần thôi.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

TRUNG-TÂM QUỐC-GIA KỸ THUẬT

TRƯỞNG
CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH

CHỨNG-CHI

Số 1-ĐC /TCĐCC

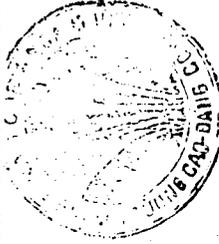
Giám-Đốc Trường Cao-Đẳng Công-Chánh chứng

nhận rằng :

Ông LÂM - VIỆN sinh ngày 25
tháng 7 năm 1931, tại Thủathiền,
sinh-viên chánh-thức lớp T.E. III Trường Cao.Đẳng
Công-Chánh, đã được chấm đầu bằng Cán-Sự
Địa-Chánh với số điểm trung-bình là 14,87/20
hạng Bình-thứ

Khóa ngày 13 tháng 4 năm 1963 tại Saigon.

Saigon, ngày 15 tháng 4 năm 1963
GIÁM-ĐỐC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH,



CƯỚC CHỦ : Chứng-chi này chỉ cấp cho mỗi người 1 bản và một lần thôi.

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM QUỐC-GIA KỸ-THUẬT
TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH

CHỨNG-CHI

Giám-Đốc trường Cao-Đẳng Công-Chánh lý tên dưới đây nhận thực rằng sinh-viên:

Trương-Hiến-Dục
sinh ngày 07.07.1949 tại Thái-bình
đã học hết chương-trình ban Cao-Đẳng trường Cao-Đẳng Công-Chánh và đã trúng-tuyển kỳ thi tốt nghiệp lấy bằng:

Thầy-Li-Dĩa-Chánh
khóa 14.05.1964.

Chứng chỉ này cấp cho đương-sự đã chấp-chiêu và tiếp-dụng trong lĩnh vực đời Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cấp phát văn-bằng chính-thức.

Saigon, ngày 24 tháng 5 năm 1964

NG

Chứng chỉ này chỉ có giá mỗi bản và phải được giữ cẩn thận khi một bản bị rách thì phải cấp thêm.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM QUỐC-GIA KỸ-THUẬT
TRƯỜNG CAO-ĐẲNG CÔNG-CHÁNH
Số 13 / 1 / CDCC

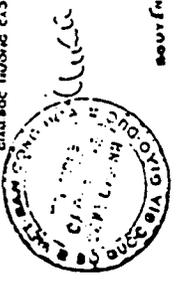
CHỨNG-CHI VĂN-BẰNG TẠM

Giám-Đốc Trường Cao-Đẳng Công-Chánh
chính nhận:

Ông Nguyễn-duy-Tâm
sinh ngày 22 tháng 9 năm 1942, tại Tân-an
sinh-viên chính-thức ban Công-Chánh
Trường Cao-Đẳng Công-Chánh, từ trước chưa nhận

hình: Thầy-dục Công-chánh
khóa ngày 17 tháng 5 năm 1965

Saigon, ngày 17 tháng 5 năm 1965
GIÁM ĐỐC TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG-CHÁNH



13/1

CUỘC CHU - Chứng chỉ này chỉ có giá mỗi bản và phải được giữ cẩn thận khi một bản bị rách thì phải cấp thêm.

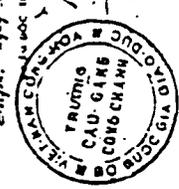
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 Đ. QUỐC-QUA GIÁO-DỤC
 TRUNG-TÂM QUỐC-QUA KỸ-THUẬT
 TRƯỜNG CAO-ĐẲNG
 CÔNG-CHÁNH
 SỐ: 20. KĐ/1/CCCS

CHỨNG-CHI VĂN-BẰNG TẠM

Giám-Đốc Trường Cao-Đẳng Công-Chánh

chứng nhận:

Đ. PHẠM-VĂN-SIQA
 sinh ngày 03 tháng 05 năm 1947, tại BÙI-CHU
 hiện-nên chính-thức ban Đ.Đ. CHÁNH
 Trường Cao-Đẳng Công-Chánh, đã được chấm điểm
 bằng: XI-SI Đ.Đ. CHÁNH
 liền ngày 21 tháng 7 năm 1971

Sinh, ngày 01 tháng 7 năm 1971
 Đ. HƯƠNG-CO-SHANG
 NGUYỄN-NGỌC-THY


CUỐC-QUA - Chứng chỉ này chỉ cấp cho mỗi người một lần và một lần thôi.
 Phải giữ gìn cẩn thận và phải giữ gìn cẩn thận.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 Đ. VĂN-HÓA GIÁO-DỤC - Đ. THANH-NHIÊN
 VIỆN BẠI HỌC BÁCH KHOA TIỂU-ĐỨC

SỐ 15.2A L.Đ.H.K.T.

CHỨNG CHỈ VĂN BẰNG TẠM

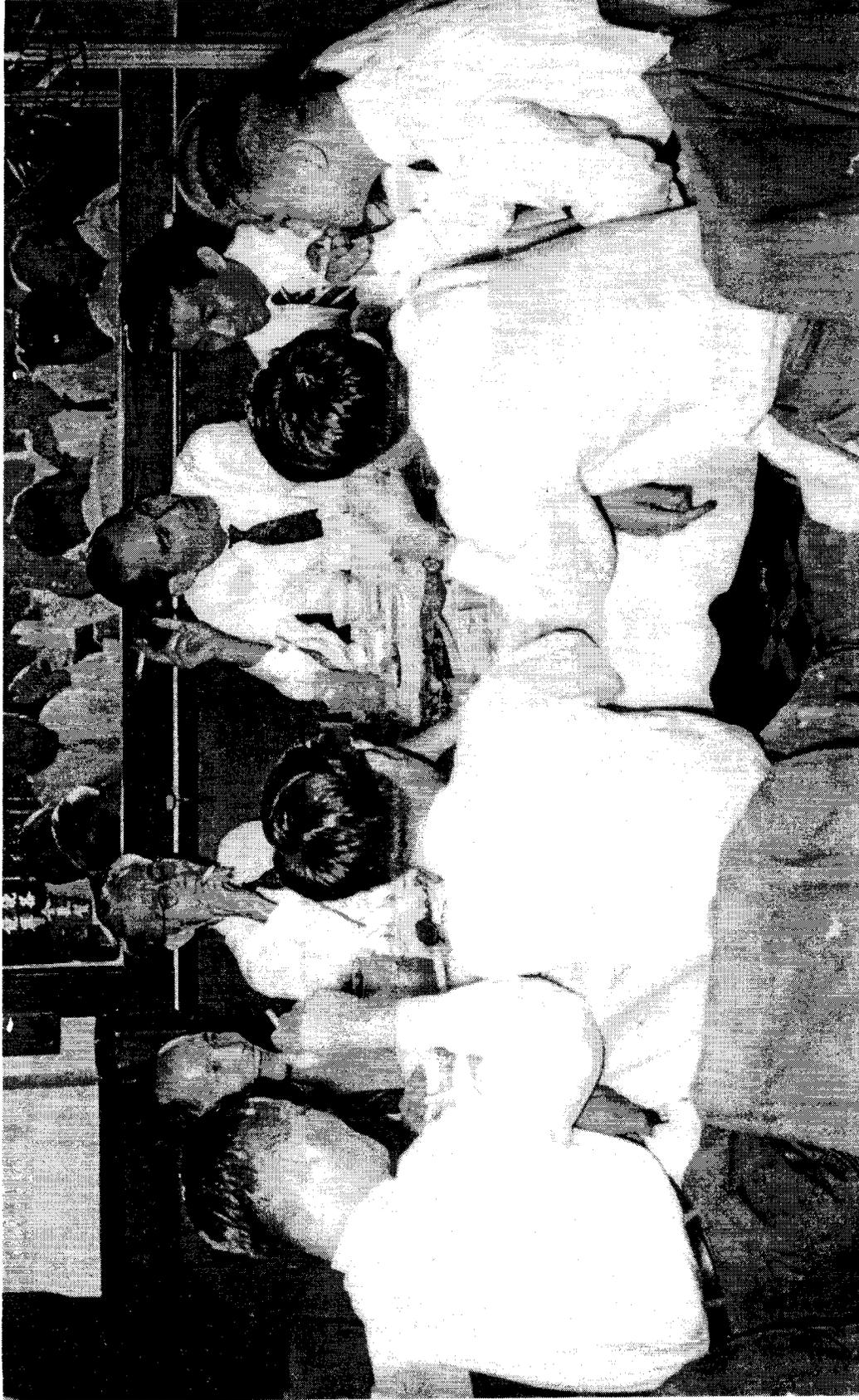
Viện - Trường Đại-Học Bách-Khoa Chi-Đức
 chứng nhận:

Ồ VĂN-MINH-HỒNG
 sinh ngày 18 tháng 02 năm 1952, tại SÀI-GÒN
 đã tốt nghiệp khóa học và được cấp phát:
 VĂN-BẰNG SỸ-SĨ Q.Đ.Đ. 032A
 Ngành KIẾN-TẠO & CÔNG-CHÁNH Ban Công-Chánh
 liền ngày 14 tháng 04 năm 1975

Sinh, ngày 20 tháng 04 năm 1975
 tại: HỒ-CHÍ-MINH VIỆN BẠI HỌC BÁCH KHOA TIỂU ĐỨC
 của Trường Trung-Bại Học Kỹ Thuật

(Handwritten signature)

T. S. NGUYỄN VĂN THANG Đ. Đ. Đ. Đ.



CÁC GIÁO SƯ 1958

Nhìn thấy mặt, từ trái quanh bàn tròn: Nguyễn Văn Đức, Lục Văn Sáu, Lê Văn Lám, Nguyễn Khắc Nhân, Lê Sĩ Ngạc (nhìn trong gương), Trần Ngọc Oánh, Nguyễn Chánh (?), (?).

Hình của Nguyễn Thái Hai



(Hình của Nguyễn thái Hai)

KHÓA KSCC 1959

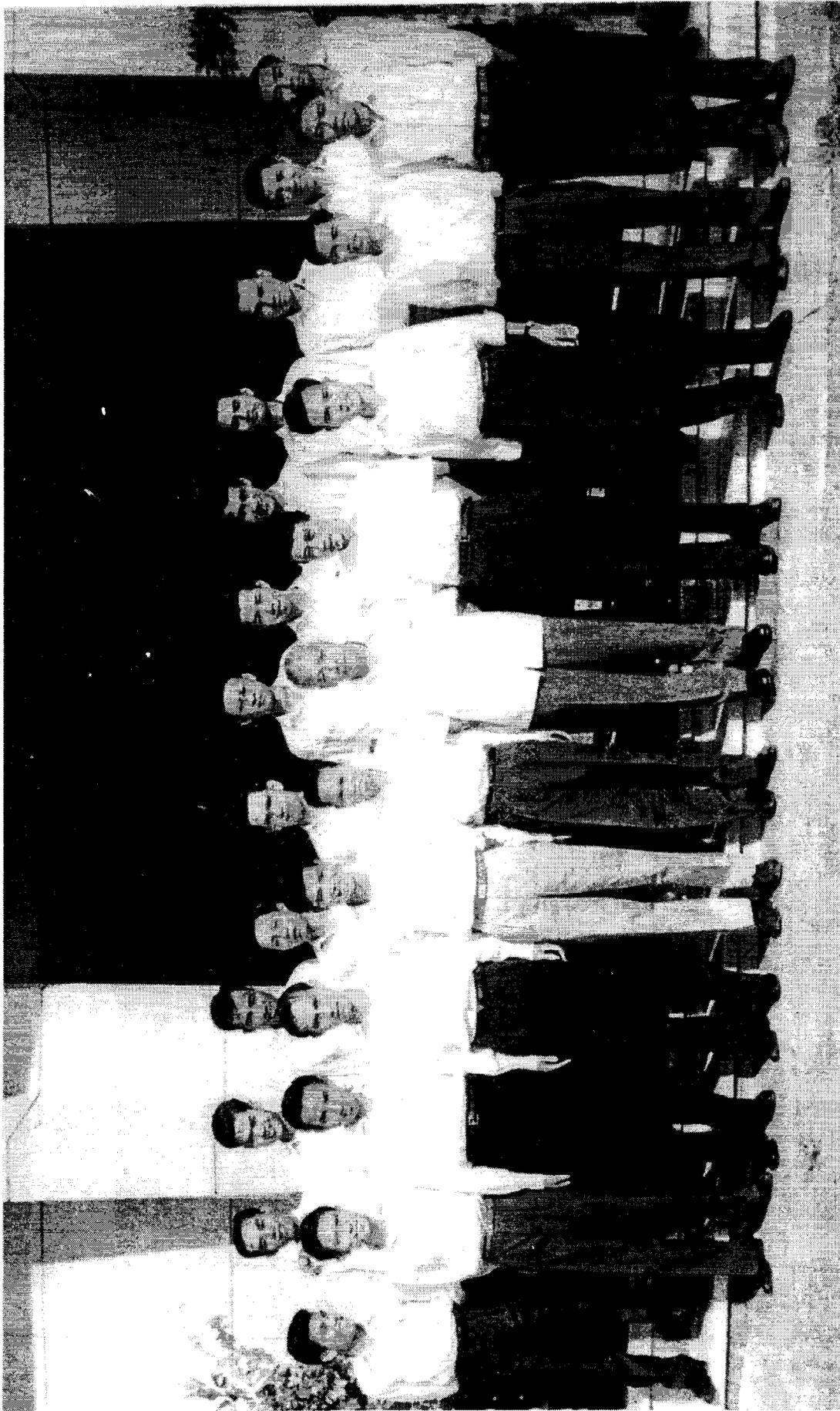


KHÓA KSCC 1961 *Hàng đứng phía trước:* Trần thế Mạnh, Nguyễn văn Phổ, Huỳnh minh Trung, Thầy Đàm sĩ Hiến, Thầy Nguyễn văn Hải, Thầy Lê sĩ Ngạc, Thầy Phạm hữu Vinh, Thầy Nguyễn xuân Khuông, Thầy Trần văn Tài, Ông Nguyễn bình Tuân.

Hàng đứng giữa: Châu thành Phước, Không thầy, Thầy Lục văn Sáu, Không nhỏ, Bùi văn Sơn, Phạm văn Hiền, Thầy Nguyễn văn Chiếu, Thầy Joytel, Cao minh Chân (Đại tá).

Hàng đứng sau cùng: Nguyễn văn Di, Nguyễn cao Đàm, Ta văn Hồng, Nguyễn văn Quý (Đại tá), Không nhỏ, Trần khiêm Đồng, Nguyễn quý Hân, Nguyễn thái Hòa, Nguyễn văn Quyền (Đại tá), Nguyễn Hoàng Nhạn, Không nhỏ, Không nhỏ, Phạm thanh Liêm, Nguyễn văn Phú (Đại tá), Võ quang Lý.

(Hình của Nguyễn văn Phổ)

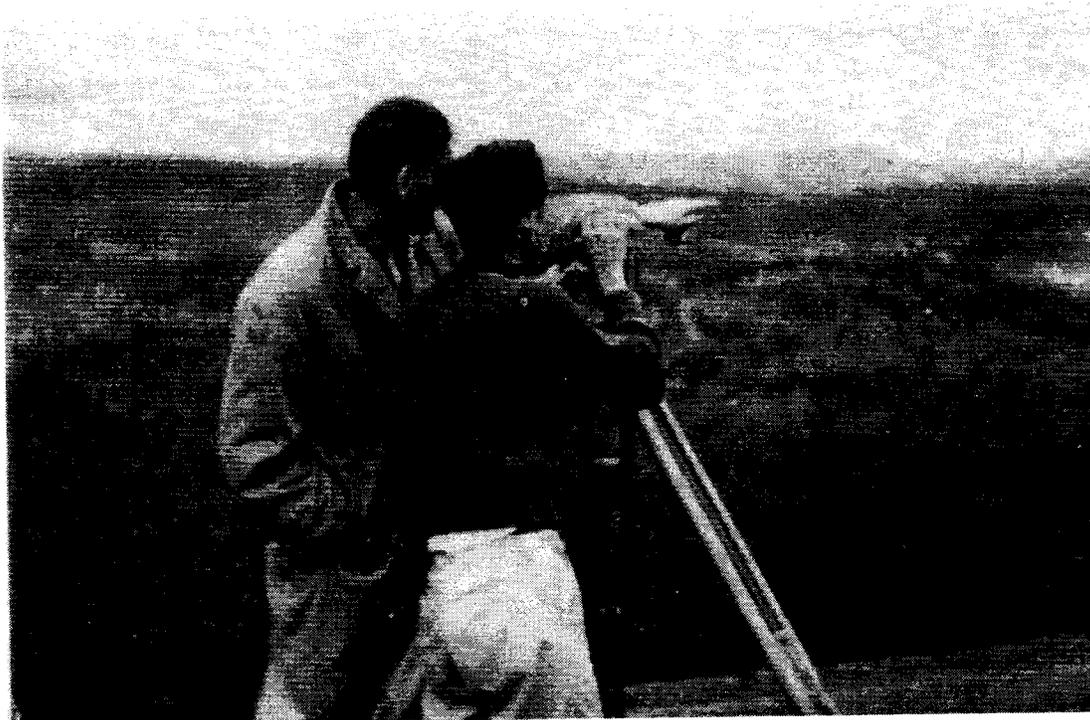


KHÓA 1 KSCC 1958-1962

Hình của GS Lê Sĩ Ngạc

Hàng trước: Nguyễn Đình Viên, Phạm Lương An, Lưu Ngọc Thuận, Nguyễn Thanh Toàn, Nguyễn Hạnh, Trịnh Ngọc Răng, GS Lê Sĩ Ngạc, GS Nguyễn Chánh, Vũ Kim Chu, Đào Hữu Đình, Nguyễn Khắc Cần.

Hàng sau: Mai Kiệt Hùng, Mai Thanh Toàn, Nguyễn Văn Độ, Trần Nhị Khánh, Tô Hữu Quý, Phạm Hữu Tùy, Ngô Trọng Các, Võ Hùng, Khương Hùng Chấn, Lương Xuân Sài, Lương Ngọc Mai, Hoàng Như Ngọc.



Hình 1: Giáo sư Perrault Saussine đang hướng dẫn sinh viên Hà Văn Trung ngắm máy đo đạc từ đỉnh Lap Be Nord (Đà Lạt – hè 1961).



Hình 2: Trên đỉnh Lap Be Nord (Đà Lạt – hè 1961). Khóa 1 Kỹ Sư Địa Chánh. Từ trái sang phải: Hà Văn Trung, Lý Bình, giáo sư Perrault Saussine, Huỳnh Minh Nguyễn, Huỳnh Long Trị, anh Tâm của Nha Địa Dư Đà Lạt biệt phái theo giúp đỡ khóa 1 làm thực tập.



KHÓA 3 KSCC&ĐC

Từ trái qua mặt:

Huỳnh Mộng Tuyên
 Đỗ Hữu Minh Châu
 Nguyễn Thanh Hùng
 Lữ Phúc Bá (Điện)
 Trình Hữu Dục
 Nguyễn Hữu Thọ
 Tôn Thất Diệp



KHÓA 3 KSCC&ĐC

Vương Nam Dương
 Lê Nghiêm Hùng
 Nguyễn Hữu Thọ
 Lê Thanh Tòng
 Huỳnh Mộng Tuyên
 Nguyễn Quốc Bảo
 Trình Hữu Dục

KHÓA 3 KSCC&ĐC

Hàng trước

Phạm Thái Nguyên
 Tô Ngọc Sử
 Nguyễn Thiệp
 Phạm Văn Lương
 Trần Như Thông

Hàng sau

Nguyễn Thanh Hùng
 Huỳnh Mộng Tuyên
 Tôn Thất Diệp
 Vương Nam Dương
 Lê Thanh Tòng (?)
 Trần Đình Vượng





KHÓA KSCC&ĐC 1963-1967

Hình của Ngô Hoàng Các

Thực tập Địa Hình trước Cơ Xưởng Trường QGKSCN, 1965

Trần Đình Thọ, Ngô Hoàng Các, Nguyễn Đình Bốn, Nguyễn Văn Út,
Nguyễn Văn Đạt.



KHÓA KSCC&ĐC 1963-1967

Hình của Ngô Hoàng Các

Thực tập Hè tại Vũng Tàu, 1966

Nguyễn Hữu Định, Huỳnh Thu Nguyên, Ngô Hoàng Các, Nguyễn Đình Bốn, Lại Anh Tài, Hồ Tấn Đức, (Không rõ), Trần Đình Thọ.



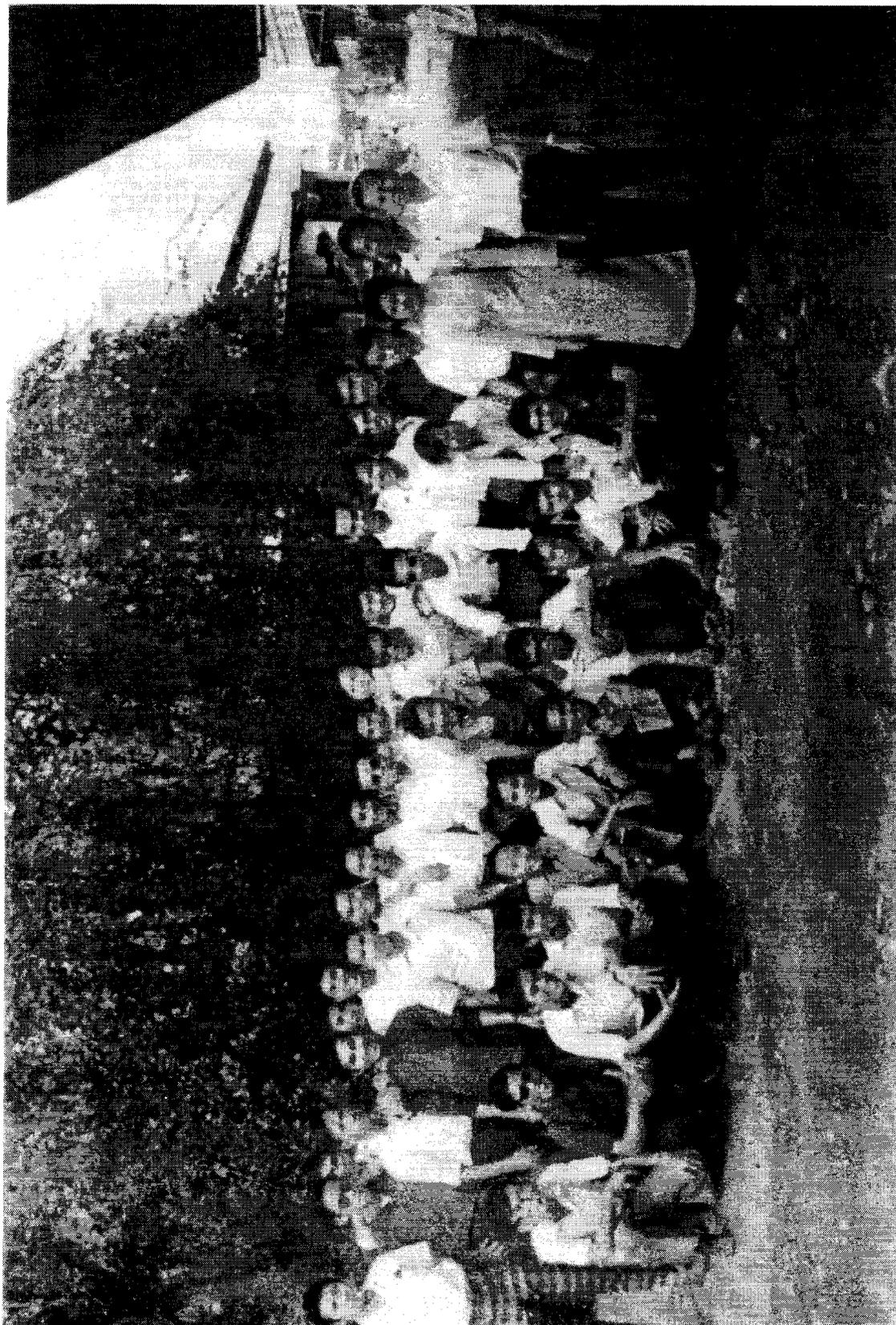
KHÓA CSCC&ĐC 1961-1964

Hàng đứng phía trước: Phu, Tánh, Ngọc, Long, Quy, GS Lê sĩ Ngạc, GS Trần văn Ngọc, Hùynh, Bá, Lãng, Nhu, Nguyễn, Hiên, Hoan.

Hàng đứng giữa: Thiết, Giao, Labouray, Nguyễn, Du, Thanh, Huệ, Nghiệp.

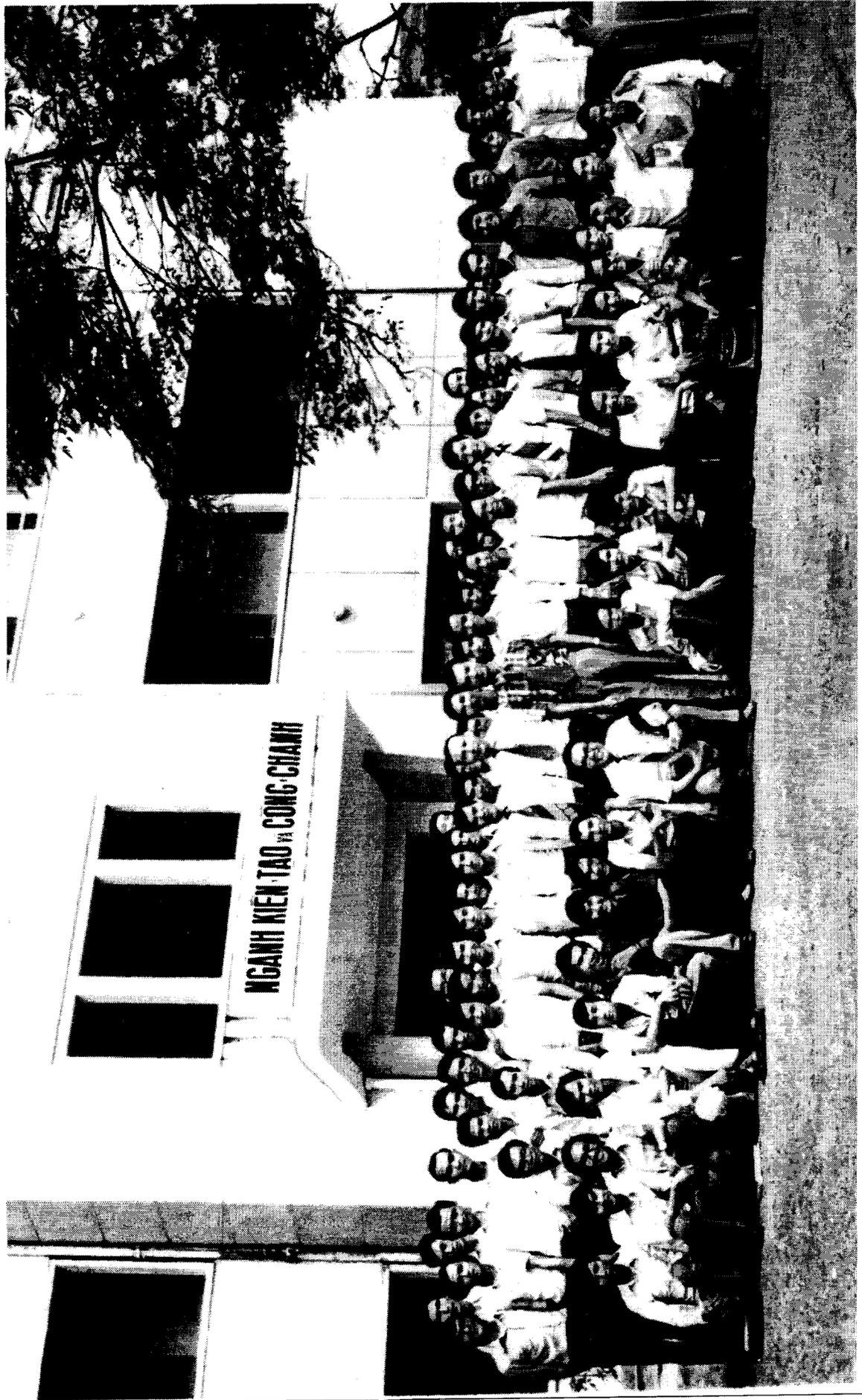
Hàng đứng sau cùng: Bàng, Tình, Cường, Lan, Vương, Thân, Phước, Khemphet, Phúc.

(Hình của Bùi trọng Cường)



(Hình của Nguyễn quang Cách)

KHÓA 13 KSCC&ĐC 1970-1974



KHÓA 14 KSCC&ĐC 1971-1975

(Hình của Nguyễn Phú Cường)



KHÓA 14 KSCC&ĐC 1972-1977

(Hình của Tử Minh Tâm)

Vòng ngoài: Tô Văn Ấn, Bùi Bá, Nguyễn Công Bằng, Nguyễn Văn Bé (A), Nguyễn Văn Bé (B), Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Tăng Chương, Nguyễn Duy Linh Cỏ, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Quốc Cường, Nguyễn Ngọc Diêu, Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Duy Hoài Dương, Nguyễn Hoàng Chí Đức, Nguyễn Văn Đăng, Dương Quang Hà, Lê văn Hiến, Nguyễn Văn Hiệp.

Vòng giữa: Nguyễn Hào Hiệp, Lý Xuân Hoà, Nguyễn Thúc Hoàng, Nguyễn Văn Hồ, Nguyễn Năng Hùng, Nguyễn Văn Hùng, Trần Thư Hương, Thái Hữu, Dương Chí Khải, Nguyễn Văn Liêm, Lâm Văn Liêm, Phạm Bá Lộc, Lê Minh Lộc, Nguyễn Trung Lương, Trần Văn Lý.

Vòng trong: Đoàn Thái Lai, Đoàn Lý Mật, Nguyễn Kỳ Nam, Châu Minh Nhân, Lê Nguyệt Oanh, Nguyễn Tự Phát, Đoàn Khắc Phiếu, Nguyễn ngọc Phú, Trần Đình Phú, Trang Thanh Phương, Võ văn Quan.

Hàng ngang trên: Trương Thông Quốc, Trần Tấn Quốc, Phạm Văn Quối, Dương Bá Quý, Phạm Sanh, Bùi Văn Sang, Lê Đình Sâm, Bùi Ninh Sơn, Nguyễn Ngọc Sơn, Trần Sơn, Tôn Thất Tập, Tử Minh Tâm, Nguyễn Văn Tiềm, Huỳnh Bá Tiến, Nguyễn Đình Toàn.

Hàng ngang dưới: Nguyễn Văn Toàn, Hứa Văn Tuấn, Phạm Minh Tuấn, Lê Tuấn, Lê Hoàng Tuấn, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Công Thành, Trịnh Thủy Thảo, Trần Xuân Thọ, Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Xuân Trung, Hoàng Văn Vinh, Trần Công Vinh, Ngô Ngọc Vượng, Diệp Thế Xuân.



KHÓA 12 KSCC 1969-1973.

(Hình của Nguyễn khoa Long)

TÓM LƯỢC LỊCH SỬ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG CHÁNH

Để phát triển thương mại, kinh tế, nhất là ngành Giao thông vận tải tại Việt Nam, người Pháp lo mở mang và sửa sang đường sá cầu cống cho tiện việc lưu thông.

Năm 1898 Nha Tổng Thanh Tra Công Chánh Đông Dương (TTTCCĐĐ) và các Ty Sở Công Chánh được thành lập.

Trường Công Chánh ra đời 1902:

Để có chuyên viên người Việt Nam giúp việc cho các cơ quan Công Chánh, bắt đầu tháng 02 năm 1902, người Pháp thành lập “Ngạch Cán Sự Chuyên Môn Bản Xứ Ngành Công Chánh” (CSCMCC). Đến tháng 06 năm 1902, các lớp đào tạo nhân viên cho ngành Công Chánh được bắt đầu. Nhà trường đặt tại Hà Nội và có tên là “Trường Thư Ký và Cán Sự Chuyên Môn Công Chánh” (Ecole des Secrétaires et Agents Techniques des Travaux Publics). Sinh viên được tuyển dụng vào học năm đầu được gọi là “thi tuyển dụng vào công sở”, được bổ nhiệm Thư ký hạng 5. Sau một năm tập sự được thi hoàn tất tập sự để lên năm thứ hai, và được bổ dụng Thư ký hạng 3. Sau một năm học, sinh viên phải thi ra trường và tiếp theo được dự kỳ thi tuyển dụng vào “Ngạch Cán sự chuyên môn Công Chánh bậc 2”. Những ai thi hỏng phải trở lại ngạch Thư ký hạng 3 như cũ.

Vào năm 1906, Toàn quyền Đông Dương Paul Beau đã ký Nghị định thành lập Trường Đại Học Đông Dương (Nghị định ngày 16 - 05 - 1906) mục đích chặn đứng phong trào Đông Du do cụ Phan Bội Châu đề xướng. Tuy nhiên vì không đủ số sinh

viên theo học nên Trường phải đóng cửa sau đó. Riêng Trường Thư ký và Cán Sự Chuyên Môn Công Chánh vẫn còn tiếp tục hoạt động. Nhà Trường lúc này do Nha TTTCCĐĐ điều hành và sau đó được cải tổ rất nhiều lần như được trình bày tiếp sau đây:

Cải Tổ Trường Thư Ký và Cán Sự Chuyên Môn Ngành Công Chánh năm 1913:

Năm 1913 Nhà Trường được cải tổ theo Nghị định số 1015 ngày 15 - 04 - 1913 của Toàn Quyền Đông Dương Albert Sarraut, và Trường được đổi tên là “Trường Công Chánh” (Ecole des Travaux Publics), trụ sở vẫn đặt tại Hà Nội. Trường vẫn trực thuộc Nha TTTCCĐĐ, chương trình học là 2 năm. Các sinh viên có Văn bằng Cao đẳng Tiểu học (bằng Trung học đệ I cấp) được nhận vào học năm thứ nhất miễn thi, những ai không có văn bằng phải dự kỳ thi tuyển. Sau năm thứ hai, sinh viên ra trường, nếu tốt nghiệp được bổ dụng ngạch Cán Sự Chuyên Môn (CSCM) bậc 1 hạng 4.

Cải Tổ Trường Công Chánh năm 1918:

Năm 1917, Toàn Quyền Albert Sarraut tái lập Trường Đại Học Đông Dương Hà Nội. Các lớp Cao Đẳng sau đây được mở cho sinh viên theo học: Thuốc và Dược, Thú y, Luật và Hành Chánh, Sư Phạm, Nông Lâm, Công Chánh.

Trường Công Chánh được nâng lên là “Trường Cao Đẳng Công Chánh Đông Dương” (Ecole Supérieure des Travaux Pub-

lics de l'Indochine" (ĐCĐCĐĐ), chương trình học cũng 2 năm. Điều kiện thi tuyển cũng như trước đây, nhưng các sinh viên tốt nghiệp được tuyển vào ngạch CSCC tập sự, sau 2 năm làm việc được thi lên CSCC hạng 4. Trường ĐCĐCĐĐ kể từ lúc này trực thuộc Tổng Nha Học Chánh Đông Dương.

Lớp Cao Đẳng Công Chánh (Cours Supérieur des Travaux Publics) **Năm 1922:**

Năm 1922 lớp Cao Đẳng Công Chánh được thành lập để đào tạo các Công Trình Sư Công Chánh (Agents Voyers des Travaux Publics) (CTS). Lớp CTS được dạy tại trường Khoa Học Thực Hành, và chỉ dành cho các CSCMCC khi thi ra trường có điểm trung bình từ 13 trở lên, hoặc có 4 năm công vụ và thi đỗ từ hạng thứ 10 trở lên. Thời gian học là 12 tháng, chương trình học gần như chương trình đào tạo Kỹ Sư Công Chánh bên Pháp. Các sinh viên đỗ được cấp văn bằng gọi là: "Diplôme d'Etudes Supérieures, Ecole des Sciences Appliquées - Section du Cours Supérieur des Travaux Publics" và được bổ dụng vào ngạch CTS tập sự. Sau 4 năm làm việc, phải dự kỳ thi vào ngạch "Công Trình Sư Thực Thụ", nếu ai thi hỏng phải trở lại ngạch CSCM như cũ. Đến năm 1928 Trường Khoa Học Thực Hành bị bãi bỏ, lớp đào tạo CTSCC được sát nhập vào Trường ĐCĐC. Lớp CTS 1943 - 1944 được cải đổi thành lớp đào tạo Kỹ Sư Công Chánh Đông Dương và đây là lớp Kỹ Sư đầu tiên của Trường ĐCĐCĐĐ. Khóa Kỹ Sư này được khai giảng tại Hà Nội, nhưng đến Hè năm 1944 phải dời về Lycée Yersin Dalat vì Đồng minh oanh tạc Hà Nội.

Cải Tổ Năm 1925:

Trong lần cải tổ này, Trường ĐCĐC có nhiệm vụ đào tạo các CSCM người bản xứ cho các Sở Công Chánh, Địa Chánh, và Địa Dư; các môn học về Địa Chánh, Địa Dư được đưa thêm vào chương trình học. Thời gian học được tăng lên 3 năm. Sinh viên thi

vào năm thứ nhất có điều kiện giống như các năm trước. Nhưng với năm thứ hai, các sinh viên có văn bằng Tú Tài II bản xứ hay Tú Tài I Pháp được dự thi vào học.

Sinh viên đỗ ra trường được cấp văn bằng gọi là "Văn Bằng Tốt Nghiệp lớp Cao Đẳng trường Đại Học Khoa Công Chánh" (Diplôme Supérieur de l'Université avec mention Ecole des Travaux Publics), và được bổ nhiệm vào ngạch CSCC tập sự, sau hai năm làm việc được bổ dụng vào ngạch CSCC hạng 4.

Năm 1931, Trường ĐCĐC tạm ngưng tuyển dụng sinh viên vào học các lớp đào tạo CSCM.

Cải Tổ Năm 1938:

Năm 1938 Trường ĐCĐC mở lại lớp đào tạo CSCM cho các ngành Công Chánh, Địa Chánh và Địa Dư. Chỉ có những thí sinh có Văn bằng Cao Đẳng Tiểu học (tức Trung học Đệ nhất cấp sau này) hay tương đương mới được thi vào năm thứ nhất và học trong 3 năm. Các thí sinh có Văn bằng Tú Tài II hay các Văn bằng tương đương được miễn học năm thứ nhất, thi vào học năm thứ hai và học trong 2 năm để ra Cán Sự Chuyên Môn. Sinh viên thi đỗ được cấp phát Văn Bằng Tốt Nghiệp CSCC và được bổ dụng vào ngạch CSCC tập sự.

Ngày 09 tháng 03 năm 1945, quân đội Nhật Bản đảo chánh Pháp, Trường ĐCĐC tại Hà Nội phải đóng cửa.

Tái Lập Trường Công Chánh tại Sài Gòn năm 1947:

Đến tháng 07 năm 1947, Trường ĐCĐC được mở cửa trở lại tại Sài Gòn cho Ban Trung Đẳng.

Năm 1950 Trường được chuyển giao lại cho chính phủ QGVN.

Chương trình học được áp dụng theo Nghị định số 2027 - D ngày 08 - 08 - 1944 và các Nghị định bổ túc sau đó. Các lớp học gồm có:

- **Lớp Dự Bị:** muốn dự thi tuyển vào học, sinh viên phải có bằng Trung học Đệ nhất cấp hoặc Tú Tài I.

- **Lớp Đệ I Trung Đẳng:** muốn dự thi tuyển vào học, sinh viên phải có Tú Tài II.

- **Lớp Đệ II Trung Đẳng:** muốn dự thi tuyển vào học, sinh viên phải có chứng chỉ Toán Học Đại Cương.

Sau khi học xong lớp Đệ II Trung Đẳng, sinh viên sẽ thi ra trường lấy bằng Cán Sự Công Chánh (điểm tốt nghiệp tối thiểu 12/20).

Đến tháng 09 năm 1951, lớp Cao Đẳng được bắt đầu mở lại để đào tạo Kỹ Sư Công Chánh. Trường không nhận Ban 2 lớp Cao Đẳng (sinh viên có chứng chỉ Toán Học Đại Cương hoặc Vật Lý Đại Cương thi tuyển vào lớp Cao Đẳng học 2 năm thi lấy bằng KSCC) mà chỉ nhận sinh viên Ban 1 tức chỉ nhận cho lên học lớp Cao Đẳng các Cán Sự Công Chánh có đủ một lượt 2 điều kiện là bằng Tú Tài II và điểm tốt nghiệp ra CSCC từ 14/20 trở lên. Thời gian học là 12 tháng. Điểm tối thiểu thi ra trường để tốt nghiệp bằng KSCC là 14/20.

Vào thập niên 1950, số sinh viên hội đủ 2 điều kiện rất ít, nên để có thể mở lớp Cao Đẳng, Hội Đồng Nội Các chấp nhận cho các sinh viên có 1 trong 2 điều kiện cũng được lên học lớp Cao Đẳng. Tuy nhiên ngoại lệ này chỉ được áp dụng đặc biệt cho 3 khóa KSCC tốt nghiệp năm 1952, 1954 và 1955; còn nếu muốn theo học 6 khóa KSCC tốt nghiệp từ năm 1956 đến năm 1961 các sinh viên bắt buộc phải hội đủ một lượt 2 điều kiện trên.

Trong thời gian này, Trường cũng đào tạo một số Kỹ Sư và Cán Sự Địa Chánh và Địa Dự.

Khóa KSCC chót thuộc quy chế cũ tốt nghiệp năm 1961 và khóa CSCC chót quy chế cũ tốt nghiệp năm 1960.

Trường Công Chánh thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ (TTQGKTPT) và những Cải Tổ kể từ năm 1958 đến năm 1975:

Năm 1957, TTQGKTPT được thành lập. Trường CDCC được dời về Trung Tâm này từ năm 1956, và qua năm 1957, Trường Công Chánh trực thuộc Trung Tâm cùng với các Trường Cao Đẳng Điện, Công Nghệ, Hóa Học và Hàng Hải.

Trường CDCC lúc này cũng gồm hai Ban: Ban Cán Sự và Ban Kỹ Sư.

Đối với Ban Kỹ Sư, kể từ năm 1958, chỉ những thí sinh có bằng Tú Tài toàn phần Toán hay Kỹ thuật mới được nhận thi vào học năm thứ nhất. Chương trình học trong 4 năm. Sinh viên thi ra trường tốt nghiệp được cấp phát Văn Bằng Kỹ Sư Công Chánh hay Địa Chánh tùy môn học.

Đối với Ban Cán Sự có những thay đổi như sau:

- Trong những năm đầu từ khi TTQGKTPT được thành lập năm 1957, thí sinh thi vào học phải có văn bằng tốt nghiệp Trung Học Phổ Thông hay Kỹ Thuật, và có chứng chỉ học lớp Đệ Tam, thời gian học là 3 năm, 3 tháng Hè phải đi tập sự tại các Nha, Sở, hay Ty Công Chánh địa phương. Thi tốt nghiệp ra trường, nếu sinh viên có điểm trung bình từ 12 trở lên được cấp phát văn bằng “Cán Sự Công Chánh hay Cán Sự Địa Chánh”

- Năm 1967, kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp bị bãi bỏ, thí sinh phải có chứng chỉ tốt nghiệp Tú Tài I mới được nhận thi vào học ban Cán Sự, chương trình học rút lại còn 2 năm.

- Năm 1973, kỳ thi Tú Tài I được bãi bỏ, chỉ còn bằng Tú Tài II, các thí sinh phải có bằng Tú Tài II mới được thi vào học Ban Cán Sự, thời gian học là 2 năm. Điều kiện này áp dụng cho đến ngày 30 tháng 04 năm 1975.

PHÂN KẾT:

Từ năm 1902 đến năm 1975 Trường đã đào tạo trên 2000 chuyên viên kỹ thuật bao gồm Kỹ Sư, Công Trình Sư và Cán Sự các ngành Công Chánh, Địa Chánh và Địa Dư.

Các chuyên viên này đã phục vụ đất nước một cách đặc lực trong nhiều lãnh vực xây cất đường sá, cầu cống, phi trường, hỏa xa, hải cảng, nhà cửa v.v tại Việt Nam. Nhiều

người sau khi ra trường CDCC đã tốt nghiệp thêm bằng Tiến Sĩ ở Mỹ, Canada hoặc tại các Trường lớn ở Pháp.

Từ năm 1975 đến nay khoảng độ 750 chuyên viên kỹ thuật nói trên di tản ra nước ngoài và đã làm việc trên khắp thế giới. Các Ái hữu này đã chứng tỏ có đầy đủ khả năng hoàn tất tốt đẹp mọi việc giao phó và hãnh diện là đã xuất thân từ Trường Cao Đẳng Công Chánh Việt Nam.